

NGUYỄN KHẮC THUẬN

VIỆT SỬ GIAI THOẠI

TẬP 5
62 GIAI THOẠI THỜI LÊ SƠ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

NGUYỄN KHẮC THUẦN

VIỆT SỬ GIẢI THOẠI

TẬP 5

62 GIẢI THOẠI THỜI LÊ SƠ

(Tái bản lần thứ chín)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

9(V)(083)
GD - 04 1752/125-03

Mã số: 8H018t4-CNH

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếp theo tập 36 giai thoại thời Hồ và thời thuộc Minh là tập 62 giai thoại thời Lê Sơ. Ở tập này, ngoài những giai thoại thuộc khung lịch sử thời Lê Sơ, chúng tôi còn giới thiệu thêm những giai thoại thời khởi nghĩa Lam Sơn, với ý định cụ thể là cố gắng trình bày một cách có hệ thống về cuộc đời của Lê Lợi, người phát động và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống quân Minh đô hộ, người có công sáng lập ra triều Lê và cũng là vị vua đầu tiên của thời Lê Sơ.

Các giai thoại đều được viết trên cơ sở trích dịch những ghi chép của sử cũ. Bất cứ đoạn trích dịch nào cũng đều có những ghi chú giản lược mà đầy đủ, những dữ kiện tư liệu để bạn đọc có thể tiện kiểm tra lại khi xét thấy cần.

Tuy nhiên, vì không có trong tay nguyên bản **Đại Việt thông sử** của Lê Quý Đôn, cho nên, những giai thoại nào lấy từ **Đại Việt thông sử**, chúng tôi đều trích nguyên văn bản dịch của Ngô Thế Long trong **Lê Quý Đôn toàn tập, tập III - Đại Việt thông sử** (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978). Trích ở trang nào, chúng tôi ghi rõ số trang ấy trong ngoặc đơn đặt ở ngay trước phần trích.

Chúng tôi rất lấy làm hân hạnh được giáo sư Mai Cao Chương và giáo sư Lương Duy Thứ đọc và góp cho nhiều ý kiến rất quý giá. Nhân dịp này, xin được chân thành cảm ơn hai giáo sư, và chúng tôi cũng mong mỗi sẽ được đón nhận thêm nhiều ý kiến của bạn đọc gần xa.

Thành phố Hồ Chí Minh 18-4-1993

NGUYỄN KHẮC THUẦN

01 - LÍ LỊCH XUẤT THÂN CỦA LÊ LỢI

7àng tổ của Lê Lợi là Lê Hối, vốn người ở thôn Như Áng. Sách *Đại Việt thông sử* (trang 31) chép rằng : "Một hôm, cụ đi chơi thấy đàn chim lượn vòng quanh trên một khoảng đất nơi dưới núi Lam Sơn, trông như hình một đám người tụ hội. Cụ nghĩ : "Chỗ này tất là nơi đất lành", bèn dời nhà đến ở đấy, rồi khai phá ruộng vườn, tự chăm lo cày cấy, được ba năm thì thành sản nghiệp, từ đấy, đời đời đều là hùng trưởng một phương".

Lê Hối sinh ra Lê Thịnh. Lê Thịnh lấy bà Nguyễn Thị Quách, sinh hạ hai người con trai, con trưởng là Lê Tông, con thứ là Lê Khoáng. Lê Khoáng kết hôn với bà Trịnh Thị Ngọc Thương, sinh hạ được ba người con trai, con trưởng là Lê Hộc, con thứ là Lê Trừ và con út là Lê Lợi.

Cũng sách *Đại Việt thông sử* (trang 32) chép rằng : "Vua sinh giờ tí (tức từ khoảng 23 giờ đến 1 giờ sáng - NKT) ngày mồng 6 tháng 8 năm Ất Sửu (1385), niên hiệu Xương Phù thứ 9 nhà Trần, tại làng Chủ Sơn, huyện Lôi Dương. Nguyên trước, xứ Du Sơn, thôn Như Áng Hậu thuộc làng này (Chủ Sơn), có một cây quế, dưới cây quế này có con hùm xám thường xuất hiện, nhưng nó hiền lành, vẫn thường thân cận với người mà chưa từng hại ai. Từ khi Vua ra đời thì không thấy con hùm ấy đâu nữa. Người ta cho là một sự lạ ! Ngày Vua ra đời thì trong nhà có hào quang đỏ chiếu sáng rực, và mùi thơm ngào ngạt khắp làng. Khi lớn lên thì thông minh dũng lược, độ lượng hơn người, vẻ người tươi đẹp hùng vĩ, mắt sáng, miệng rộng, sống mũi cao, xương mi mắt gồ lên, bả vai bên tả có 7 nốt ruồi, bước đi như rồng như hổ, tiếng nói vang vang như tiếng chuông. Các bậc thức giả biết ngay là một người phi thường.

Khi Vua làm phụ đạo ở Khả Lam, được hồn sư ông mặc áo trắng hiển hiện chỉ cho ngôi huyệt phát "đế vương" ở động Chiêu Nghi.

Thời ấy, người phường chài ở sách Mục Sơn là Lê Thận, đêm nào cũng thấy khoảng sông Lam Xuyên có luồng ánh sáng như bó đuốc cháy. Hơn một tháng sau, bỗng chài được một thanh sắt dài hơn một thước, hình tựa con dao cũ, đem về để trong nhà. Ngày hôm ấy, Vua đến nhà ông, thấy trong nhà tối có một luồng ánh sáng, liền tới chỗ đó lấy thanh dao đem về. Về đến nhà, không phải mài mà sáng (như dao mới), nhận thấy có hàng chữ triện khắc trên thân dao, biết là một thanh dao quý. Đêm hôm sau, có trận mưa gió, sáng ra, thấy trong vườn rau có lốt chân thần in trên lá rau, Vua sai người vẽ hình vết chân ấy. Ngày hôm sau, Hoàng hậu ra vườn hái rau, đến chỗ cây rau có hình bàn chân, bỗng được một quả ấu bầu, dài rộng ngay ngắn, một quả ấu khắc mấy chữ lối triện, trên lưng quả ấu khắc đích họ tên Vua, nhận kĩ mới rõ. Vua biết là bảo vật của trời ban cho, bèn cúi đầu lạy tạ. Ngày hôm sau, bỗng được cái chuôi kiếm ở gốc cây đa, rửa sạch đất cát đi, thấy có khắc hình con rồng và con hổ, và hiện ra hai chữ "thanh thúy", đem lắp vào thanh kiếm đã bắt được hồi trước, vừa vận không sai tí nào, càng tin là vật của thần cho".

Lời bàn : Ở đời, phàm người mình yêu thì bao giờ cũng đẹp, thậm chí, có khi mình còn thấy cả cái đẹp trong chỗ chưa đẹp ; và phàm là người mình kính thì khi họ sống, mình thấy họ có uy, khi họ mất, mình thấy họ thiêng, thậm chí, thấy cả cái uy và cái thiêng ngay trong chỗ rất bình thường nữa. Bạc dốc lòng nuôi chí cả, bất chấp hiểm nguy mà làm nên đại sự nghiệp cứu nước cứu dân như Lê Lợi, cổ kim nào có được mấy người. Cho nên, nếu trăm họ cảm phục và kính trọng Lê Lợi, rồi nhân đó mà tặng thêm cho lí lịch Lê Lợi những chi tiết li kì và sử gia xưa cũng viết về Lê Lợi với tấm lòng ấy, khiến cho Lê Lợi càng trở nên khác thường, thì có gì là lạ đâu.

Vẫn biết rằng lúc vận nước nguy nan, ngọn cờ thiên hạ cần nhất là ngọn cờ đủ sức quy tụ và cổ kết lòng người chứ không phải là ngọn cờ có sắc màu lạ, nhưng khi xã tắc thái bình, nếu ngọn cờ đủ sức quy tụ và cổ kết lòng người bỗng được vẽ thêm sắc màu lạ, thì trăm họ cũng sẽ sẵn lòng tin là sắc màu ấy vốn đã có từ lâu.

02 - SỰ TÍCH ĐIỆN TIÊN DU

Ở xứ Phật Hoàng, động Chiêu Nghi, Lam Sơn, Thanh Hóa, có một ngôi điện nhỏ, gọi là điện Tiên Du. Điện này được lập từ thế kỉ XV. Sách *Lam Sơn thực lục* (quyển 1) đã chép về sự tích điện Tiên Du này như sau :

"Thuở ấy, Vua (chỉ Lê Lợi - ND) sai người đến cày ruộng ở xứ Phật Hoàng thuộc động Chiêu Nghi. (Người cày) bỗng thấy một vị sư già, mình khoác áo trắng, đi từ hướng làng Đức Trai tới, vừa đi vừa than rằng :

- Đất này đẹp quá, thế mà chẳng có ai để trao cho.

Người cày thấy thế, vội chạy về báo Vua hay. Vua chạy gấp đến hỏi. Có người cho biết :

- Nhà sư đã đi rồi.

Theo hướng chỉ, Vua đi nhanh đến sách Quân Đội, huyện Lôi Dương. (Dọc đường), Vua thấy có cái thẻ tre để rằng :

Thiên đức thụ mệnh,

Tuế trung tứ thập,

Số dĩ chỉ định

Tích tại vị cập.

(Nghĩa là : Đức trời nhận mệnh , vào tuổi bốn mươi, số kia đã định, tiếc thay chẳng kịp). Vua thấy chữ ấy mà mừng nên càng cố đi nhanh. Lúc ấy, rồng vàng hiện lên che lấy Vua. Vừa chợt thấy, vị sư già đã thưa rằng :

- Tôi từ đất Ai Lao đến, người họ Trịnh, tên tự là Bạch Thạch Sơn Tăng. Thấy Vua khí tượng khác người, đoán là có thể làm nên việc lớn.

Vua quỳ xuống thưa rằng :

- Mạch đất của tôi đây sang hèn ra sao, dám xin thầy chỉ rõ cho.

Vị sư già nói :

- Xứ Phật Hoàng, động Chiêu Nghi có một thửa đất rộng chừng nửa sào, có hình tượng như cái ấn của nước nhà, bên tả có thái thất là núi Chí Linh ở Mường Giao Lão. Trong núi ấy có gò Tiên Bàn, Chiêu Sơn ở xã An Khoái là án, phía trước có nước Long Sơn, phía trong có nước Long Hồ hình xoáy như ruột ốc, bên hữu có nước hồ bao quanh, phía ngoài chân núi tựa như chuỗi hạt. Đất ấy, đàn ông thì quý không thể nói được, nhưng đàn bà thì hẳn là sẽ phải thất tiết. Tôi e rằng con cháu ngài về sau nó không ở cùng với nhau. Ngôi báu tất có khi trung hưng, mệnh trời có thể biết trước được. (Bây giờ) nếu có được thầy giỏi, đem hài cốt đi cải táng thì vẫn có thể phần phát được dăm trăm năm.

Nghe lời vị sư già, Vua đem hài cốt của thân phụ táng ở xứ ấy. Vào khoảng giờ Dần (từ 3 đến 5 giờ sáng - ND), khi Vua về đến thôn Giao Xá Hạ thì vị sư già ấy cũng bay lên trời. Vì lẽ này, Vua cho lập điện Tiên Du ở đấy. Trong động Chiêu Nghi, Vua cho dựng am nhỏ (chỗ mộ Phật Hoàng). Đó chính là gốc cội của sự phát tích".

Lời bàn : Chuyện này có đến ba điều đáng suy gẫm. Thứ nhất, nhờ người nhà đi cày về mách bảo. Lê Lợi mới hay là có thấy phong thủy đi qua xứ mình. Người cày ấy chính là nhân chứng bằng xương bằng thịt vậy. Thứ hai, thấy phong thủy lại cũng là một vị sư già, tự hiệu Bạch Thạch Sơn Tăng, vốn người Ai Lao, tức là người xứ lạ. Cứ theo nếp nghĩ "bụt chùa nhà không thiêng" thì người xứ lạ thường là người giỏi hơn xứ mình, họ mà đã nói thì còn sai vào đâu được. Và chẳng, đã là người xứ lạ, già thử như có người nào khó tính của xứ mình muốn đến gặp để kiểm chứng lại, việc nhiều kẻ này cũng chẳng dễ gì làm. Thứ ba, thấy phong thủy sau khi chỉ huyệt đại phát cho Lê Lợi, đã bay thẳng lên trời. Với đáng phi phạm ấy, thế tục chỉ còn biết hây vâng theo và nghiêm cẩn kính thờ.

Từ ba điều đáng suy gẫm ấy, dễ thường cùng có cả trăm lẽ khiến cho thiên hạ kéo về tụ nghĩa ở Lam Sơn. Chí quật khởi có thật, cộng với khí thiêng sông núi và mệnh trời vô hình lẫn quất đầu đó đã cùng hợp lại mà tạo ra sức mạnh vô song, quân Minh xâm lược không bị đánh bại làm sao được !

03 - LÊ LỢI XƯỚNG NGHĨA

Sách *Đại Việt thông sử* (trang 34 chép rằng : "Từ khi người Minh đô hộ nước ta, chính sự phiền toái, thuế má nặng nề, quan tham lại nhùng, cấm dân nấu muối trồng rau, bắt dân xuống biển mò ngọc châu, phá núi tìm vàng ; những sản phẩm quý giá như ngà voi, sừng tê, lông chim trĩ, cùng các thứ hương liệu, chúng đều vơ vét hết. Sau lại bắt dân đắp mười thành trong mười quận để đóng quân ; chúng lại khéo dùng chức tước để dụ dỗ những người hào kiệt, đưa về triều đình Trung Hoa, cốt là an trí ở đó. Bởi vậy nhân dân nước ta không trừ một ai, thấy đều thâm sâu oán giận ! Vua (chỉ Lê Lợi - NKT) vẫn giữ chí như trước, dù người Minh đem quan tước ra dụ cũng không được, lấy thế lực cũng không hiệp nổi, nhưng nhận thấy thế quân địch đang mạnh, nên Vua càng ẩn trong bóng tối, không dám khinh động, lại thường đem bảo vật năn nỉ hối lộ cho bọn Trương Phụ, Trần Trí, Sơn Thọ và Mã Kỳ, những mong được khỏi nạn, để nuôi thêm sức lực và chờ đợi thời cơ. Chỉ vì tên Lương Nhữ Hốt, người huyện Cổ Đằng (sau này đổi là Hoàng Hóa) giữ chức tham chính, là thổ quan của người Minh, đem lòng ghen ghét, bèn mật cáo với người Minh rằng :

"Người chúa Lam Sơn chiêu nạp những kẻ vong mạng và làm phản, đãi ngộ sĩ tốt rất hậu, chí của người ấy không phải là nhỏ. Nếu không sớm liệu đi, để cho con rồng gặp mây mưa, thì khi ấy nó sẽ không còn là một con vật ở trong ao nữa đâu. Vậy, xin trừ ngay đi, đừng để tai vạ về sau".

Người Minh tin lời tên Nhữ Hốt, cho nên, càng bức bách rất gấp. Bởi vậy, Vua bèn đại hội tướng sĩ, bàn tính việc khởi binh.

Ngày mồng hai là ngày Canh Thân, tháng giêng năm Mậu Tuất (tức ngày mồng hai Tết, hay ngày 7 tháng 2 năm 1418), niên hiệu Vĩnh Lạc thứ XVI nhà Minh, Vua dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, xưng là Bình Định Vương".

Lời bàn : Trước, dẫu lòng riêng vẫn hằng kính trọng nghĩa khí của Giản Định Đế và Trưng Quang Đế, nhưng Lê Lợi vẫn quyết không theo phò, bởi đã nhìn thấy kết cục thất bại không thể nào tránh khỏi của họ. Đó là mẫn tuệ.

Sau, vì thương trăm họ bị quân Minh dày dọa mà khôn khéo tập hợp anh hùng hào kiệt, ẩn nhẫn chờ thời để dựng cờ cứu nước cứu dân, đó là chí nhân và đại dũng.

Gồm đủ cả trí, dũng và nhân, Lê Lợi quả đúng như lời Lương Nhữ Hốt nói, chẳng phải là con vật tắm thường trong ao, mà là con hoàng long phi phàm vậy.

Dân gian có câu rằng :

Xạ hương đậu ở trong rừng,
Khi thơm, bung bít mấy tầng cũng thơm.

Trước khi để lại danh thơm muôn thuở cho nước nhà, Lê Lợi là xạ hương đặc biệt của núi rừng Lam Sơn đó chăng ? Nếu không, trăm họ ở khắp thiên hạ bốn phương, làm sao biết được để tìm đến mà tụ nghĩa ?

04 - HOÀNG HỤY ĐẠI VƯƠNG VÀ BẢO QUỐC ĐẠI VƯƠNG

Bên bờ sông Khả Lam (Thanh Hóa) hiện vẫn còn dấu tích của hai ngôi miếu thờ, một là Hoàng Hựu Đại vương và một là Bảo Quốc Đại vương. Sự tích hai ngôi miếu thờ này được sách *Lam Sơn thực lục* chép lại khá rõ.

Chuyện kể rằng, khi Lê Lợi đang gấp rút chuẩn bị dựng cờ khởi nghĩa thì có một sự xích mích đáng tiếc đã xảy ra. Bấy giờ, ở thôn Hào Lương (cũng thuộc Lam Sơn) có một người tên là Đỗ Phú, bỗng sinh chuyện tranh giành đất đai với Lê Lợi. Đỗ Phú đưa đơn kiện Lê Lợi. Quan trên thấy Đỗ Phú đuối lí, bèn cho Lê Lợi thắng kiện. *Lam Sơn thực lục* (quyển 1) chép :

"Đỗ Phú nhân thế mà sinh thù oán, dẫn giặc Minh về bắt Vua (chỉ Lê Lợi - ND). Vua cùng với Lê Liễu chạy đến sông Khả Lam thì thấy thi thể một người đàn bà, mình mặc áo trắng, có đeo xuyên vàng và thoa vàng. Vua và Lê Liễu ngửa mặt lên trời mà khấn rằng :

- Ta bị giặc Minh đuổi, xin hãy giúp ta thoát nạn, mai sau nếu được thiên hạ, ta sẽ lập miếu thờ, hễ có bò heo cúng tế thì sẽ xin đem cúng trước.

(Khẩn rồi, vội đem xác người đàn bà đi chôn). Mồ đắp chưa xong thì giặc đã xua chó ngao chạy đến. Vua và Liễu trốn vào gốc cây đa. Giặc lấy giáo đâm vào gốc đa, mũi giáo trúng ngay đùi bên trái của Liễu. Liễu lấy tay nắm cát, đem vuốt cho hết máu ở mũi giáo. Bất ngờ, một con chồn trắng từ đâu đó trong gốc đa chạy ra, chó ngao cứ thế đuổi theo chồn, giặc bỏ đi vì không nghi trong gốc cây có người trốn nữa, Vua cũng nhờ vậy mà được thoát.

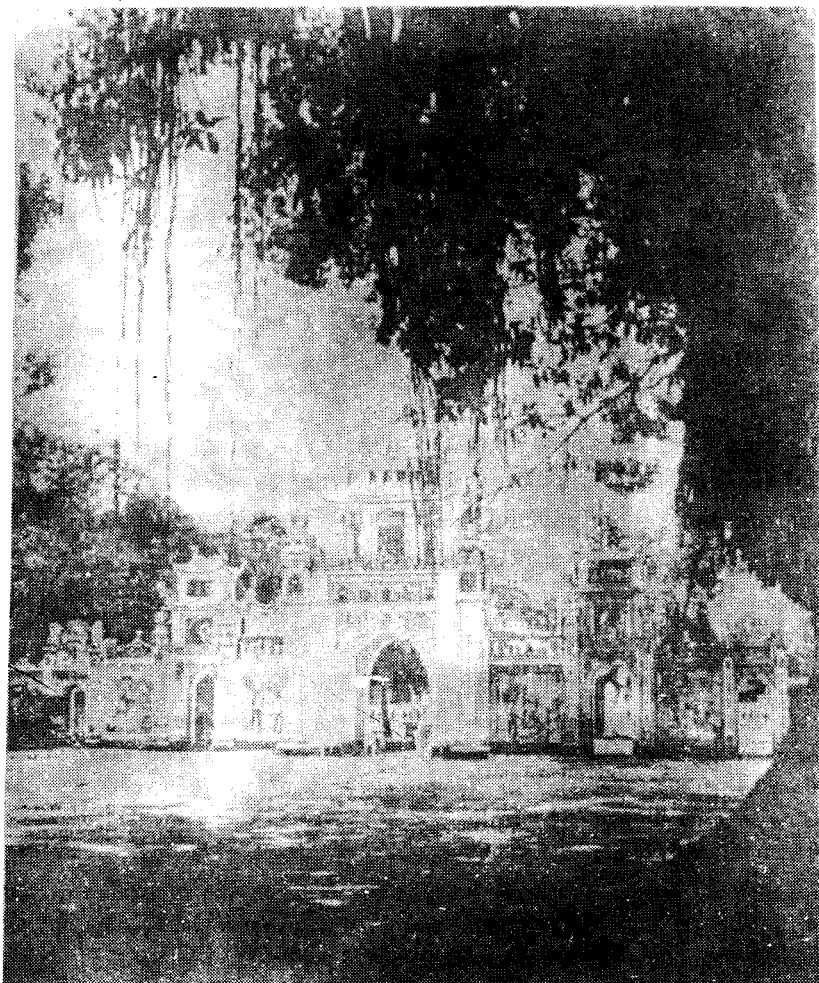
Sau này, khi định song thiên hạ, Vua phong thần áo trắng làm Hoàng Hậu Đại vương (vị Đại vương có công lớn trong việc cứu giúp) và phong cây đa làm Hộ Quốc Đại vương (vị Đại vương có công bảo hộ nước nhà).

Lời bàn : Sống mà phản trắc như Đỗ Phủ là sống nhục. Của tham dẫu mọn nuốt cũng chẳng trôi mà danh như thi muôn đời rửa cũng chẳng sạch.

Trong chỗ quần bách, cái chết đã cận kề mà Lê Lợi và Lê Liễu vẫn giữ vững đức nhân, cẩn thận đắp mồ cho người đàn bà xấu số, việc ấy đáng kính lắm thay. Bậc đại nhân túc trí thì thường vẫn ung dung, thấy lối thông trong chỗ cùn, thấy đường sống ngay trong chỗ hiểm nguy chết chóc. Nếu không vậy thì làm sao mà Lê Liễu đủ bình tĩnh nắm cát vuốt máu ở đầu mũi giáo!

Ban sắc phong cho thần áo trắng và cây đa ở bến Khả Lam, hẩn Hoàng đế Lê Lợi muốn tự nhắc nhở mình đừng quên thời hàn vi gian khổ và nhắc nhở dân Lam Sơn rằng đừng bao giờ quên đất ấy quả là địa linh.

Đỗ Phủ mang danh là người mà sau chẳng dám ngửa mặt nhìn người, đến cúi xuống cũng chẳng dám mở mắt, bởi thân xác ấy làm sao mà không khỏi hổ thẹn, cả với gốc cây đa, với con chồn trắng bên bến Khả Lam.



Chùa Bôi Khê

05 - LÊ LAI CỨU CHỨA

Lê Lai là con của Lê Kiều, người thôn Dựng Tú, sách Đức Giang huyện Lương Giang (Thanh Hóa). Cùng với anh trai là Lê Lạn, Lê Lai đã sát cánh với Lê Lợi ngay trong những ngày trứng

nước cửa phong trào Lam Sơn, và từng có mặt trong hội thề Lũng Nhai lịch sử. Gia đình Lê Lai có năm người cùng tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, đó là Lê Lạn, Lê Lai và ba con của Lê Lai là Lê Lư, Lê Lộ và Lê Lâm. Ngoại trừ Lê Lâm mất năm 1430 (trong trận đánh nhau với Ai Lao thời vua Lê Thái Tổ), bốn người còn lại đều anh dũng ngã xuống trong cuộc chiến đấu chống quân Minh.

Sách *Đại Việt thông sử* (trang 156 và 157) đã chép về Lê Lai như sau :

"Lê Lai tính cương trực, dung mạo khác thường, chí khí cao cả lắm liệt, lo việc hầu cận cho Vua Thái Tổ rất chu đáo, công lao rõ rệt. Mùa đông năm Bình Thân (1416), vua Thái Tổ cùng 18 vị tướng thân cận của nhà vua, liên danh hội thề, nguyện sống chết có nhau, ông cũng dự trong số đó, ông được trao chức Tổng quản phủ Đô tổng quản, tước quan Nội hầu. Năm Mậu Tuất (1418) lúc vua mới dựng cờ khởi nghĩa, tướng ít, quân thiếu, bị tướng nhà Minh vây đánh ở Mường Một, Vua chạy thoát, về đóng ở Trịnh Cao, nơi hẻo lánh, không dân ở, tướng Minh chia quân chặn những nơi hiểm yếu, tình thế rất cấp bách, nhà Vua hỏi các tướng : "Ai dám đổi áo thay ta đem quân ra đánh giặc, xưng danh hiệu của ta, bắt chước như Kỷ Tín ⁽¹⁾ đời Hán, để cho ta có thể giấu tiếng nghi binh, tập hợp tướng sĩ, mưu tính cuộc nổi dậy về sau". Các tướng đều không ai dám hưởng ứng. Riêng Lê Lai đứng dậy nói : "Tôi xin đi. Sau này lấy được nước thì nghĩ đến công lao của tôi, khiến cho con cháu muôn đời được nhờ ơn nước, đó là nguyện vọng của tôi". Nhà Vua rất thương cảm. Ông nói : "Bây giờ nguy khốn thế này, nếu ngồi giữ mảnh đất nguy hiểm, vua tôi đều bị tiêu diệt, sợ sẽ vô ích, nếu theo kế này, may ra có thể thoát được. Kẻ trung thần chết vì nước nào có tiếc gì". Nhà vua vái trời mà

(1) Chú thích : Kỷ Tín mà Lê Lợi nhắc tới ở đây vốn là dũng tướng của Lưu Bang. Trong cuộc đối đầu với Hạng Võ, có lần Lưu Bang bị Hạng Võ bao vây và đánh quyết liệt ở thành Vinh Dương, tình thế rất nguy cấp. Để cứu Lưu Bang, Kỷ Tín đã mặc áo Lưu Bang và xông ra đánh nhau với Hạng Võ, tạo điều kiện cho Lưu Bang rút lui an toàn. Sau Lưu Bang toàn thắng, lên ngôi Hoàng đế (Hán Cao Tổ), khắc ghi công trạng cho Kỷ Tín.

khẩn rằng : "Lê Lai có công đổi áo, sau này tôi và con cháu tôi, cùng con cháu các tướng tá công thần, nếu không nhớ đến công lao ấy, thì xin cho cung điện biến thành rừng núi, ấn báu thành cục đồng, gương thần biến thành dao cùn". Ông bèn dẫn hai con voi và 500 quân kéo thẳng tới trại giặc khiêu chiến. Giặc dốc hết quân ra đánh, ông cưỡi ngựa tốt, xông thẳng vào giữa trận, hô to lên rằng : "Chúa Lam Sơn chính là ta đây", rồi đánh giết được rất nhiều quân giặc. Khi đã kiệt sức, ông bị địch bắt xử cục hình...". Vua cảm động vì lòng trung nghĩa của ông, trước hết sai người ngầm tìm di hài ông, đem về mai táng ở Lam Sơn. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), phong ông là công thần hạng nhất, tặng là "Suy trung Đồng đức Hiệp mưu Bảo chính Lũng Nhai công thần" hàm Thiếu úy, thụ là Toàn Nghĩa. Tháng 12 năm sau, nhà Vua sai Nguyễn Trãi, viết hai bản lời thề ước trước và lời thề nhớ công của Lê Lai, để vào trong hòm vàng, lại gia phong cho ông hàm Thái úy. Năm Thái Hòa thứ nhất (1443), ban tặng là Bình Chương quân quốc trọng sự, ban cho túi kim ngư, ấn vàng (kim phù) tước Huyện thượng hầu. Đầu niên hiệu Hồng Đức (1470), tặng là Diên Phúc hầu, đến năm thứ 15 (1484), truy tặng là Thái úy Phúc Quốc công, về sau gia phong là Trung Túc Vương".

Lời bàn : Vẫn biết lúc xông pha trận mạc, thật khó có thể bảo trọng tấm thân, nhưng đi vào chỗ mà cái chết chỉ còn cách mình trong gang tấc, cổ kim nào có được mấy người ! Khí phách và lòng trung nghĩa của Lê Lai, khời bàn cũng đã quá rõ. Song, có lẽ cũng chớ nên quên rằng, chỉ có những người như Lê Lợi mới quy tụ được những người như Lê Lai, và cũng chỉ có những người như Lê Lai mới dám quả cảm hi sinh thay cho Lê Lợi. Vua ấy, dũng tướng ấy, cuộc hội ngộ cảm động làm sao.

AI mà chẳng chết, khác nhau chăng cũng chỉ là, nếu được chọn, người ta nên chết như thế nào đó thôi. Lẫm liệt thay, Lê Lai !

06 - CẨM BÀNH BỊ MẮC MÙU

Ngày 10 tháng 4 năm Quý Mão (1423), thực hiện chủ trương tạm thời hòa hoãn với quân Minh để tạo cơ hội củng cố và phát triển lực lượng, Lê Lợi và tướng sĩ trở về Lam Sơn. Tướng giặc là

Trần Trí và Sơn Thọ thỉnh thoảng vẫn sai người đem quà đến tặng Lê Lợi để nhân thể dò la tình hình, ngược lại, cũng đã có lần Lê Lợi sai Lê Trần mang phẩm vật đến doanh trại giặc đáp lễ. Nhưng, bọn Trần Trí ngờ Lê Lợi chỉ vờ giao hảo nên bắt giữ Lê Trần.

Đến tháng 9 năm Giáp Thìn (1424), giai đoạn tạm thời hòa hoãn giữa hai bên đã chấm dứt. Thực hiện kế hoạch chiến lược của Nguyễn Chích, quân Lam Sơn ồ ạt đánh vào Nghệ An. Tháng 11 năm đó, quân Lam Sơn vây chặt lực lượng giặc ở châu Trà Long do Cẩm Bành chỉ huy.

Bị bao vây bốn mặt, Cẩm Bành chỉ còn biết trông cậy ở viện binh của Sơn Thọ ở Nghệ An. Nhưng, bọn Sơn Thọ sau mấy trận thất bại đã mất hết dũng khí. Chúng sai người đưa Lê Trần trả cho Lê Lợi, đồng thời có ý cầu hoà. Sách *Đại Việt thông sử* (trang 43-44) chép rằng :

"Sau khi tiếp sứ giả, Vua (chỉ Lê Lợi - NKT) triệu các tướng bàn rằng :

"Hiện Cẩm Bành bị vây khốn đốn, lẽ ra bọn tên Chính (tức Phương Chính - NKT) phải cấp cứu ngay mới phải, thế mà đến nay vẫn dửng dăng quanh co. Đó tất là nó có ý sợ. Chi bằng ta hãy cứ vờ bằng lòng hòa để xem tình thế. Trong khi thư từ qua lại độ một tháng, thì ta đã bắt được Cẩm Bành rồi".

Bàn xong, cho viết bức thư, để lên trên 'một cái bè, thả cho xuôi dòng, trong thư nói : "Chúng tôi muốn trở về Thanh Hoa, nhưng sợ bị Cẩm Bành ngăn chặn. Vậy ông cho người tới hòa giải để thông lối về, rất mong". Chính nhận thư, tin là thực, bèn sai Trần Đức Nhị đưa thư đến Cẩm Bành bảo nên hòa giải. Cẩm Bành được thư, biết là viện binh không đến, bèn mở cửa thành ra hàng".

Lời bàn : Cẩm Bành ra hàng, biết bị mắc mưu nên tìm cách bỏ trốn, bị Lê Lợi bắt giết. Chuyện này, mãi sau Sơn Thọ mới hay.

Hóa ra, người cầm quân giỏi đôi khi cũng có nét phảng phất giống người thầy thuốc có tài. Thấy thuốc bắt mạch mà đoán ra bệnh để cắt thuốc, người cầm quân coi ý tứ mà biết thực lực của đối phương. Xét việc Sơn Thọ trả Lê Trần, lại xét lời

lê sứ giả có ý muốn giảng hòa, Lê Lợi đã hạ lệnh bao vây Cẩm Bành đến cùng, đồng thời, cậy nước sông chuyển thư, cố ý làm cho cuộc trao đổi đôi bên phải kéo dài, buộc Cẩm Bành kiệt sức.

Kể ra, Sơn Thọ cũng là tướng có tài, chỉ tiếc là chưa tài bằng Lê Lợi thôi. Lấy một châu mà không tổn tên đạn, tướng lão luyện mà làm được như Lê Lợi, xưa nay nào đã có mấy ai ?

07 - TRẬN BỒ ÀI

Cuối tháng chạp năm Giáp Thìn (1424), sau trận Trà Long, giặc phải cố thủ trong thành Nghệ An, tình thế rất bi đát. Nhưng rồi chẳng bao lâu sau, viện binh của chúng lại kéo tới, cán cân lực lượng nghiêng hẳn về phía quân Minh. Lê Lợi nói với các tướng rằng :

- Thiện chiến giả, trí nhân nhi bất trí ư nhân (nghĩa là bậc giỏi cầm quân thường buộc đối phương phải đánh theo cách đánh của mình chứ không dại mà đánh theo cách đánh của đối phương).

Nói xong, cho các tướng đem quân đi chiếm lĩnh hết các vị trí hiểm yếu ở huyện Đỗ Gia (Hương Sơn, Hà Tĩnh ngày nay). Quả nhiên, chỉ độ vài ba ngày sau là giặc cũng tiến xuống phía nam Nghệ An. Sách *Đại Việt thông sử* (trang 45-46) chép rằng :

"...Vua đóng ở phía trên dòng nước, ban ngày dựng cờ và thúc trống âm âm, ban đêm thì đốt đèn đuốc sáng trưng trong trại rồi ngầm sai đem voi và quân qua sông phục nơi hiểm yếu. Trời sắp sáng, địch dẫn quân đánh vào trại ta, Vua vờ thua lui chạy dẫn địch vào chỗ phục binh, bốn mặt phục binh đều trỗi dậy đánh phá, có hàng vạn quân địch bị giết và chết đuối. Thua trận này, chúng bèn lập trại tựa vào thế núi để đóng quân, không chịu ra giao chiến nữa.

Lúc này, bên địch lương thực dồi dào, mà bên ta, lương chưa đủ để quân sĩ dùng trong mười ngày, Vua bảo các tướng rằng :

"Giặc cậy nhiều lương, nên cứ cố thủ trong trại, không chịu ra đánh. Đó là chúng định làm kế lâu dài. Ta ít lương thực, không

có thể cầm cự lâu dài với chúng được". Bèn sai tự đốt hết các doanh trại, vờ như bỏ trốn, rồi đi ngầm ra lối tắt. Quân địch thấy vậy rất mừng, liền tiến quân đóng vào doanh trại của ta, và đắp thêm đồn lũy trên núi.

Ngày hôm sau, Vua chọn quân tinh nhuệ mai phục ở Bồ Ải, rồi sai đội khinh kị đến khiêu chiến. Địch không hay biết, liền dẫn quân ra ứng chiến, đến Bồ Ải, trúng phải ổ phục binh, quân phục binh liền trời dậy, các viên dũng tướng : Phạm Vấn, Lê Sát, Lê Ngân, Đinh Lễ, Lê Xí, Lê Đạp, Lê Triện, Lê Bôi, Lê Nhân Chú, Lê Chiến, Lê Tông Kiều và Lê Khôi, đều đua nhau xông lên hãm trận, đánh phá quân địch, chém đầu giặc nhiều vô kể, thấy lấp đầy sông, khí giới đầy đường, thuyền bè chặn ngang dòng nước. Bất sống Đô ti là Chu Kiệt, chém tướng tiền phong là Hoàng Thành, bắt sống hàng ngàn quân địch. Trần Trí và Sơn Thọ chạy về Nghệ An, cố thủ ở trong thành".

Lời bàn : Đánh vào Nghệ An là đánh vào chỗ yếu nhất của địch. Mưu hiểm là đấy. Cô lập Cấm Bành để tiêu diệt từng bộ phận của đối phương, ấy là đánh theo lối tâm ăn dẫu. Kế thâm sâu là đấy. Khéo bày trận phục binh, dẫn quân Minh vào thế liên tiếp bị bất ngờ, khiến trở tay không kịp, ấy là phép dùng thế mạnh để bù vào chỗ lực non, giành chiến thắng ngay trong chỗ ngỡ như bị bại. Phương vạn toàn là đấy. Lê Lợi thường hay dẫn lời binh pháp xưa, người đương thời đâu có ngờ chính bản thân Lê Lợi cũng là một pho binh pháp sống động và nhiệm màu.

Từ đây, quân Minh vẫn cố thủ trong thành Nghệ An mà đất Nghệ An thì kể như đã mất hẳn về tay Lam Sơn rồi. Thế chẻ tre của Lam Sơn bắt đầu hình thành từ đây chăng ?

08 - QUÂN PHÁP CỦA LAM SƠN

Đầu mùa xuân năm Ất Tị (1425), sau chiến thắng Bồ Ải, Lam Sơn lần lượt giải phóng hết các huyện của Nghệ An. Khi tiến đến đất Thanh Chương ngày nay, Lam Sơn được nhân dân vùng này nô nức đem rượu thịt ra đón mừng. Họ nói :

- Không ngờ ngày nay chúng ta lại được trông thấy uy nghi nước nhà !

Lê Lợi rất lấy làm cảm kích, nhưng cũng chính lúc đó, Lê Lợi đã lập tức ban bố những quy định rất nghiêm ngặt. Sách *Đại Việt thông sử* (trang 46) chép :

"Vua hạ lệnh rằng :

"Nhân dân ta lâu nay đã khốn khổ vì chính trị bạo ngược của quân Minh ! Vậy, quân sĩ đến châu huyện nào cũng không được xâm phạm của dân một mảy may. Nếu không phải là trâu bò thóc gạo của ngục quan, thì dù có đói lắm cũng không được lấy".

Lúc ấy, quân sĩ có người ba ngày chưa được một bữa ăn mà không ai dám phạm lệnh trên ! Về phần nhân dân, thì ai cũng đem trâu bò thóc gạo của người Minh đã tích trữ ra để tiếp tế cho quân ta".

Suốt cuộc trường chinh, quân pháp của Lam Sơn bao giờ cũng được giữ rất nghiêm. Sách *Đại Việt thông sử* (trang 56) còn chép việc Lam Sơn xử tử Lê Lai (trong phong trào Lam Sơn có đến mấy nhân vật Lê Lai khác nhau - NKT), Lý Vân và Bùi Vĩnh vào năm 1427 (năm cuối của phong trào Lam Sơn) như sau :

"Viên Tư mã là Lê Lai cậy có chiến công, thường thốt ra những lời khinh nhờn. Vua sai xử tử và tịch thu gia sản. Viên Thiên hộ là Lý Vân và kẻ tòng phạm là Bùi Vĩnh vì chở trộm muối vào thành Chí Linh, Vua cũng sai giết cả, và đều tịch thu gia sản.

Ra lệnh kiểm điểm khí giới của binh sĩ, kẻ nào thiếu, sẽ trị theo quân luật".

Lời bàn : Thôi thường, vui quá dễ say, say sưa quá dễ mất hết cả tỉnh táo, và thế là mắc sai lầm trong chỗ không ngờ đó thôi. Lam Sơn chiến thắng mấy trận lớn liền, vậy mà vẫn không bị say bởi hơi men của chiến thắng, lại còn tỉnh táo lo nghĩ đến nỗi khổ chất chứa nhiều năm của dân, đội quân ấy mà được lòng dân cũng là phải lắm.

Thà chết đói chứ không tư hào của dân, cái đức của đội quân nhân nghĩa ấy thật đã tỏa sáng đến muôn đời vậy. Không có cái đức sáng ấy, dù võ nghệ họ có cao cường bao nhiêu, dù vũ khí của họ có lợi hại đến bao nhiêu, thì tất cả họ chỉ là một đội quân ô hợp, bại vong là lẽ tất nhiên.

Tiết thay, người lính vô danh thì nghiêm giữ quân pháp, còn làm đến chức Tư mã như Lê Lai, đến Thiên hộ như Lý Vân và Bùi Vĩnh thì ngông nghênh và thủ lợi.

Họ đã tự giết chết cái đức của họ; lưới gươm của phép nước chỉ giết nốt cái xác phàm xấu xa của họ mà thôi.

Mới hay, nếu tạo hóa chẳng chút công bằng khi phân phát trí tuệ và vinh hoa cho thiên hạ, thì lại rất công bằng khi phân phát đức độ cho mọi lớp người. Đứng tưởng lính là kém đức hơn quan.



Chùa Đậu

09 - SỐ PHẬN CỦA TRẦN PHONG VÀ LƯƠNG NHỮ HỐT

Trần Phong người xã Ma Lộ, huyện Chí Linh (nay thuộc Hải Dương), sinh năm nào không rõ. Khi quân Minh xâm lược nước ta, Trần Phong đem toàn bộ gia thuộc đầu hàng giặc, được giặc cho làm chức Chỉ huy đồng tri, sau thăng đến chức Đô chỉ huy thêm sự. Trần Phong là một tên Việt gian tàn ác, đã giết hại không biết bao nhiêu người yêu nước đương thời.

Lương Nhữ Hốt người xã Trác Vinh, huyện Cổ Đằng (nay thuộc Thanh Hóa), cũng không rõ là sinh năm nào. Khi quân Minh vào xâm lược nước ta, Lương Nhữ Hốt đầu hàng, được chúng cho làm chức Tri phủ Thanh Hoa (tức Thanh Hóa ngày nay). Lương Nhữ Hốt từng đem gia quyến sang Yên Kinh (Trung Quốc) để tình nguyện giúp việc xây dựng cung điện cho quân Minh, nhưng rồi vua Minh cho về. Sau, Lương Nhữ Hốt được quân Minh cho chỉ huy đồn Đa Căng, và tại đây, suýt nữa thì Lương Nhữ Hốt đã bị Lam Sơn tiêu diệt.

Năm 1427, quân đội Lam Sơn khép chặt vòng vây ở Đông Quan. Lương Nhữ Hốt và Trần Phong cũng đều có mặt trong thành Đông Quan này. Tổng chỉ huy quân giặc trong thành Đông Quan là Vương Thông rất lo sợ, đã có ý đầu hàng, nhưng ý định đó bị bọn Trần Phong và Lương Nhữ Hốt ngăn cản. Sách *Đại Việt thông sử* (trang 223-224) chép rằng :

"Khi quân Nhà vua vây thành Đông Quan, quân Minh bị nguy khốn, đưa thư xin hòa, muốn được bảo toàn quân số trở về nước. Nhà vua bằng lòng cho, đã có lời đoan ước đầy đủ, nhưng bọn Trần Phong và Nhữ Hốt xúi bẩy Vương Thông rằng : Trước đây quân của Ô Mã Nhi bị thua ở sông Bạch Đằng, đem toàn quân quy hàng, Hưng Đạo Vương bằng lòng cho. Nhưng lại dùng kế lấy thuyền to chở quân cho về, rồi sai người bơi giỏi sung vào làm phu chèo thuyền. Ra tới ngoài biển, đang đêm, rình lúc quân Ô Mã Nhi ngủ say, lặn xuống đục đáy thuyền, làm cho những người đã quy hàng đều bị chết đuối, không một ai sống sót trở về được.". Bọn Thông tin lời ấy, lại sinh lòng khác, đóng chặt cửa thành không ra. Đến khi Vương Thông cùng kế, buộc phải xin hòa, dẫn quân về nước, bọn Trần Phong mới chịu ra hàng. Nhà vua đã tha tội cho, nhưng bọn Phong vẫn chưa chịu yên, lại kết bè đảng với nhau, sai người đi tắt sang đưa thư cho tướng nhà Minh ở biên giới, yêu cầu quân Minh gây sự, còn bọn Phong bí mật làm nội ứng. Thư ấy bị viên Thượng tướng quân ở trấn Thái Nguyên là Hoàng Nguyên Ý bắt được. Nhà vua muốn cho yên lòng dân mới quy phụ, bèn giết kẻ đưa thư ấy mà giấu kín việc này đi. Tháng

8 năm thứ nhất (tức là năm 1428 - NKT) lại có người trong đảng y đến cáo giác, Nhà vua mới bắt Trần Phong giết đi và ban chiếu bảo cho trong ngoài rằng chỉ giết kẻ cầm đầu, những người còn lại thì không hỏi đến".

Cũng sách nói trên (trang 225) còn cho biết thêm là trong số bọn đầu sỏ cùng mưu với Trần Phong, có cả Lương Nhữ Hốt.

Lời bàn : Giặc vừa sang đã hàng, đó là nhát. Cam phạm làm tay sai cho giặc để hại dân, đó là phản. Kê nhát và phản, có bao giờ từ một việc làm hèn mạt nào đâu. Cho nên, Trần Phong và Lương Nhữ Hốt gồm đủ mọi tội lỗi đáng khinh, chuyện ấy chẳng có gì là lạ cả. Thường ở đời, hễ có anh hùng, tất sẽ có tiểu nhân, có chính nghĩa, tất sẽ có gian tà, có cao thượng tất sẽ có thấp hèn, sáng tối đặt bên nhau, cứ như là sự trở trêu của con tạo vậy. Nhưng, sống một đời mà nhục đến muôn đời như Trần Phong và Lương Nhữ Hốt, thử hỏi có đáng sống không ?

10 - CÁI CHẾT CỦA ĐỖ DUY TRUNG

Vùng Cẩm Khê, Sơn Tây cũ, nay thuộc về Phú Thọ. Đất ấy có xã mang tên chữ là Ký Chế, tên nôm là Cây Chấy. Cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV, ở Cây Chấy có người tên là Đỗ Duy Trung. Đỗ Duy Trung vốn là cựu thần của nhà Trần. Năm 1400, họ Hồ cướp ngôi họ Trần, Đỗ Duy Trung lấy đó làm điều căm tức. Thế rồi khi quân Minh xâm lược nước ta, cuộc kháng chiến chống Minh do nhà Hồ lãnh đạo nhanh chóng bị thất bại, Đỗ Duy Trung lập tức đầu hàng và cam phạm làm tay sai cho quân Minh.

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 12, tờ 46) có đoạn chép về Đỗ Duy Trung như sau :

"Trước đây, bọn tên Huân đầu hàng nhà Minh, được (tương giặc) là Trương Phụ xuống trát, cho Huân chức Tham nghị, Nhữ Hốt làm Tri châu Thanh Hóa, còn Duy Trung thì cho giữ chức Tri phủ Tam Giang. Đến đây (mùa xuân năm Bính Thân, 1416 - ND) bọn này mang vàng bạc cùng các thứ sản vật địa phương, đi đến tận Yên Kinh (kinh đô của nhà Minh - ND), xin vào bái yết. Vua nhà

Minh khen ngợi, liền sai đổi trát của Trương Phụ cấp cho chúng trước kiề bằng sắc phong chính thức của triều đình, lấy giấy vàng của bộ Lại để viết sắc phong ấy. Cả bọn đều được thăng chức. Vua Minh nhân đó dụ bảo chúng rằng :

- Trước đây, khi bình định được Giao Chỉ (chỉ nước ta - ND) chúng bay đã dốc lòng thành mà theo việc nghĩa, đến xin quy phục với thiên triều, nay lại đến cửa khuyết để xin vào bái yết, trăm cảm lòng thành ấy mà đặc ân ban khen cho. Chúng bay cần phải cố gắng trung thành và mẫn cán hơn nữa, một lòng kính giữ tiết tháo của kẻ làm tôi, với dân thì phải biết vỗ về, sao cho muôn phương được an nghiệp để cùng hưởng thái bình, như thế thì đáng cao xanh sẽ phù hộ cho chúng bay được hưởng tước lộc, để lại cho con cháu mãi mãi cũng chẳng hết.

Sau, bọn tên Huân lại sai người sang Yên Kinh để tự nguyện giúp xây cung điện, vua nhà Minh thấy chúng đi xa khó nhọc, khổ sở trăm bề, nên sai cho ban thưởng rồi trả về".

Nhận xét về hành vi của bọn Đỗ Duy Trung, các sử gia thời Nguyễn, tác giả của bộ sách nói trên, đã có lời phê rất nghiêm khắc như sau : "Mất hết lương tâm, nay, một lũ người ở Nam Kỳ cũng giống như thế" (tờ 45).

Sách *Đại Việt thông sử* (trang 226) cho biết thêm : "Khi vua Thái Tổ bình định thiên hạ, Duy Trung cùng kế mới chịu hàng, y lại cùng bọn Trần Phong, Nhữ Hốt mưu phản, liền bị giết ngay".

Lời bàn : Chồng nhà Hồ là việc riêng của Đỗ Duy Trung, nhưng phản quốc rồi làm tay sai cho giặc là tội không thể tha thứ được. Sử thần thời Nguyễn vì Đỗ Duy Trung với "một lũ người ở Nam Kỳ" (ý chỉ bọn Tôn Thọ Tường) thì thật là chưa thấy hết tinh chất đầy nguy hiểm của những hành vi mà Đỗ Duy Trung và đồng bọn đã làm vậy.

Lê Lợi làm nên cuộc đại định, lại còn mở lượng hải hà mà bao dung, cơ may cho một cuộc đổi đời của chúng đã đến, vậy mà rồi chúng nào vẫn tặc ấy, bị giết là phải lắm.

Phàm ở đời, lâu thông thiên kinh vạn quyển mà quên hai chữ *ái quốc* thì chưa thể gọi là bậc trí giả. Quên hai chữ này thì không phải là lỗi mà thực là tội. Đã được nhắc cho nhớ mà lại không thêm nhớ thì đúng là đại tội. Lê Lợi trị bằng lưỡi gươm chưa đủ, cho nên miệng thế đời đời mới góp lời để trừng trị đó thôi. Lưu danh sử sách kiểu Đỗ Duy Trung và đồng bọn, nhục nhã lắm thay !

11 - BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG CỦA TỔNG BINH THÀNH SƠN HẦU VƯƠNG THÔNG

Mùa đông năm Bính Ngọ (1426), quân Minh trên đất nước ta lâm vào tình thế rất khốn quẫn. Để cứu nguy, tháng 10 năm đó, vua Minh liền sai Thành sơn hầu là Vương Thông làm Tổng binh, cùng với bọn Tham tướng Mã Anh, đem năm vạn quân và năm ngàn con ngựa, tiến thẳng sang Thăng Long. Nhưng, vừa sang đến nơi, Vương Thông đã bị thất bại thảm hại trong trận Tốt Động - Chúc Động. Vương Thông bị trọng thương, sau đó, cố thủ trong thành Thăng Long và kêu cứu thảm thiết. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 10, tờ 25 a-b) chép rằng :

"Vua (chỉ Lê Lợi - ND) thân đốc suất tướng sĩ vây đánh thành Đông Quan (tức thành Thăng Long - ND) suốt cả ngày đêm. Bọn tướng nhà Minh là Vương Thông, Sơn Thọ đánh trận nào thua trận đó, lấy làm lo sợ lắm. Thấy hết cả mưu hay chước lạ, viện binh thì không đến, chúng bèn cho người mang thư tới xin hòa, mong được an toàn về nước. Vua nói :

- Lời ấy đúng với ý ta. Vả chẳng, binh pháp nói là không đánh mà khuất phục được đối thủ mới là kế hay nhất.

(Nói rồi), bèn bằng lòng cho giảng hòa, lại hẹn ngày cho gọi quân sĩ ở khắp các thành tề tựu để kịp trở về một lúc. Vua sai bề tôi bàn với quân Minh, cho chúng được phép đi lại, mua bán như dân thường.

Bấy giờ, bọn nguy quan là Đô ti Trần Phong, Tham chính Lương Nhữ Hốt, Đô chỉ huy Trần An Vinh... đã can tội bán nước làm tay sai cho giặc, sợ rằng sau khi quân Minh rút về, chúng sẽ không còn sống sót, nên cố ngấm ngầm làm kế phá hoại. Chúng nói với quân Minh rằng :

- Trước kia, Ô Mã Nhi bị thua ở sông Bạch Đằng, phải đem quân về hàng. Hưng Đạo Vương cũng cho hàng, nhưng lập mưu dùng thuyền lớn chở họ về nước, xong, lấy người giỏi bơi lặn làm phu

chèo thuyền. Thuyền ra đến ngoài biển, nhân lúc mọi người ngủ say, đang đêm, bọn phu thuyền lặn xuống, đục thủng đáy thuyền, làm cho những người đầu hàng đều bị chết đuối cả, không một ai sống sót trở về.

Bọn Vương Thông tin lời ấy, bèn ngờ vực mà nảy ý khác, sai quân đắp thêm thành lũy, đào hào và thả chông để tính kế chống đỡ, ngoài mặt nói hòa hiếu nhưng bên trong thì toan đánh lại. Chúng bí mật sai người mang thư bọc sáp, theo lối tắt mà về nước để xin viện binh. Vua bắt được người đưa thư, ghét chúng nuôi lòng trá trở, liền bí mật mai phục khắp bốn phía thành Đông Quan, đón bọn giặc do thám, bắt được hơn ba ngàn tên và hơn năm ngàn con ngựa. Từ đấy, quân Minh đóng chặt cửa thành, không dám ra ngoài, sứ giả hai bên qua lại cũng dứt”.



Chùa Thầy

Lời bàn : Từ khi được cử làm Tổng binh đi đàn áp lực lượng Lam Sơn, Vương Thông mắc ba lần đại nhục. Lần thứ nhất là lần bị thảm bại ở Tốt Động - Chúc Động, thân bị trọng thương, quân bị vây chặt trong thành Đông Quan, tiến không được, thoái cũng không xong, bị đất không thể tưởng tượng được. Lần thứ hai là lần này, trong thì trí quẫn lực kiệt, ngoài thì bọn ngục quan vì quá lo cho số mạng của bản thân mà

xúi đồng giục tây, kế cùng đâm ra phản trắc, hao binh tổn tướng mà chẳng thu được lợi lộc gì, thê thảm lại càng thêm thê thảm. Lần thứ ba là lần phải cúi đầu kí vào văn kiện đầu hàng không điều kiện và rút khỏi nước ta. Ba lần ấy đủ để thiêu hủy toàn bộ uy danh của tướng quân thiên triều.

Vương Thông và các tướng phụ tá cùng bọn ngục quan quá bất tài chẳng ? Cứ như sử Trung Quốc chép mà xét thì chính Vương Thông là tướng tài trong số những tướng tài chứ chẳng phải là thường. Có chẳng thì chỉ là ở chỗ, Lê Lợi và Nguyễn Trãi cùng các tướng lĩnh Lam Sơn tài hơn. Và chẳng, đã là đội quân bất nghĩa thì làm gì có diệu kế để tự cứu mình.

12 - BỐN SẮC LỆNH CỦA LÊ LỢI BAN RA Ở DINH BỒ ĐỀ ĐẦU NĂM 1427

Sau trận đại thắng ở Tốt Động-Chúc Động, bộ chỉ huy tối cao của Lam Sơn đã có mặt ở ngoại ô thành Đông Quan, chuẩn bị đánh trận quyết định cuối cùng với quân Minh xâm lược. Bấy giờ, tình hình chuyển biến rất nhanh, Lê Lợi và Nguyễn Trãi cùng các tướng không lúc nào được nghỉ ngơi. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 10, tờ 27-a) chép :

"Lúc ấy, Vua dựng lầu nhiều tầng ở dinh Bồ Đề, ngay trên bờ sông Lô. Thuở đó, trong dinh có hai cây bồ đề nên người ta mới nhân đó mà gọi là dinh Bồ Đề. Lầu cao bằng' tháp Báo Thiên. Ngày ngày, Vua thân leo lên tầng cao nhất để quan sát mọi hành vi của giặc (trong thành Đông Quan), cho (Nguyễn) Trãi ngồi ở lầu thứ hai, (sẵn sàng) nhận mệnh để thảo thư từ qua lại (với quân Minh)".

Từ đại bản doanh Bồ Đề, một loạt các sắc lệnh đã được ban ra. Đây xin được bàn riêng về bốn sắc lệnh đặc biệt, xuất hiện vào mùa xuân năm Đinh Mùi (1427).

Loại thứ nhất là sắc lệnh về tìm nhân tài : "Hạ lệnh cho các tướng hiệu, các quan cấp lộ, phải tìm kiếm những người có tài lược trí dũng, có thể làm được các chức như Tư mã hoặc là Thượng tướng, mỗi viên tiến cử lấy một người" (tờ 26-b).

Loại thứ hai là chăm sóc đền miếu : "Hạ lệnh cho các nơi thờ cúng đền miếu các công thần" (tờ 26-b).

Loại thứ ba là khai báo con em theo giặc : "Hạ lệnh cho người trong nước, ai có cha mẹ, vợ con, anh em, tôi tớ hoặc thân thích đang theo giặc ở trong thành, phải tự nguyện lên mặt thành để khai báo, chờ khi phá được thành sẽ cho nhận lãnh về nhà. Ai không tự khai báo trước mà sau lại tự tranh nhau nhận về đoàn tụ thì sẽ bị xử theo quân luật" (tờ 27-a).

Loại thứ tư là định lệ khen thưởng cho người có công : "Hạ lệnh ban thưởng cho các tướng hiệu, khởi đầu từ việc lập công mới. Từ đại thần đến chức Thiếu úy, nếu có công lao lớn, được ân thưởng phù vàng thì sẽ được ăn lộc một quận. Các chức cấp lệnh mà có công thì được ăn lộc một ấp. Các đốc tướng và quân nhân có công cũng được ăn lộc một quận hay một ấp, tùy thứ bậc khác nhau. Người nào không có công, không được thưởng gì thì giáng làm dân thường" (tờ 28-b).

Lời bàn : Trong muôn việc khó của đời, tìm người tài giỏi phải kể là một việc khó vào hàng bậc nhất. Người tài giỏi vốn dĩ đã ít ỏi, mà người có thực tâm biết kính nhường, biết trọng dụng kẻ có tài lại càng ít ỏi hơn. Lê Lợi không nói lời cầu hiền chung chung mà là hạ lệnh cho thuộc hạ tìm người tài giỏi để tiến cử, ấy là một việc được hai điều lợi. Lợi thứ nhất là khiến cho ai cũng phải dốc lòng tìm người tài, và phong trào thực sự ấy sẽ làm cho kẻ công thần bớt công thần, bớt cho mình là nhất. Lợi thứ hai là Lam Sơn có thêm người tài, sự nghiệp lớn nhờ đó mới có thể thành công được. Lê Lợi dám hạ lệnh tìm người tài vì Lê Lợi cũng thực sự là người có tài. Phàm là kẻ bất tài, chẳng bao giờ đủ sức, đủ uy tín để tìm người tài cả.

Cũng ở đời, kẻ có công mà không có đức, thường muốn thiên hạ tôn kính mình hơn là mình phải tôn kính người này, người nọ của thiên hạ. Với sắc lệnh thứ hai, Lê Lợi vừa tỏ được cái đức khiêm nhường của mình, vừa tỏ được ý định nối chí người xưa là một lòng kính trọng người có công với nước, lại vừa khôn khéo nhắc nhở tướng sĩ dưới quyền phải nghiêm cẩn giữ lễ, không được làm điều càn quấy ở chốn tôn nghiêm.

Hạ lệnh cho những gia đình có con em theo giặc phải đi khai báo trước, đó là phép mở lối dễ đi nhất cho những ai không biết tự mình tìm lối chân chính mà đi, sự độ lượng của Lê Lợi bao la biết ngần nào. Nhưng, cái chính ở đây không phải

là sự độ lượng mà là khéo léo đặt ra những yêu cầu vừa mức, khiến cho ai ai cũng có thể thực hiện được. Quân Minh dần dần bị cô lập, bảo không thất bại thảm hại làm sao được ?

Lệnh đình phép khen thưởng của Lê Lợi quả là thật đặc biệt. Thường người có công, trị người có tội là phép thưởng, cổ kim đều có cả. Nhưng có chức cao tước lớn rồi mà chỉ liệu kể giữ thân để hưởng phúc ấm lâu dài, không lo lập công nữa, cũng bị coi là có tội, bị giáng làm thường dân... thì sử sách chưa hề thấy chép như thế bao giờ. Những kẻ cơ hội và sớm có tư tưởng tự mãn, ắt phải lấy đó làm mỗi lo hàng đầu.

Mới hay, cuộc đại đình là phép cộng liên tục của những sắc lệnh ngộ như rất bình thường này.

13 - LỜI TIÊN ĐOÁN CỦA LƯU THANH

Lưu Thanh là một trong những viên tướng của nhà Minh, từng nhiều phen đem quân đi đàn áp Lê Lợi. Năm 1427, Lưu Thanh là chỉ huy đồn Tam Giang. Giữa năm 1427, có một sự kiện khá độc đáo, gắn liền với nhân vật Lưu Thanh, đã được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 10, tờ 29-b) chép lại như sau :

"Tháng 6, bọn Chỉ huy sứ (của quân Minh) là Lưu Thanh đóng ở đồn Tam Giang ra hàng. Nguyên trước kia, bọn lính Tam Giang từng vào Thanh Hóa (để đánh Lam Sơn) theo lệnh điều động của quan Tổng binh. Bại trận trở về, có tên ngụy binh buông lời khinh mạn Nhà vua (tức Lê Lợi). Lưu Thanh liền mắng :

- Thằng man di vô lễ. Ông ấy (chỉ Lê Lợi - ND) sẽ là Hoàng đế của chúng mày đấy.

Đến đây thì (Lưu Thanh đem binh sĩ thành Tam Giang) ra hàng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Vua nổi dậy, nghĩa binh đi tới đâu là quân Minh thua chạy đến đấy, nhưng đó có phải là vì quân ta đông mà quân giặc ít đâu ? Đó cũng có phải là vì quân ta mạnh mà quân địch yếu đâu ? Tất cả chỉ là vì đức của Vua hiệp với lễ

của trời, trời giúp Vua, Vua lại làm đẹp lòng người nên người theo về đó thôi. Bấy giờ, không những chỉ có người nước ta vui lòng theo phục, mà cả đến bọn phản nghịch cũng tôn kính, cho nên, chúng không còn ý chí chiến đấu, cùng nhau ra hàng là phải lắm. Thế thì việc dấy quân nhân nghĩa của Vua nào có kém gì công trạng rực rỡ của Thang, Võ trước kia ? Việc làm này của tướng Lưu Thanh càng tỏ rõ uy đức của Vua lớn lắm. Còn như cái điềm được nước, đâu phải là từ lời sấm vĩ kia !"

Lời bàn : Lê được thua của Lê Lợi, sử thần Ngô Sĩ Liên đã có lời bàn. Góp lời thô thiển với Ngô Sĩ Liên là vô lễ với bậc đại trí. Tuy nhiên, để hiểu thêm lời bàn của Ngô Sĩ Liên, có lẽ cũng phải cần ghi thêm một chú thích nhỏ : Thang, Võ tức vua Thang và vua Võ. Thang là Thành Thang, người đã diệt vua Kiệt tàn bạo của nhà Hạ mà lập ra nhà Thương (còn gọi là nhà Ân) của Trung Quốc. Võ là Võ Vương, người đã diệt vua Trụ cũng rất tàn bạo của nhà Thương mà lập ra nhà Chu. Thang và Võ là hai vị vua cổ đại của Trung Quốc, rất được Nho gia tôn kính.

Uy đức của Lê Lợi to lớn và mạnh mẽ thay !

14 - ĐINH LỄ VÀ NGUYỄN XÍ VỚI CÁI GIÁ CỦA MỘT BÀI HỌC

Đinh Lễ người Lam Sơn (Thanh Hóa), sinh năm nào không rõ, chỉ biết mất vào năm 1427. Ông là cháu gọi Lê Lợi bằng cậu, tham gia phong trào Lam Sơn ngay từ những ngày đầu, là người chỉ huy trận tấn công vào Diên Châu và vào Thanh Hóa, là một trong những vị tướng có vai trò rất quan trọng trong trận quyết chiến Tốt Động-Chúc Động. Bởi có nhiều công lao lớn, Ông được đổi gọi là họ Lê, sử cũ vì thế mà thường chép là Lê Lễ.

Nguyễn Xí (1397-1465) người đất Thượng Xá, Chân Phúc, nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Năm lên 9 tuổi, Nguyễn Xí mồ côi cha, được người anh đem ra Thanh Hóa rồi được Lê Lợi nuôi trong nhà. Năm 1418, Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, mau

chóng trở thành một trong những vị tướng có tài. Cùng với nhiều người khác, ông cũng được đổi họ thành họ Lê.

Trải mười năm chinh chiến, Đinh Lễ và Nguyễn Xí đánh đâu thắng đó nên càng về sau càng hay khinh địch. Vì lẽ này, hai ông đã phải trả một cái giá quá đắt cho sự chủ quan của mình. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 10, tờ 30a-b) chép :

Trước đó, ngày mồng 8 (tháng 6-1427 - ND), Tư không là Lê Lễ cùng Thượng tướng là Lê Xí đánh nhau với quân Minh ở My Động (nay là xã Hoàng Mai, ngoại thành Hà Nội - ND). Lễ tử trận. Hôm ấy, Vương Thông cho quân tinh nhuệ từ trong thành (Đông Quan) ra đánh Thái giám Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt. Nguyễn cố giữ thành để đánh trả. Vua vội sai Lê Lễ và Lê Xí đem hơn 500 quân Thiết Đốt đến giúp, đuổi giặc tới My Động. Vương Thông thấy Lễ ít quân mới quay lại đánh ép vào. Lễ và Xí cưỡi voi, ra sức mà đánh, nhưng rồi voi bị sa lầy nên cả hai bị quân Minh bắt sống đem vào thành Đông Quan. Lễ không chịu khuất phục, bị giết chết ngay, còn Xí thì nhân cơ hội đêm ấy mưa gió, dùng kế đánh lừa kẻ canh giữ mà chạy thoát được. Xí về ra mắt Vua ở dinh Bồ Đề, Vua thấy liền kêu to lên rằng : " Người sống lại đấy ư ?".

Trước kia, mỗi lần xuất quân, Vua thường răn Lễ chớ nên khinh địch. Đến khi thắng trận Tốt Động, ai cũng khen Lễ giỏi, Vua nói :

- Trăm trận mà thắng cả trăm chưa hẳn đã là điều hay. Hẳn cứ cậy có lính giỏi, quen say men thắng, trận thua đau biết đâu còn chờ.

Đến đây thì lời ấy quả là đúng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Khuất Hà (tướng của Lỗ Hoàn Công, Trung Quốc thời Chu, nổi tiếng là giỏi, sau vì chủ quan mà thua đau, phải tự tử - ND) quen thói thắng lớn ở Bồ Tào mà đến nổi bị đại bại. Nhưng, Khuất Hà là tướng cầm quân đi đánh nước nhỏ, tàn bạo và bị cô lập. Lê Lễ cũng quen thói thắng trận ở Tốt Động mà rồi bị thua đau, nhưng Lê Lễ cầm quân kháng khái phục thù, có đại nghĩa. Tuy xem ra, hai người đều thất bại có vẻ như

nhau mà ý nghĩa thì thực lại rất khác biệt. Tướng giỏi thời bấy giờ, đứng hàng đầu ắt phải kể đến Lê và Triệu".

Lời bàn : Chỉ vì không nghiêm cẩn nghe lời dặn dò của Bình Định Vương Lê Lợi mà hai vị tướng tài đều bị bắt, một người bị giết, một người thoát được, nhưng hao tổn binh lực cũng chẳng phải là ít. Mối hay, thắng được sự kiêu căng của chính mình còn khó hơn cả thắng kẻ thù thiện chiến và mưu lược.

Ngô Sĩ Liên khen Lê Lễ, xếp ông và Lý Triệu vào hàng những tướng giỏi nhất, ắt chỉ vì kính trọng tiết tháo của hai người đó thôi. Cái chết của Lê Lễ đâu phải chỉ đơn giản là sự thiệt hại một sinh mạng ? Nếu các tướng lĩnh đều hành động như ông thì sự nghiệp của Lam Sơn làm sao hoàn thành ? Hóa ra, đánh trận cũng như đánh cờ, nhường một bước chưa hẳn phải thua, điều cốt lõi là phải bảo toàn được tướng để sau cùng, đánh những nước quyết định mà giành phần thắng về mình. Lê Xí may thoát được để còn ngẫm nghĩ về những lời khuyên của Lê Lợi, chớ Lê Lễ thì chẳng còn cơ may nào để kịp nhận ra sai lầm của mình. Tiếc thay !

15 - HỘI THỀ ĐÔNG QUAN

Sau khi toàn bộ lực lượng viện binh đều bị tiêu diệt và mọi cố gắng nhằm xoay chuyển tình hình cũng đều bị thất bại, ngày 10-12-1427 (nhằm ngày 22-11 năm Đinh Mùi), Tổng binh giặc là Thành sơn hầu Vương Thông đành phải chấp nhận đầu hàng vô điều kiện. Lễ kí kết văn kiện đầu hàng nhục nhã này của Vương Thông được các lãnh tụ Lam Sơn đặt cho một cái tên thật hài hước là *hội thề Đông Quan* !

Dự "hội thề", về phía Lam Sơn có Bình Định Vương Lê Lợi cùng các tướng tùy tùng là : Trần Nguyên Hãn, Lưu Nhân Chú, Phạm Vấn, Lê Ngân, Phạm Văn Xảo, Bùi Bị, Trịnh Khả, Nguyễn Chích, Nguyễn Lý, Phạm Bôi, Lê Văn An, Bế Khắc Thiện và Ma Luân.

Về phía quân Minh có Vương Thông cùng các tướng tùy tùng là Mã Anh, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Trần Trí, Lý An, Phương Chính, Trần Tuấn, Chu Kỳ Hân, Trần Hựu, Quách Vĩnh Thanh, Dục

Khiêm, Lục Quảng Bình, Hồng Bình Lương, Lục Trinh, Dương Thời Tập và Quách Đoan.

Sách *Dại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 10, tờ 46-b và tờ 47-a) chép rằng : "Bấy giờ, các tướng sĩ và người trong nước căm thù quân Minh tội độ vì chúng đã giết cha con, thân thích của họ, bèn kéo tới khuyên vua nên giết hết bọn chúng đi. Vua dụ rằng :

- Trả thù và báo oán là lẽ thường tình của con người. Nhưng, không nỡ giết người là bản tâm của bậc có lòng nhân đức. Và lại, giết kẻ đã hàng là điều xấu không gì sánh được. Nếu được hả mối thù trong chốc lát mà phải mang tiếng xấu với muôn đời là giết kẻ đã hàng, thì chi bằng tha mạng cho tất cả lũ chúng để nhân đó, dập tắt hết thảm họa chiến chinh cho đời sau, khiến sử xanh phải ghi mãi tiếng thơm đến muôn thuở. Đó chẳng phải là việc lớn hay sao ?

(Nói xong), Vua bèn hạ lệnh : Số giặc về bằng đường thủy thì cấp cho 500 chiếc thuyền, giao cho Phương Chính và Mã Kỳ nhận lãnh. Số giặc về bằng đường bộ thì cấp thêm lương thực, giao cho Sơn Thọ và Hoàng Phúc nhận lãnh. Riêng số giặc bị bắt hoặc đầu hàng từ trước, tổng cộng hơn hai vạn người cùng với hơn hai vạn con ngựa thì giao cho Mã Anh nhận lãnh và cho Chinh Man tướng quân là Trần Tuấn đem quân trấn thủ đi theo.

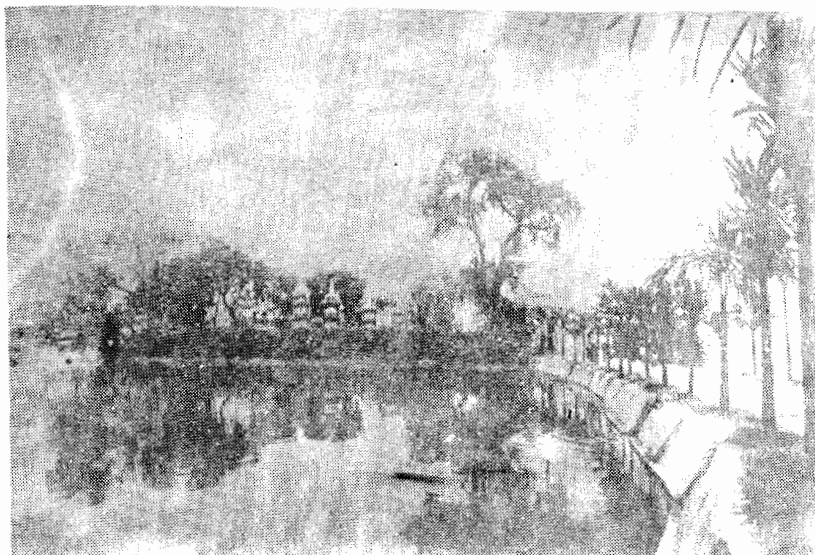
Tất cả quân Minh đều kéo nhau đến đỉnh Bồ Đề để lay tạ mà về. Bọn Phương Chính, phần vì xúc động, phần vì hổ thẹn mà rơi cả nước mắt".

Sách *Quân trung từ mệnh tập* của Nguyễn Trãi đã ghi lại lời thề của Vương Thông trong "hội thề" này như sau :

"Về phía bọn Tổng binh Thành sơn hầu là Vương Thông, nếu không có lòng thực, tự làm trái lời thề, nhất là khi người phục dịch và thuyền bè đã sắp sẵn rồi, cầu đường cũng đã sửa xong rồi, mà không làm theo lời bàn, nghĩa là không lập tức đem quân về nước, cứ kéo dài năm tháng để đợi viện binh, hoặc giả là khi về đến triều đình mà tâu sai sự lí, không sợ thần linh sông núi

nước An Nam, hoặc bàn khác đi, hoặc cho quân cướp phá dọc đường thì Trời, Đất cùng Danh Sơn, Đại Xuyên và Thần Kỳ các xứ, tất đem bọn quan Tổng binh Thành sơn hầu là Vương Thông, tự bản thân cho đến cả nhà, cùng thân thích, đều làm cho chết hết và cả đến lũ quan quân cũng không một ai được sống sót trở về" (Chúng tôi nhấn mạnh - ND).

Ngày 29-12-1427, Vương Thông bắt đầu cho quân rút lui và đến ngày 3-1-1428 thì đất nước sạch bóng quân xâm lăng. Cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại của thế kỉ XV kết thúc toàn thắng. Năm đó, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, nhà Hậu Lê được chính thức lập ra.



Chùa Trấn Quốc

Các tác giả sách *Đại Việt sử kí toàn thư* đã có lời bàn về sự kiện trọng đại này. Lời bàn ghi ở quyển 10, tờ 55-a như sau :

"Từ khi trời đất đã phân chia, thì Nam Bắc giới hạn rạch ròi. Phương Bắc lớn mạnh nhưng không thể đè bẹp được phương Nam. Cứ xem các thời (Tiên) Lê, Lý và Trần thì đủ biết. Bởi vậy,

cuối thời Tam Quốc, phương Nam tuy có yếu nhưng cũng chỉ là nội loạn. Nhà Nhuận Hồ thì bạo ngược đã quá, để đến nỗi nước mất, thân nhục, giặc Bắc hung tàn, dân tình khốn khổ. May thay, lòng trời còn đó, thánh chúa lại ra đời, chinh phục bằng nghĩa, đánh dẹp bằng nhân, cho nên, non sông mới được đổi mới, nhật nguyệt mới lại được sáng tươi. Nhân dân từ đấy bình yên, nước nhà từ đấy thịnh trị. Ấy là bởi vua tôi một dạ, trên dưới cùng lòng vậy. Ôi, đại loạn thì phải trị, lẽ ấy xưa nay rành rành".

16 - PHÉP NƯỚC ĐẦU ĐỜI LÊ THÁI TỔ

Đầu năm 1428, sau khi đất nước sạch bóng quân xâm lăng, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, đó là Lê Thái Tổ (1428-1433), vị Hoàng đế đầu tiên của nhà Hậu Lê.

Bấy giờ, trải hai mươi năm bị ngoại xâm và chiến tranh tàn phá, đất nước chìm ngập trong những khó khăn lớn lao : Chính trị đổ nát, kinh tế điêu tàn, xã hội loạn li... Lê Thái Tổ phải dồn hết tâm lực để giải quyết hàng loạt những công việc quốc gia đại sự. Mặc dù vậy, Hoàng đế vẫn luôn canh cánh nỗi lo nghiêm giữ phép nước. Năm 1429, Lê Thái Tổ đã ban hành rất nhiều sắc lệnh quan trọng, trong đó có hai sắc lệnh đặc biệt, được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 10) ghi lại như sau :

"Ngày 26 (tháng 2 năm 1429 - ND), ra lệnh cho các vị đại thần và các quan Hành khiển rằng : Nếu thấy các điều lệnh của trăm có điều gì phương hại đến việc quân, việc nước, hoặc giả là việc sai dịch không phải lẽ, hoặc giả là cho thu thuế khóa nặng nề, hay như có việc tà dâm bạo ngược... thì cho tâu xin để trăm sửa lại" (tờ 65-b).

"Ngày 18 (tháng 10 năm 1429 - ND), ra lệnh cho các đại thần, Tổng quản và các quan từ Hành khiển trở xuống rằng : Người xưa có câu "Vua không chọn tướng mà dùng thì có khác gì đem dâng nước mình cho giặc". Trăm không lúc nào không suy nghĩ đến điều

đó. Bởi đêm ngày lo nghĩ nên mới đem việc quân, việc nước quan trọng mà trao cho các khanh. Thế mà các khanh cứ điềm nhiên như không, trên thì phụ lòng tin dùng của triều đình, dưới thì chẳng chút đoái thương đến quân dân, sao mà biếng nhác việc quan đến thế ? Nay, ta ra chiếu này để răn bảo, nếu không biết tự mình sửa lỗi, lại còn tái phạm, thì phép nước còn chờ đó, khi ấy đừng nói là trăm phụ bề tôi cũ có nhiều công lao" (tờ 71-a).

Lời bàn : Muốn bách quan nghiêm giữ phép nước, trước hết, đáng chỉ tôn là Hoàng đế phải mẫu mực. Song, phàm là người sống giữa cõi trời đất, ai dám chắc là mình tránh được hết mọi lỗi lầm. Hoàng đế mở rộng lòng mình, bình tâm để lắng nghe lời tâu việc sửa sang chính trị của bá quan văn võ, kính thay !

Muốn trăm họ cũng nghiêm giữ phép nước, thì quan lại, nhất là các bậc khai quốc công thần, trước phải tự làm gương. Lời của cổ nhân mà Lê Thái Tổ nhắc lại : "Vua không chọn tướng mà dùng thì có khác gì đem dâng nước mình cho giặc", càng nghĩ càng thấy chí lí.

17 - THƯƠNG THAY TRẦN NGUYÊN HÂN !

Trần Nguyên Hân người đất Sơn Đông huyện Lập Thạch, nay là huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông sinh năm nào không rõ, chỉ biết là mất vào năm 1429. Trần Nguyên Hân là cháu nội của Tư đồ Trần Nguyên Đán, nhà thiên văn và lịch pháp nổi tiếng cuối thời Trần. Khi Lê Lợi xưng nghĩa ở Lam Sơn, ông cùng với Nguyễn Trãi (cháu ngoại của Trần Nguyên Đán) đã sớm tìm đến và mau chóng trở thành chỗ dựa tin cậy của Lê Lợi. Cuộc đời và cái chết oan khuất của ông đã được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 25, tờ 20) chép lại tóm lược như sau :

"Hân có học thức, giỏi binh pháp, từng giúp Lê Thái Tổ khởi nghĩa, được thương yêu và hậu đãi và dự bàn những chuyện bí mật. (Trần Nguyên Hân) cùng Vua xông pha trận mạc, đến đâu cũng lập được chiến công.

Năm Mậu Thân, niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1428), khi (Lê Thái Tổ) định công ban thưởng cho các bậc công thần, (Trần Nguyên) Hãn được gia phong chức Hữu Tướng quốc, cho mang quốc tính là họ Lê. Công lao và danh vọng của (Trần Nguyên) Hãn kể vào hàng cao nhất. Nhưng sau, Trần Nguyên Hãn có nói riêng với người thân tín rằng :

- Nhà vua có tướng giống như Việt Vương Câu Tiễn, cho nên, ta không thể cùng hưởng yên vui sung sướng được.

(Nói rồi), Hãn xin về hưu, được Nhà vua ứng thuận. Nhưng, vì (Trần Nguyên Hãn) là dòng dõi họ Trần, nên bị nghi kị. Về đến Sơn Đông, sống trong cảnh quê nhà mà (Trần Nguyên) Hãn vẫn cho xây dựng phủ đệ, đóng thuyền bè, không chịu giữ gìn hình tích. Những kẻ xấu muốn tâng công, bèn thêu dệt gièm pha với Nhà vua, rằng (Trần Nguyên) Hãn có mưu toan phản nghịch. Nhà vua tin lời, bèn ra lệnh cho bọn lực sĩ đến bắt. Khi thuyền chở (Trần Nguyên) Hãn đến bến Sơn Đông (Trần Nguyên) Hãn nhảy xuống sông tự tử".

Lời bàn : Công trạng của Trần Nguyên Hãn lớn lao đến mức nào, thiết tưởng chẳng cần bàn cũng đã rõ. Tên tuổi Lê Lợi rực rỡ với ngàn thu ra sao, không nói ai cũng tường. Tiếc thay, anh hùng lại chẳng dung tha anh hùng, để đến nỗi Trần Nguyên Hãn không chết vì kẻ thù bạo ngược trong chiến tranh mà lại chết vì sự nghi kị của Vua trong lúc thái bình.

Dẫu đã có hơn mười năm đóng cam cộng khổ, nhưng Trần Nguyên Hãn chỉ xét đoán Lê Lợi qua tướng mạo chứ chẳng phải là qua thực tiễn sinh động của việc làm. Có lẽ cũng vì chỉ xét người qua tướng, mạo nên Trần Nguyên Hãn mới nhầm kẻ cơ hội phản trắc ra người thân tín, bộc bạch hết mọi điều thâm kín của mình. Nhưng thôi, nhân vô thập toàn, đó âu cũng là sở đoán của Trần Nguyên Hãn vậy.

Trong chiến tranh, Lê Lợi chỉ thấy Trần Nguyên Hãn là vị dũng tướng có nhiều mưu lược. Nhưng, khi ngồi lên ngai vàng, Lê Lợi lại chợt nhớ ra, đây từng là chỗ ngồi của Hoàng đế họ Trần, bản thân Lê Lợi cũng vừa phải đẩy "hư vị" của Trần Cảo đi, cho nên, Lê Lợi chỉ thấy Trần Nguyên Hãn là người họ Trần, quên hết mười năm vào sinh ra tử của Trần Nguyên Hãn. Sự đa nghi của Lê Lợi có thể dễ giải thích nhưng quả là khó tha thứ. Nhưng thôi, đó âu cũng là biểu hiện của sự "nhân vô thập toàn", nhấn mạnh quá, sợ có tội với cổ nhân.

Mọi raving, kẻ cầm quyền chỉ cần một chút thiếu bình tâm là đã có thể gây nên tai họa, ngấm trọng. Có ai nghĩ người nổi danh như Trần Nguyên Hãn lại phải chết chìm dưới Thương thay !

18 - PHẦN THƯỞNG CỦA BÙI THÌ HANH

*N*gày 25 tháng 4 năm Giáp Dần, niên hiệu Thiệu Bình thứ 1 (1434), vua Lê Thái Tông tiến hành thăng chức nhất loạt cho cả ngàn quan lại. Ngày hôm đó, quan Nội mật gọi tên để cấp sắc liên tục từ sáng đến trưa mà vẫn chưa hết. Có lẽ vì cho rằng đây là cơ hội tốt nhất để được ban thưởng, cho nên, quan Thái sử Bùi Thì Hanh đã lập kế được hậu thưởng thêm. Chuyện này xảy ra vào ngày 1 tháng 5 năm Giáp Dần, đã được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 9-a) chép lại như sau :

"Trước đó, Thái sử Bùi Thì Hanh bí mật tâu rằng, ngày mồng 1 tháng 5 sẽ có tinh khí con vượn đen ăn mặt trời nên sẽ có nhật thực, mà có nhật thực thì nhất định trong nước sẽ có tai biến. Nếu bắt được vượn sống đem về giết để trấn yểm thì mới mong tai qua nạn khỏi.

Quan Đại Tư đồ là Lê Sát rất tin, bèn tâu xin cho quan lại ở các trấn như Tuyên Quang, Thái Nguyên phải đốc thúc dân săn lùng vượn khắp núi rừng để đem về kinh. Bởi thế, vượn, khỉ... bị bắt, đóng cũi đưa về nườm nượp, đếm không xuể. Đến ngày ấy (tức ngày 1 tháng 5 - ND), Vua nghỉ chầu, sai làm phép trấn yểm khắp cấm cung, bách quan chẳng ai hay biết. (Bùi) Thì Hanh chỉ nói cho quan Lễ Bộ thị lang là Trịnh Toàn Dương, nguyên là Đạo sĩ, để Trịnh Toàn Dương cùng làm phép với mình. Xong, hai người được thưởng rất hậu".

Lời bàn : Trước đó, ngành thiên văn và lịch pháp của ta đã rất phát triển, tính toán để biết trước nhật thực và nguyệt thực trong năm, chẳng có gì khó khăn. Với quan Thái sử như Bùi Thì Hanh, chuyện đó lại càng không đáng kể. Cái đáng kể ở đây là dùng cái biết của mình để mê hoặc lòng người. Trên thì từ vua cho đến quan Đại Tư đồ, dưới thì quan biên ải cho đến dân thường, cả nước phải một phen vất vả đi săn vượn, săn khỉ, khổ thay !

19 - ĐỨC ĐỘ CỦA NGUYỄN THIÊN HỤY

Nguyễn Thiên Hựu sinh và mất năm nào không rõ, chỉ biết ông làm quan trải hai triều Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông. Bình sinh, Nguyễn Thiên Hựu là người trung trực, có lòng thương đến dân lành. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11) có chép hai mẩu chuyện về ông như sau :

"Ngày 24 (tháng 5 năm 1434 - ND), giờ thìn (tức từ khoảng 7 đến 9 giờ sáng - ND), có khí xanh đỏ như hình cầu vồng nhưng ngắn hơn, xuất hiện ở hướng Đông Bắc, trời có sương nhẹ. (Vua hạ lệnh) chém người thợ của Cục Tả Ban Tất Tác là Cao Sư Đãng. Lúc ấy, (triều đình) điều động thợ ở các Cục Tất Tác đến để lo làm chùa Báo Thiên. Việc thổ mộc rất nặng nề, (Cao) Sư Đãng làm vất vả quá nên có nói vụng trộm rằng : "Thiên tử không có đức, để đến nỗi hạn hán, còn như bọn đại thần thì ăn của dút, tiến cử kẻ vô công, có gì đáng gọi là từ thiện đâu mà làm chùa to thế". Lời ấy bị cáo giác. Quan Đại Tư đồ là Lê Sát nghe được, lấy làm giận lắm, bèn sai quan thẩm hình là Nguyễn Đình Lịch xét xử. Nguyễn Đình Lịch nói :

- Nó dám nói càn đến quốc gia đại sự, chém đi chứ để làm gì.

Lúc ấy, Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cẩm Hồ đều xin tha tội chết (cho Cao Sư Đãng). Vua đã sắp nghe lời thì (Lê) Sát nói :

- Trước đã nghe theo lời Nguyễn Thiên Hựu mà tha chết cho bọn Nguyễn Đức Minh, khiến chúng bỏ thư nặc danh vu khống cho nhau, nay lại tha thêm thằng này nữa thì lấy gì để răn cho kẻ khác sợ ?

Bọn Thiên Hựu không dám nói nữa, (Vua) bèn sai chém (Cao) Sư Đãng. Ngay hôm ấy bỗng có mưa nhỏ, nên hôm sau, (Lê) Sát vào nói giữa triều đình rằng :

- Nếu nghe lời Ngôn quan (chức này cũng tương tự như chức Ngự sử - ND) thì làm gì có trận mưa vừa rồi !

Lê Ngân nói :

- Giết nhiều kẻ ác thì được mưa nhiều, chỉ hiềm một nỗi là xương người chất đầy đường, khó đi lại mà thôi" (tờ 10 a-b).

"Tên đầu bếp ở Thái Miếu là Nguyễn Chú bị đánh 80 trượng, thích chữ vào gáy và đồ làm lính chân voi vì tội ức hiếp để mua rẻ hàng hóa ở ngoài chợ.

Bấy giờ, bọn đầu bếp các nhà quyền quý thường hay cậy thế là người trong cung để ức hiếp mà mua rẻ hàng hóa ngoài chợ. Dân rất sợ bọn này. (Nguyễn Chú) bị Nguyễn Thiên Hựu bắt được, tâu sự thế lên Vua, Vua bèn trị tội Chú, lại còn cho đem đi rao liên trong ba ngày cho mọi người biết" (tờ 13-b).



Chùa Kiến Sơ

Lời bàn : Lần thứ nhất, vì cảm thương người thợ là Cao Sư Đãng lỡ lời phạm thượng lúc quá khốn khổ mà Nguyễn Thiên Hựu đã liều tâu xin tha mạng cho. Lời ấy dẫu chẳng được vua nghe nhưng dẫu sao thì Nguyễn Thiên Hựu cũng đã tỏ được cái đức sáng của mình. Đó là đức thương dân.

Lần thứ hai, không phải Nguyễn Thiên Hựu can ngăn mà ngược lại, chính Nguyễn Thiên Hựu đã trực tiếp bắt và tâu xin trị tội. Vua y lời. Một mình Nguyễn Chú bị trị nhưng trăm họ lại nhân đó mà được nhờ. Sự thể hai lần khác biệt nhau nhưng cái đức lớn thì vẫn là một.

Người làm quan thường hay nhân danh phép nước, kẻ vô chức nghiệp thường hay nhân danh quần chúng nhân dân. Sáng suốt và bình tâm để gạt bỏ được sự nhân danh vô lối chẳng phải là việc dễ. Việc ấy, học cả đời chưa ắt đã xong. Nhưng, học ở đây chẳng qua cũng chỉ để cho thêm phần sáng suốt, chớ cái chính yếu vẫn là phải có đức. Như Nguyễn Thiên Hựu, ông xử việc bắt đầu bằng đức độ của chính mình đó thôi.

20 - CHUYỆN QUANH TỜ BIỂU VĂN DO NGUYỄN TRÃI SOẠN

Tháng 5 năm Giáp Dần, niên hiệu Thiệu Bình thứ nhất (1434), có một chuyện rắc rối đã xảy ra trong triều đình nhà Lê. Đó là chuyện rắc rối xảy ra quanh tờ biểu văn do quan Hành khiển là Nguyễn Trãi vâng mệnh vua Lê Thái Tông soạn để giao cho sứ giả đem sang triều đình nhà Minh. Chuyện rắc rối đó được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 9-b và 10-a) chép lại như sau :

"Ngày 16 (tháng 5 năm 1434 - ND), sai bọn Tuyên phủ sứ là Nguyễn Tông Trụ, Trung thư Hoàng môn Thị lang là Thái Quán Thực và Kì lão là Đái Lương Bật mang tờ biểu cùng các thứ phương vật sang cầu phong nhà Minh. Hành khiển Nguyễn Trãi soạn xong tờ biểu, bọn Nội mật viện là Nguyễn Thúc Huệ và Học sĩ là Lê Cảnh Xước muốn đổi lại mấy chữ. Nguyễn Trãi giận lắm, liền nói :

- Bọn các người là hạng bề tôi chỉ biết vợ vét. Bao nhiêu nạn hạn hán đều do các người gây nên cả.

Thúc Huệ liền tố cáo lời này với Đại Tư đồ là (Lê) Sát và Đô đốc là (Lê) Ván. Sát và Ván tức lấm, cùng nhau trách Nguyễn Trãi rằng :

- Gây ra thiên tai không phải là do lỗi của bọn ấy mà là lỗi của Vua và Tể tướng. Sao ông nỡ quá lời như thế ?

Nguyễn Trãi từ tạ mà nói rằng :

- Bọn Thúc Huệ chỉ cậy có chút tài vét thuế trong dân mà chiếm ngôi vị cao trong thiên hạ. Mỗi khi có sổ sách trình đến, chúng đều tìm cách vờ vét cho quan tham, hòng được lòng Vua và Tể tướng. Tôi nhân việc này mà nói ra thôi chớ đâu có dám bàn gì đến Vua và tể tướng.

(Lê) Sát vẫn không nguôi giận, nhưng tờ biểu thì vẫn cho để y nguyên như Nguyễn Trãi soạn, chẳng sửa chữa gì".

Lời bàn : Trong chỗ không hẹn, Nguyễn Trãi và Nguyễn Thúc Huệ cùng Lê Cảnh Xước, đã gặp nhau ở chỗ... "văn minh". Lẽ dĩ nhiên, chút bệnh... "văn minh" của Nguyễn Trãi nếu có nặng hơn người thì cũng phải, bởi đạt đến mức đại bút như ông, cổ kim nào đã có mấy người. Lỗi của Nguyễn Trãi có chăng là ở chỗ, đang từ chuyện này lại nhảy sang chuyện nọ, chẳng ăn nhập gì với nhau cả.

Ở đời, chê thì dễ, làm mới khó, làm nên tuyệt tác lại càng khó hơn. Nguyễn Thúc Huệ và Lê Cảnh Xước nổi danh ở chỗ chê người chứ không phải là nổi danh nhờ những gì do chính mình làm ra. Tuy nhiên, Nguyễn Thúc Huệ và Lê Cảnh Xước đã tỏ ra nhạy bén và rất thông minh khi quyết nắm lấy sở đoản của Nguyễn Trãi. Ôi, giữa cõi đời này, có gì đáng sợ hơn, khi mà sự thông thái lại được ban phát nhầm lẫn cho bọn tiểu nhân.

Quan Đại Tư đồ và quan Đô đốc chẳng đại mà sửa văn Nguyễn Trãi theo lời tâu của Nguyễn Thúc Huệ và Lê Cảnh Xước. Văn tài, ai dám sánh với Nguyễn Trãi. Và chẳng, bút sa gà chết, lấy quyền uy mà sửa, ắt Nguyễn Trãi phải chịu, nhưng chữ nghĩa còn đó, làm thế chỉ mua cười cho hậu thế mà thôi.

Lời văn trong tờ biểu Nguyễn Trãi soạn tuy vẫn được giữ y nguyên, nhưng vị thế của Nguyễn Trãi trong triều không còn được nguyên vẹn nữa. Dự báo lần đầu cho một tấn bi kịch là đây chẳng?

21 - CHUYỆN PHẠM MẤN BỊ ĐI ĐÀY

Phạm Mấn sinh và mất năm nào không rõ, chỉ biết ông là người cùng làng với quan Tư không là Lê Ngân. Khi Lê Lợi phát động nhân dân nổi dậy chống quân Minh, Phạm Mấn cũng về tụ nghĩa ở Lam Sơn. Nhưng rồi một thời gian sau, vì chịu không nổi gian nan, Phạm Mấn đã đầu hàng quân Minh. Lần ấy, Lê Lợi bí mật đem quân đi đánh Sách Cối (Thanh Hóa). Quân vừa tới, Phạm Mấn đã đi đầu hàng, mật báo mọi điều với quân Minh, cho nên, cuộc tấn công không thành. Sau, Lam Sơn giành được thắng lợi, cũng như nhiều người khác, Phạm Mấn được hưởng lượng khoan hồng, được về quê cũ làm ăn sinh sống.

Tháng 9 năm Giáp Dần (1434), Phạm Mấn tranh chấp ruộng đất với người gia nô cũ của quan Tư không Lê Ngân. Trong lúc nóng giận, Phạm Mấn có nói nhiều lời bất kính, xúc phạm tới Lê Ngân. Chuyện đến tai, Lê Ngân bèn sai các quan coi việc án ngục xét xử Phạm Mấn, nhân thể, xét luôn cả tội trước kia từng đầu hàng quân Minh nữa. Án trình lên, vua Lê Thái Tông y lời, khép Phạm Mấn vào tội chém. Nhưng, đúng lúc đó, một cuộc tranh cãi giữa hai bậc đại thần đã diễn ra. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 16-a) chép rằng :

"Quan Đại Tư đồ là Lê Sát nói (với Lê Ngân) :

- Giờ đây, bọn ta có quyền thế, nhân đó mà báo thù người làng thì muốn sao chẳng được. Nhưng, làm vậy lỡ mai sau ta hết quyền thế, chẳng lẽ lại bắt con cháu chúng ta phải chịu sự báo oán hay sao ?

Lê Ngân tức giận quát :

- Con cháu chúng nó còn biết gây oán, lẽ nào con cháu chúng ta lại không biết báo oán nữa hay sao ?

Hai người cứ thế tranh cãi mãi. (Vua nghe) bèn giám tội cho Phạm Mấn, bắt phải đi đày xa".

Lời bàn : Không kham nổi gian nan, đành bỏ đồng đội, bỏ đại nghĩa, đó là lỗi. Riêng lo cho tấm thân mà cam lòng phản bội, đó là tội. Lê Thái Tổ mở lượng hải hà mà tha cho, nhưng xem ra, Phạm Mẫn vẫn chưa thấm được ơn mưa móc ấy.

Tranh chấp ruộng đất cũng là chuyện thường xảy ra. Nhưng, tranh ruộng với gia nô cũ của Lê Ngân thì cứ tranh, hà cớ gì lại nói lời bất kính với Lê Ngân đang đương đương là bậc đại thần ? Xã hội bao giờ cũng có thứ bậc, mơ hồ mà được chăng ?

Nhưng thôi, Phạm Mẫn chẳng qua cũng chỉ là tên nhút nhát và bất tài, còn như Lê Ngân, quyền cao chức trọng, vậy mà sao cũng hẹp hòi đến thế kia ? Ở đời, nếu cứ lấy oán báo oán thì sự báo oán sẽ chẳng bao giờ dứt. Và chẳng, vật đổi sao dời, ai dám nói là đã biết chắc hậu vận của mình ? Lời của quan Đại Tư đồ Lê Sát quả đáng suy nghĩ lắm.

Phạm Mẫn bị đày đi xa và ông cũng đã khuất, nhưng bài học về chuyện xử thế của ông thì vẫn còn mãi đó.

22 - NGUYỄN TRÃI VỚI BẢY TÊN TRỘM

Dầu đời Lê Sơ, tội trộm cướp bị xử rất nặng. Điều này cũng dễ hiểu, bởi lẽ đang bùng bùng khí thế của một cuộc hồi sinh, khắp cõi, già trẻ gái trai ai ai cũng được nhà nước chia cấp ruộng đất để làm ăn, nhà nhà đều có chút sản nghiệp. Tuy nhiên, thời nào mà chẳng có bọn bất lương. Năm 1434, triều đình Lê Thái Tông đã phải xét xử một lúc bảy tên tái phạm tội trộm cắp. Số lượng khá nhiều ấy đã khiến cho các bậc quan lại có phần bối rối. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 16, tờ 11) chép :

"Có bảy tên cùng tái phạm tội ăn trộm, tất cả đều đáng bị tử hình. Bọn Lê Sát và Lê Ngân lấy làm khó nghĩ vì phải giết một lúc quá nhiều người. Nhà vua (biết vậy) bèn đem việc này để hỏi quan Thừa chỉ là Lê Trãi (tức Nguyễn Trãi - ND). (Lê) Trãi thưa rằng :

- Dùng hình phạt chẳng bằng dùng nhân nghĩa, sự ấy đã quá rõ. Như bây giờ mà đem một lúc đến bảy người ra giết thì sợ đó không phải là việc làm của người có đức lớn. *Kinh Thư* có nói "An nữ chi", nghĩa là phải thuận theo chính đạo mà đặt mình đúng

chỗ chí thiện. Ví như vua ở trong cung, đấy là đúng chỗ của nhà vua, thẳng hoặc có tuần du đây đó thì sự thoải mái thường không như khi ở trong cung. Vua về cung, đấy là về đúng chỗ. Ông vua đối với nhân nghĩa cũng vậy. (Vua phải dùng nhân trị, đấy mới đúng là phép trị dân đích thực của vua).

Bọn Sát bèn nói với Lê Trãi :

- Ông thực là người nhân nghĩa, đủ sức để cảm hóa kẻ ác thành kẻ thiện. Đây, xin giao hết cho ông bọn trộm này.

Nói rồi, bọn Sát đem cả bảy tên tội phạm giao cho Lê Trãi bảo quản. Lê Trãi nói :

- Bọn chúng là lũ hung ác, gian xảo. Phép nước còn không răn chúng chữa được. Trãi này có đức độ gì mà cảm hóa nổi chúng ?

Sau, triều đình chỉ chém hai tên cầm đầu, còn thì khép vào tội lưu".

Lời bàn : Thời Lê Thái Tông (1434 - 1442), dân số nước ta có chừng năm triệu rưỡi. Trong năm triệu rưỡi dân mà có bảy tên tái phạm tội trộm cắp, số lượng ấy xem ra chẳng đáng gì, nhưng thời ấy thì đã đủ làm cho triều đình bối rối. Mới hay, sự thần xưa ca ngợi thời ấy là thời thái bình thịnh trị, kể cũng chẳng ngoa.

Xã hội đúng là thái bình, nhưng xem ra, nội bộ triều đình đã có dấu hiệu của sự bất ổn. Các bậc đại thần đá việc cho nhau rồi lại còn mắng xéo lẫn nhau, coi bộ cũng đã trên mức bình thường. Triều đình chém hai tên đầu sỏ và coi là đã đủ để răn thiên hạ, còn triều đình, biết lấy gì răn đây ?

23 - CÁC NGÔN QUAN LÀ PHAN THIÊN TƯỚC, LƯƠNG THIÊN PHÚC VÀ NGUYỄN CHIÊU PHỦ VỚI SÁU ĐIỀU CAN VUA

Đầu thời Lê Thái Tông (1434 - 1442), Phan Thiên Tước, Lương Thiên Phúc và Nguyễn Chiêu Phủ cùng giữ chức Ngôn quan, chuyên lo việc can gián vua và đàn hặc các quan. Họ đã cố gắng

làm hết chức phận phải làm, tuy nhiên, công việc không phải lúc nào cũng được thuận tiện. Năm Ất Mão (1435) có một chuyện rắc rối đã đến với họ, được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 21-b và tờ 22 a-b) chép lại như sau :

"Ngày 21 (tháng giêng - ND), các Ngõn quan là Phan Thiên Tước, Lương Thiên Phúc và Nguyễn Chiêu Phú, cùng dâng sớ can vua rằng : Tiên đế (chỉ Lê Lợi, tức Lê Thái Tổ - ND) dãi dẫu sương gió, thân mặc áo giáp, lao tâm khổ trí hơn mười năm trời mới bình định được thiên hạ. Nay, bệ hạ thừa kế cơ nghiệp, lẽ phải chăm học thuật, dốc lòng tìm kiếm nhân tài để chu toàn việc trị nước, vậy mà :

- Đại thần tiến cử chức Thiếu bảo Hữu Bật vào hầu việc giảng sách, bệ hạ đứng dậy bỏ đi không nghe, đó là một điều không nên.

- Tiên đế chọn người làm bảo mẫu, làm thầy để vâng mệnh dạy bảo trong cung mà bệ hạ khinh rẻ, mắng chửi họ, đó là hai điều không nên.

- Đến như Thần phi và Huệ phi đường đường là bậc bệ hạ phải gọi là dì (hai bà là vợ của Lê Lợi. Mẹ của Thái Tông đã mất lúc Thái Tông mới được ba tuổi - ND), cùng vào cung để dạy, mà bệ hạ cũng nở sai người ra đóng cửa không cho vào, đó là ba điều không nên.

- Người cầm đầu quân thị vệ thấy bệ hạ không đọc sách mà cầm cung đi bắn chim chơi đùa, họ can ngăn thì bệ hạ đã không nghe, lại còn lấy cung bắn họ, đó là bốn điều không nên.

- Tiên đế chọn lựa con em của các bậc công thần vào hầu bệ hạ đọc sách thì bệ hạ xa lánh họ, chỉ đùa giỡn với bọn hầu cận trong cung, đó là năm điều không nên.

- Bậc đế vương chỉ tìm người tài giỏi, biết nói thẳng, hết lời can ngăn và những người có nhiều công lao để thưởng cho họ, vậy mà bệ hạ chỉ vui đùa với bọn hoạn quan rồi thưởng cho chúng, đó là sáu điều không nên.

Nếu thần không nói là mang trọng tội, cho nên, dám dẫu lại chẳng tâu bày ? Vậy, trong khi coi châu hoặc giả là tiếp xúc với các bậc đại thần, hay như khi nghe các quan tấu trình, bệ hạ cần phải ngay ngắn, trang nghiêm, lấy dung nghi thiên tử mà tiếp đãi, ủy lạo người có công, lắng nghe lời nói thẳng, mở lối cho người cương trực, thấu hiểu sự tình ở dưới mình... được như thế thì lời khen bậc đại hiếu có chí nối nghiệp lớn, dẫu phải chỉ dành để riêng khen Thành Vương và Thái Giáp ? (Thành Vương và Thái Giáp là hai vị vua giỏi của Trung Quốc thời cổ đại, rất được Nho gia tôn sùng - ND).

Vua xem sơ xong, giận lắm, bèn vặn hỏi. Bọn học sĩ Lê Cảnh Xước và hoạn quan Đinh Hối liền đi khắp nhà, chất vấn gia quyến của Thiên Tước, vừa trách mắng vừa bắt phải khai tên người đã tiết lộ các việc nói trong sơ. Thiên Tước khai :

- Những điều đó do Đồng tổng quản Bắc Giang là Hạ vệ Lê Lãn nói. Bọn tôi cốt sao yêu Vua, làm hết chức phận, cho nên, dù chết cũng không sợ.

Nghe thế, bọn Cảnh Xước mới thôi. Hôm sau, Thiên Tước vào hầu Vua, tâu rằng :

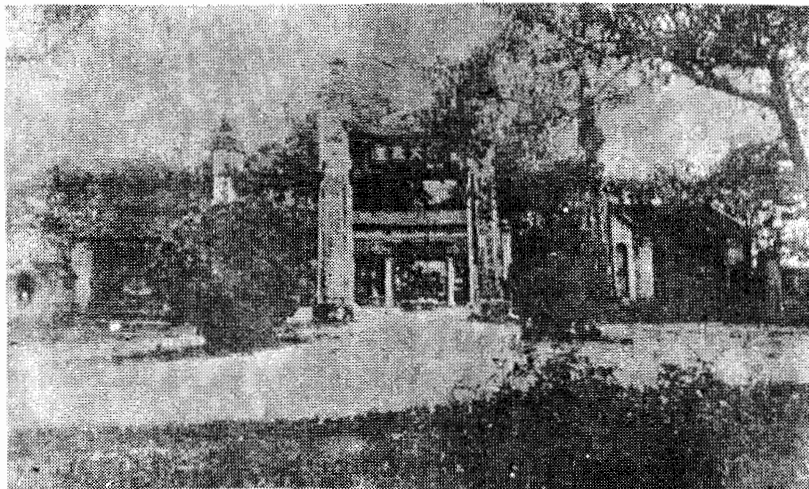
- Ngu Thuấn là bậc thánh nhân mà còn bị bọn Bá Ích lấy sự chơi bời lười biếng để khuyên răn, Đường Thái Tông là bậc vua hiền mà còn bị bọn Ngụy Trưng dâng sơ nhắc mười điều có thể lâu ngày thấm dần thành lỗi lớn. Nay, bọn thần tui nhục giữ chức Ngôn quan, lòng những sợ Nhà vua mắc lỗi lầm nên mới không quản ngu dại mà khuyên can. Bệ hạ nghe cho thì khắp thiên hạ, cho dẫu là kẻ kiếm củi hay kẻ làm nghề mọn cũng đều dốc hết khả năng ra mà làm, thánh đức của bệ hạ càng thêm ngợi sáng vậy.

Vua nghe xong, người giận, cho bọn Thiên Tước lại giữ chức như cũ".

Lời bàn : Lê Thái Tông lên nối ngôi lúc mới 11 tuổi. Tuổi ấy thường thích đánh bi, bắn chim, chơi trò ú tim hoặc giả là nhảy lò cò... cho nên, mắc những lỗi như các Ngôn quan nêu thì cũng chẳng có gì là lạ. Lạ lùng chẳng là Học sĩ Lê Cảnh Xước

và hoạn quan Đinh Hối. Lê Cảnh Xước đường đường là Học sĩ, nhưng đây là lần thứ hai tự tỏ cho mọi người thấy sự ít học. Hữu danh vô thực là đây chăng.

Lê Thái Tông có lỗi nhưng đã kịp nhận lỗi. Đáng kính thay ! Còn các Ngón quan, cương trực, và khẳng khái, lời thành tâm đã được Vua nghe, muôn đời hậu thế cùng nghe, vinh thay !



Tam Quan Chùa Lang

24 - THÁI QUÂN THỰC VÀ NGUYỄN TÔNG TRỤ LÀM NHỤC QUỐC THỂ

Ngày 16 tháng 5 năm Giáp Dần (1434), Thái Quân Thực đang giữ chức Trung thư hoàng môn thị lang và Nguyễn Tông Trụ đang giữ chức Tuyên phủ sứ, cả hai cùng hàm Tứ phẩm, được triều đình cho sung vào sứ bộ mang biểu văn sang nhà Minh cầu phong cho vua Lê Thái Tông. Trong chuyến đi này, hai ông đã phạm tội lớn, để tiếng xấu đến muôn đời. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 24 a-b) chép rằng :

"Hai người này khi nhận mệnh sang sứ nhà Minh đã phạm tội lớn, Thái Quân Thực bị xử đày viễn xứ, còn Nguyễn Tông Trụ bị đày cận xứ. Khi ấy, Hữu ti làm giấy tờ (cho hai người đi sứ), theo thứ tự mà ghi Nguyễn Tông Trụ là Bồi thần (hàng quan Đại phu - ND) còn Thái Quân Thực là Kì lão (dưới Đại phu một bậc - ND). Quân Thực tỏ ý bất bình. Khi đến triều Minh, triều Minh cứ chiếu theo thứ bậc (đã ghi trong giấy tờ của sứ bộ) mà ban áo. (Vì là Kì lão), áo của Quân Thực không có hoa văn kim tuyến. Quân Thực hậm hực bảo với người phương Bắc rằng :

- Ta cũng là quan Tứ phẩm, lại ở dưới Tông Trụ là làm sao ?

Đến lúc vào dự yến tiệc, Thực không chịu mặc áo được (triều nhà Minh) ban mà lại mặc áo có thêu kim tuyến của mình mang theo. Thực còn đem cả biểu văn do Nguyễn Trãi soạn ra mà chửi bới, lại còn chửi luôn cả quan Tham tri Đông Đạo là Đào Công Soạn chỉ vì ông này đã tiến cử Nguyễn Tông Trụ cùng đi sứ với mình. Tông Trụ giận dữ, tranh cãi mãi (với Thái Quân Thực). Hai người đánh nhau, Tông Trụ bị vỡ mặt, người đi theo can ngăn cũng không được. Hai người còn kiện nhau ở Hồng Lô Tự (của nhà Minh), nói xấu nhau đủ điều. Tông Trụ lại còn lên tới nhà viên nội quan của Bắc triều ở Long Châu (Quảng Tây, Trung Quốc - ND), nhận riêng lễ vật, lại nói riêng với viên quan của Long Châu đi tiền là Lã Hôi về chuyện (Thái Quân Thực) khi đi sứ ở Ai Lao đã nói vụng Tiên đế (tức Lê Lợi - ND) nghe lời gièm pha của kẻ xấu mà giết hại nhiều người.

Hai người này đều vì tội đi sứ mà giao thiệp với người nước ngoài, tức giận mà đánh lẫn nhau, làm nhục quốc thể, đáng phải xử tử. Nhưng bởi cả hai đều từng là người có công lao, nên tùy mức độ mà xử bị đi đày.

Tông Trụ còn phạm tội đem nhiều tiền lụa sang mua hàng phương Bắc. Vua ghét Trụ làm liều, bất chấp cả lệnh cấm của triều đình, bèn tịch thu hành trang (của Tông Trụ) mà chia cho các quan".

Lời bàn : Thái Quân Thục quyết mặc cho bằng được chiếc áo có thêu kim tuyến, nhưng hoa văn lấp lánh của chiếc áo ấy nào có đủ để che nổi một tâm hồn nhỏ nhen và ngang ngược của ông. Mới hay, nhún nhường trong xử thế quả là rất khó.

Bởi nhỏ nhen và ngang ngược, đến nỗi đánh nhau ngay giữa thiên triều, hai thành viên của sứ bộ đã hóa thân thành hai kẻ vũ phu tầm thường. Sứ chếp Tông Trụ bị đánh vỡ mặt, nhưng xem ra, trước khi họ đánh nhau, hai gương mặt ấy cũng có phải là lạnh lặn đâu. Họ đem nhau đến kiện cáo ở Hồng Lô Tự nhà Minh, nhưng, thua kiện đau đớn nhất lại chính là những người không hề dính dáng gì đến vụ kiện này, đó là triều đình, là nhân dân Đại Việt. Với họ, quốc thể sao mà rề rúng đến thế ?

Họ chửi nhau rồi đánh nhau chưa đủ, còn đi bêu rếu đồng liêu và triều đình ở khắp nơi. Điều họ quan tâm chỉ là quà cáp và buôn bán kiếm lời. Hẳn nhiên là với đả ấy, đến một dịp có thể, họ sẵn sàng bán cả giang sơn này.

Triều đình xử họ phải đi đày, kẻ viễn xứ, người cận xứ. Phép nước mỗi thời một khác, chẳng ai dám bàn sự đúng sai án quyết của triều đình thời ấy, nhưng, sống thêm mà làm gì nữa, hỡi hai con người kia. Giá mà hai người biết được sử viết gì về họ, hậu thế nghĩ gì về họ.

25 - PHAN THIÊN TƯỚC VÀ Ý THỨC VỀ CHỨC PHẬN CỦA MÌNH

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 29 a-b) có đoạn chép như sau :

"Ngày 18 (tháng 9 năm Ất Mão, 1435 - ND), triều đình nghị bàn riêng về các ngạch thuế. (Triều đình định rằng), người có đất bãi trồng dâu và có ruộng cấy lúa, nếu là quân thì cấp cho 5 sào đất bãi dâu, nếu là dân thì cấp cho 4 sào để làm sản nghiệp. Tất cả được miễn thuế, trừ những người không vợ hoặc góa chồng. Phan Thiên Tước nói :

- Người không vợ và góa chồng là hạng người phải được nhà vua thương đến. Nay bệ hạ ban ân huệ cho khắp quân dân mà những hạng đó không được hưởng, thế ra họ không phải là dân của vua ư ?

Quan Đại tư đồ là Lê Sát nói :

- Quân và dân là những hạng người dốc sức làm việc, chớ bọn người không vợ hoặc góa chồng thì nhà nước được cậy nhờ gì mà phải miễn thuế cho họ. Vả chẳng, khi còn Tiên đế (tức còn Lê Lợi - ND), Tiên đế cũng chưa từng giảm nhẹ cho ai, vậy mà sao ông im lặng, chẳng nói gì, nay nhà nước đã định thành quy chế rõ ràng thì ông lại bàn cãi mãi là sao ?

(Phan Thiên) Tước trả lời :

- Khi còn Tiên đế, Tước này chưa phải là Ngôn quan, nay Tước giữ chức này thì phải nói. Mà tôi cũng chỉ nói điều hay cho nhà nước chớ có mưu lợi riêng gì cho tôi đâu.

Bấy giờ, triều đình mới cho những người không vợ hoặc góa là góa chồng được miễn thuế 3 sào".

Lời bàn : Làm những việc không thuộc chức trách của mình thì nếu không phạm thượng, ắt cũng giẫm phải chân đồng liêu mà những việc thuộc chức phận của mình tất không thể chu toàn tốt đẹp. Ở đời, những người nghiêm cẩn và mực thước, coi vậy mà chẳng có bao nhiêu. Lời Phan Thiên Tước ắt không phải chỉ là lời bàn với bà quan đương thời, mà còn là lời có ích chung cho tất cả những ai sắp bước vào hoạn lộ, cho nên sử mới ghi lại đó thôi.

Việc thuộc chức phận phải làm mà không làm, ấy là kẻ bê trễ. Đôi khi, sự chối từ lại chính là sự che đậy một cách khôn ngoan những mưu toan cơ hội. Không nói thì không mất lòng ai, sự thăng tiến dành cho những hạng người này xưa nay vẫn chiếm một tỉ lệ rất cao. Thà làm đúng chức phận để được yên lòng, không tự thẹn với lương tâm, chớ chẳng phải sự thăng tiến vinh hoa phú quý cho riêng mình mà bỏ qua điều chẳng phải, Ngôn quan Phan Thiên Tước thật đáng kính lắm thay !

Triều đình Lê Thái Tông đặt ra chức Ngôn quan chuyên lo nói lời can gián, lại chọn được người như Phan Thiên Tước để trao chức đặc biệt này, chính sự rành mạch, dân cư an vui cũng là phải lắm.

Mới hay, lo việc quốc gia đại sự chỉ mới là một phần của đại đức, tìm người xứng đáng để trao việc quốc gia đại sự mới là phần quan trọng nhất của đại đức đế vương. Ngẫm mà xem !

26 - LẠI CHUYỆN CAN NGĂN CỦA NGÔN QUAN PHAN THIÊN TƯỚC

Trong hàng quan lại của thời Lê Thái Tông, hình như phải chịu khổ tâm nhiều hơn cả vẫn là các Ngôn quan. Họ không nói tức là đã không làm hết chức phận, mà nói, nhất là nói lỗi của quan trên, rồi đặc biệt là lỗi của vua, thì có khi, chính họ cũng khó bề giữ yên thân mình. Lời nói thẳng thắn và đúng đắn của họ, cũng phải gian nan lắm mới được triều đình nghe theo. Xin kể thêm một mẩu chuyện về Ngôn quan Phan Thiên Tước để rõ điều này. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 16, tờ 20) chép rằng :

"Lê Thụ, ngay trong khi đang có quốc tang (tang vua Lê Thái Tổ, tức Lê Lợi - ND) đã lấy vợ lẽ và bắt binh lính về làm việc riêng cho mình như xây nhà và sai vặt. Thụ cất nhà đồ sộ, lại còn giao lưu với người nước ngoài để buôn bán. Bấy giờ, quan giữ việc can ngăn là Phan Thiên Tước đàn hạch các lỗi nói trên của Lê Thụ.

Khi ấy, phần nhiều các quan đại thần đều bắt binh lính làm việc riêng và xây cất nhà cửa cho mình. Vua sai Thiên Tước đi xem xét khắp nơi để xác minh hư thật. Khi Thiên Tước trở về, vua vặn hỏi :

- Các đại thần cũng làm như thế, sao khanh không nói mà chỉ đàn hạch một mình Lê Thụ mà thôi ?

Thiên Tước thưa :

- Lê Thụ là đại thần, lại từng nhận lãnh thác mệnh của tiên đế, lẽ ra phải giữ mình cho ngay thẳng để bá quan lấy đó làm gương. Nay xem những việc Lê Thụ đã làm, thấy rõ Lê Thụ coi thường phép nước đã quá lắm, cho nên, thần không dám nín tiếng im hơi. Còn như nay thần vâng mệnh đi xem xét khắp các nhà đại thần, thì thần đã làm, đâu dám lơ là chức trách ?

Thiên Tước dâng sớ kể rõ những ai làm nhà mới, chẳng hạn như quan Tham tri Đông Đạo là Lê Định cho đến các quan giữ

chức Quản lãnh, tổng cộng hơn 20 người. Tất cả đều được Nhà vua bỏ qua, chỉ giao Lê Thụ cho Pháp ti xét hỏi. Nhưng, bọn Lê Vấn và Lê Ngân đều tìm cách bào chữa, bao che cho Lê Thụ.

Sau, Nhà vua cũng tha tội cho Thụ, chỉ bắt Thụ phải bỏ người vợ lẽ và phải truy nộp 15 lạng vàng, 100 lạng bạc là số tiền do buôn bán riêng mà có".

Lời bàn : Phép nước xưa cho việc quan lại tổ chức hát xướng vui chơi hoặc giả là cưới thêm vợ lẽ trong lúc có quốc tưng là có tội. Phép nước như thế là đúng hay sai, có lẽ xin được miễn bàn, chỉ biết rằng, phép nước bao giờ cũng là phép nước, người có trách nhiệm làm gương thực hiện trước hết phải là quan.

Cổ kim cho hay, người cố tình làm sai phép nước thường rất ít ai chỉ cố tình làm trái một lần, và một khi đại thần đã cố tình làm sai phép nước thì quan lại lớn nhỏ thế nào cũng có kẻ bắt chước mà hòa theo. Hai mươi người cùng mắc tội giống như Lê Thụ, rồi Lê Vấn và Lê Ngân lại bào chữa cho Lê Thụ, chuyện ấy có gì là lạ đâu.

Vua chỉ cho xét án mỗi mình Lê Thụ, Vua lại chỉ bắt Lê Thụ bỏ người vợ lẽ mới cưới và nộp phạt ít tiền rồi tha tội cho, thế thì phép nước bị gạt bỏ trước hết bởi chính bàn tay của Vua vậy. Cội nguồn của những sự kiện bi thảm thời Lê Thái Tông bắt đầu từ đây chăng ? Khi trong thiên hạ có người được ngồi ngoài hoặc ngồi trên phép nước, thì loạn li là điều sẽ không sao mà tránh được.

27 - CUỘC XUNG ĐỘT Ý KIẾN GIỮA NGUYỄN TRÃI VỚI LƯƠNG ĐĂNG

Vua lên ngôi Hoàng đế được một thời gian, Lê Lợi đã quyết định chế nhạ nhạc riêng cho triều đại của mình. Công việc khó khăn này được giao cho quan Hành khiển là Nguyễn Trãi. Nhưng, mãi đến bốn năm sau ngày Lê Lợi mất, Nguyễn Trãi cũng chỉ mới có thể dâng cho vua Lê Thái Tông (1434 - 1442) bản vẽ của những chiếc khánh đá là một trong những nhạc cụ buộc phải có mà thôi. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 35-b và 36-a) chép :

"Hành khiển Nguyễn Trãi dâng bản vẽ những chiếc khánh đá và tâu Vua (Lê Thái Tông) rằng :

- Kể ra thì đời loạn trọng võ, thời bình trọng văn. Nay quá rất đúng là phải chế ra các loại lễ nhạc. Nhưng, (nhạc) phải có gốc mới đứng, phải có văn mới hành. Hoà bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc vậy. Thần vâng chiếu soạn nhạc, dăm đầu không đốc hết sức ra mà làm, nhưng vì học thuật thì nông cạn, chỉ sợ thanh luật chẳng được hài hòa. Cúi xin bệ hạ thương yêu và nuôi nấng muôn dân, khiến cho mọi xóm thôn không còn tiếng oán hờn buồn khổ, như thế mới giữ được gốc của nhạc.

Vua khen ngợi và tiếp nhận rồi sai thợ đá ở huyện Giáp Sơn lấy đá ở núi Kính Chủ để làm khánh".

Nhưng, ngay khi thợ đá đang làm khánh, vua Lê Thái Tông lại sai Lương Đăng cùng hợp sức với Nguyễn Trãi để chế định nhã nhạc. Ý kiến của hai người trong lĩnh vực này hoàn toàn khác nhau. Nguyễn Trãi thấy không thể dung hòa được bèn xin thôi làm công việc vốn rất phức tạp này. Cũng sách trên (từ 38 a-b và từ 39-a) viết :

"Tháng 5 (năm Đinh Tị, 1437 - ND), Hành khiển Nguyễn Trãi tâu vua rằng :

- Mới rồi, bọn thần và Lương Đăng cùng hiệu định nhã nhạc, song, cách của thần không giống với cách của Lương Đăng, nay thần xin trả lại công việc được vua sai làm.

Trước, Thái Tổ sai Nguyễn Trãi định ra quy chế về mũ áo nhưng chưa kịp thi hành. Đến đây, Lương Đăng dâng thư, đại ý nói như sau :

- Kể về lễ thì có đại triều và thường triều. Đại triều gồm có những lễ như tế trời, tế cáo ở thái miếu, ngày khánh tiết, ngày chính đán... Trong những ngày đó, Hoàng đế mặc áo cổn, đội mũ miện, ngồi ở ngai báu, còn như trăm quan thì mặc triều phục, đội mũ châu. (Tuy cũng thuộc đại triều) nhưng những ngày mồng một hoặc ngày rằm thì Hoàng đế mặc áo bào màu vàng, đội mũ xung

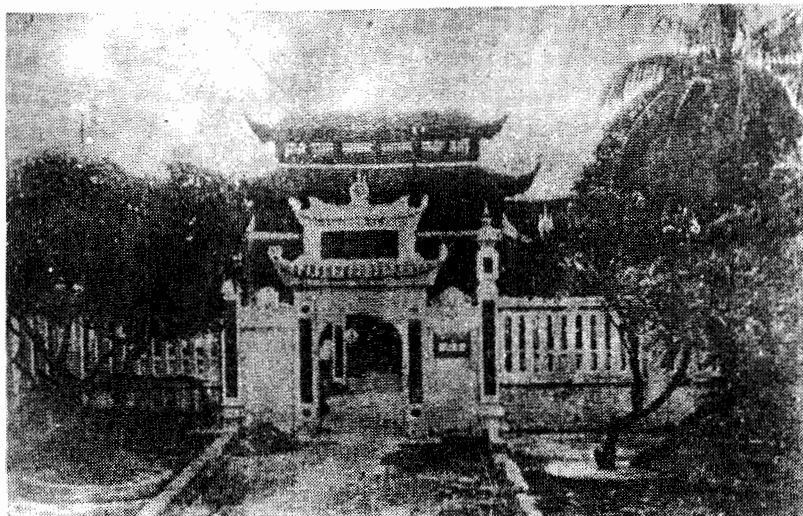
thiên, ngôi ngai báu, trăm quan cùng mặc công phục, đội mũ phước đầu, lễ thường triều gồm có những lễ còn lại. Trong những ngày đó, Hoàng đế mặc áo bào màu vàng, đội mũ Xung Thiên, ngôi sập vàng, còn như bá quan thì mặc thường phục cổ tròn, đội mũ sa đen. Về nhạc thì nhạc đại triều dùng cho tế Giao, tế Miếu, tế Ngũ Tự hoặc giả là khi cứu Mặt Trời, Mặt Trăng (khởi nhật thực và nguyệt thực). Nhạc thường triều và nhạc cử tấu dùng khi đại yến. Đại lễ, nhạc dùng trong cung mỗi lễ một khác, không thể nhất loạt như nhau. Về Lễ Bộ đại giá cũng vậy. Xe kiệu thì có đại lộ, tượng lộ, mã lộ, kiệu chín rồng và kiệu bảy rồng... nhanh chậm có khác nhau. Về nghi trượng thì có kim qua, phủ, việt, chày, phướn, tinh kì, mao tiết, chương phiến và long ngũ phượng. Số ngựa đóng vào xe và số người theo hầu cũng đều có quy định cụ thể. Nói chung là nhiều thứ, thần không thể chép ra đây hết được.

Thư ấy dâng lên, Vua lại sai Lương Đăng định ra các quy chế. Đăng vâng mệnh làm và dâng lên những quy chế về mũ, áo và nhạc. Đại lễ, quy chế của Đăng và của Trãi phần nhiều khác nhau, trọng lượng và số lượng khác nhau đã đành, cả đến cách trình bày cũng khác. Vì lẽ đó, Trãi xin thôi việc này. Vua theo lời tâu của Đăng mà làm".

Lời bàn : Với Nguyễn Trãi, đến cả nhã nhạc cũng phải hợp với lòng dân và hợp với sức dân, niềm vui của triều đình phải thực sự là niềm vui chung của trăm họ. Khi chép sự kiện này vào bộ sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 17, tờ 3) các sử gia thời Nguyễn đã có lời phê rất đúng rằng : "Lời tâu này (của Nguyễn Trãi -- ND) tuy đã nói đúng được cái gốc của nhạc nhưng nếu thi hành thì khó đấy".

Lê Thái Tông và Lương Đăng sợ khó chăng ? Dấu ấn của những năm chiến tranh gian khổ trong hai con người này đã mờ nhạt. Gấm vóc nhung lụa đã tạo cho họ một lối nghĩ khác, một cái tình cũng rất khác đối với dân. Nguyễn Trãi xin thôi việc cùng với Lương Đăng soạn nhã nhạc là phải lắm. Một khi Vua đã có ý không tin dùng nữa, bàn thêm phỏng có ích gì ?

Nguyễn Trãi không muốn bàn cãi thêm, ắt cũng muốn dành lời bàn cho hậu thế đó thôi.



Chùa Phúc Lâm (Chùa Du Hàng)

28 - VỤ ÁN LÊ SÁT

Lê Sát sinh năm nào không rõ, chỉ biết ông người Lam Sơn, từng theo Lê Lợi nổi dậy đánh đuổi quân Minh ngay từ khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn vừa mới bùng nổ. Lê Sát là người lập công lớn trong trận Quan Du (Thanh Hóa) năm 1420, trận Khả Lưu (Nghệ An) năm 1424 và đặc biệt là trận Xương Giang (Bắc Giang) năm 1427. Khi Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, ông được phong là Suy trung tán trị hiệp trung mưu quốc công thần, Nhập nội kiểm hiệu tư khấu, Bình chương quân quốc trọng sự. Đến năm 1429, khi triều đình cho khắc biển ghi tên 93 vị khai quốc công thần, tên ông được xếp ở hàng thứ hai, tước hiệu là Huyện thượng hầu. Năm 1433, Lê Sát được gia phong là Dương vũ tinh nạn công thần, chức Đại tư đồ, chịu cố mệnh của Lê Thái Tổ mà phò tá Lê Thái Tông.

Bình sinh, Lê Sát là tướng có tài, quyền đoán nhanh, nhưng là võ tướng ít chữ nghĩa, phép xử sự của ông thường thiếu tế nhị, cho nên, lắm kẻ ghen ghét ông. Có lẽ đó chính là lí do sâu xa dẫn đến vụ án Lê Sát và cái chết thê thảm của ông vào năm Đinh Tị (1437). Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11) đã có một vài đoạn chép về ông như sau :

"Bấy giờ, tuổi Vua đã tương đối lớn, đã có thể xét đoán mọi việc một cách sáng suốt, nhưng Lê Sát thì vẫn tham quyền cố vị, cho nên, Vua rất ghét Sát. Ngoài mặt, Vua vẫn tỏ ra điềm nhiên nên Sát không biết sự ghét bỏ này. Đến đây, (tháng 6 năm Đinh Tị, 1437 - ND), Vua bàn với những người hầu cận, cho rằng : thân thích với Sát chỉ có bọn Lê Ê và Lê Hiệu, còn hiểm khích với Sát thì có bọn Trịnh Khả. Bàn xong, bèn cho bọn Lê Ê và Lê Hiệu ra ngoài (cung đình, nhậm chức ở xa) và giao cấm binh cho Trịnh Khả coi giữ. Sát xin Vua cho giữ Lê Hiệu lại, tâu rằng :

- Nếu Khả được hầu trong cung thì sợ thần nguy mất.

Vua (không trả lời, lặng lẽ) trở vào cung. Ngày hôm sau, Vua sai người báo cho Đinh Cảnh An rằng :

- Đại tư đồ được ta cho thăng chức mà không nhận. Ta lại muốn dùng Lê Văn An làm Hải Tây đạo đồng Đô đốc tổng quản mà Sát lại ngăn trở.

Đinh Cảnh An, Nguyễn Vĩnh Tích bèn nhân đó mà hặc tội rằng :

- Lê Sát quen thói chuyên quyền, tội ấy khó lòng dung thứ.

Tờ tâu (của bọn Đinh Cảnh An và Nguyễn Vĩnh Tích) dâng lên, Vua trao cho hình quan xét hỏi. Sát cởi mũ, tâu Vua rằng :

- Nếu ngày nay mà thần bị khép vào tội chuyên quyền, thế thì chẳng phải tội của thần là do Tiên đế sắp đặt mà ra đó sao.

Lúc ấy, bọn Lê Văn Linh và Lê Ngân đều cố sức gỡ tội cho Sát nhưng Vua không nghe" (tờ 40-b và 41-a).

"(Vua) xuống chiếu rằng : Lê Sát chuyên quyền, nắm giữ việc nước, ghét người tài, giết Nhân Chú để ra oai, truất Trịnh Khả

để mong người phục, bãi chức của Ứ Đài hồng bịt miệng bá quan, đuổi Cẩm Hồ ra biên ải để ngăn lời Ngôn quan... Mọi việc hẳn làm đều trái với đạo làm tôi. Nay ta muốn khép hẳn vào hình luật để tỏ rõ phép nước, nhưng vì hẳn là viên cố mệnh đại thần, từng có công với xã tắc nên được đặc cách khoan thứ, nhưng phải tước bỏ hết quan chức" (tờ 41-b).

"Cho Lê Sát được tự tử ở nhà. (Vua) xuống chiếu rằng : Lê Sát nay lại ngâm nuôi bọn võ sĩ, liều chết để hại các bậc trung thần lương tướng, mưu kế thật xảo quyệt, ý định gian phi đã quá rõ, lẽ phải đem chém để rạo.

Bọn Lê Ngân và Bùi Cẩm Hồ cùng tâu rằng :

- Tội Sát đáng chết, nhưng Sát từng là đại thần, nếu đem xác đi rạo thì sợ để tiếng chê cười cho mai sau.

(Vua nghe), bèn cho được chết ở nhà. Vợ con và điền sản nhà Sát đều bị tịch thu. (Vua) sai đem đồ đạc của nhà Sát ban cho các quan" (tờ 43-a).

Lời bàn : Lê Sát một thời xông pha đánh Nam dẹp Bắc, nguy hiểm đến tận cùng mà vẫn toàn được tính mạng, lại còn lập được công to, nếu không phải là người thực tài, thật khó mà được vậy. Thế nhưng, giữa thời thái bình thịnh vượng, Lê Sát lại chết tức tưởi vì lời gièm pha, danh Lê Sát cũng có chút lỗi của ông, nhưng nếu phép nước thật công minh, có lẽ ông không phải chết như thế. Bấy giờ, ai cũng nhân danh phép nước, nhân danh chiếu chỉ của Nhà vua, có biết đâu, chính Vua cũng bị hậu cung giằng xé. Quyển binh hậu cung gần như nằm hết trong tay Nguyễn Thị Anh, các bà hoàng đều lần lượt bị bà Nguyễn Thị Anh tìm kế hãm hại. Lê Sát là thân sinh của bà Lê Thị Ngọc Dao. Nguyễn Thị Anh muốn hãm hại bà Ngọc Dao, tất trước phải hãm hại thân sinh của bà là Lê Sát. Sau này cũng vì muốn hãm hại bà Ngô Thị Ngọc Dao, bà Nguyễn Thị Anh đã tìm mưu hãm hại Nguyễn Trãi là người đã cứu mạng bà Ngô Thị Ngọc Dao đó thôi.

Hại người tất sẽ bị người hại. Sau, Nguyễn Thị Anh bị Lê Nghi Dân giết. Mới hay, cái gốc của vụ án Lê Sát lại ở ngay trong hậu cung bí hiểm này.

29 - LÊ THÁI TÔNG VỚI VIỆC THƯỜNG PHẠT QUAN LẠI

Sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục (chính biên, quyển 17, tờ 11 và 12) chép rằng :

"Trước đó, Lương Đăng tâu xin việc định ra nghi trượng của vua. Khi vua xuất hành một cách trọng thể thì dùng các loại xe lớn như xe voi, xe ngựa, kiệu chín rồng, kiệu bảy rồng, đi nhanh đi chậm có phân biệt. Vua nghe theo. Xong mọi việc, Đăng được phong làm Đô giám trung thừa.

Bùi Cẩm Hồ tâu rằng : Từ khi bệ hạ lên ngôi đến nay, nhiều việc làm của Tiên đế đã bị thay đổi. Ví như quan Lỗ bộ ti đồng giám là Lương Đăng, Tiên đế lúc đầu thấy hắn có chút chữ nghĩa nên cho làm Nội nhân phó chương, nhưng sau thấy hắn chỉ là kẻ khúm núm, lòng không ngay thẳng, nên không gán nữa mà cho ra ngoài làm ở Văn Đội, thế mà bây giờ bệ hạ lại cho hắn làm chức quan to. Xin bệ hạ nghĩ lại.

Lúc ấy, có người thợ tên là Cao Liệt tiến dâng hai chiếc mũ cỏ và nhân đó, xin được mộ dân sung vào Sở Làm mũ (Quan Tác Cục). Quan Thị ngự sử là Nguyễn Vĩnh Tích can rằng : Xưa, bậc đế vương không chuộng những vật lạ, chế tác khéo léo. Vua Thuấn chỉ mới dùng đồ sơn mà đã có đến hơn năm chục người can ngăn. Vậy, cúi xin bệ hạ hãy nghĩ đến Tiên đế, người từng có công lớn, dải nắng dầm mưa mà cũng chưa hề dùng đến loại mũ này.

Khi bãi chầu, Vua giơ cái mũ cỏ lên cho các bậc đại thần và Đài quan (quan giữ việc can ngăn, cũng như Ngự sử - ND) xem, rồi nói :

- Của này có gì đáng gọi là kì lạ mà Đài quan phải can ngăn ?

(Nguyễn) Vĩnh Tích thưa :

- Thì tôi cũng chỉ muốn cho bệ hạ còn hiền hơn cả vua Nghiêu, vua Thuấn nên mới mạnh dạn can ngăn việc sai quấy khi nó chưa kịp phát ra đó thôi.

Vua nghe xong thì làm thỉnh".

... "(Lê) Cảnh Xước ăn hối lộ hai mươi lạng bạc. Theo luật, Cảnh Xước đáng phải xử tử. Vua cho rằng Lê Cảnh Xước từng hầu việc ở tòa Kinh Diên đã lâu, nên chỉ bãi chức, cho làm thứ dân. Được hơn một tháng, Vua lại cho dùng lại làm Hàn lâm viện thị giảng, Ngự tiền học sinh cục phó".

Lời bàn : Lương Đăng là hoạn quan nên luôn được hầu cận vua. Bởi ở gần, vua Lê Thái Tổ thấy rõ Lương Đăng chỉ là tên khúm núm, lòng dạ không ngay thẳng, xảo quyệt khó lường, bèn thôi, không cho hầu cận nữa. Nhưng cũng bởi ở gần, vua Lê Thái Tông luôn được Lương Đăng tâng bốc. Vua tuổi trẻ, lấy đó làm sự đẹp lòng. Nhà vua khen thường kẻ nịnh thần là Lương Đăng nhưng thực là khen chính mình vậy.

Cái mũ cò quả đúng là chẳng có gì đáng gọi là kì lạ. Nhưng ở đời, sai trái và tội lỗi vẫn thường bắt đầu từ những thứ nhỏ như chẳng đáng gì. Nguyễn Vĩnh Tích sớm nhìn thấy cây lớn khi hạt mới nhú mầm, thật xứng với chức Đài quan, sáng suốt và ngay thẳng. Xa thì nhắc việc vua Nghiêu vua Thuấn giản dị, gần thì nhắc việc tiên đế là Lê Lợi dãi gió dầm mưa và một lòng vì nước, vì dân. Lê Thái Tông im lặng. Sử không chép thêm gì nữa, nhưng ai mà nhẹ dạ cả tin rằng Lê Thái Tông sẽ làm theo lời can ngăn của Đài quan là Nguyễn Vĩnh Tích ?

Định ra phép nước là vua. Bắt bá quan văn võ và trăm họ phải khép mình theo phép nước cũng là vua. Tiếc thay, qua vụ Lê Cảnh Xước ăn hối lộ, Nhà vua đã coi phép nước chẳng ra gì. Thay tội tử hình bằng tội bắt làm dân một tháng. Lê Cảnh Xước chưa kịp nhận ra lỗi lầm đã vội hân hoan trở lại triều đình với áo mũ xênh xang. Mới hay, giữ phép nước đâu có hay bằng lo làm đẹp lòng vua. Và, thay tội tử hình bằng tội bắt làm dân một tháng, chẳng rõ là trăm họ thuở ấy nghĩ gì về thân phận làm dân ?

30 - QUAN THAM NGHỊ LÀ NGUYỄN LIÊU BỊ THÍCH CHỮ VÀO MẶT VÀ BỊ ĐÀY VIỄN XỨ

Sau một thời gian khá dài giao cho Lương Đăng soạn thảo, đến tháng 11 năm Đinh Tị (1437), nghị trượng và nhã nhạc mới của triều đình hoàn tất. Vua Lê Thái Tông cho sao chép công trình của Lương Đăng rồi đem yết ở cửa Thừa Thiên để trăm quan

được rõ. Nhà vua cũng hạ lệnh đến ngày Vua yết Thái Miếu, triều đình phải làm lễ theo nghi thức mới. Lệnh ấy của Vua đã vấp phải sự kháng cự khá mạnh. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 47-b) chép rằng :

"Bọn quan Hành khiển là Nguyễn Trãi, quan Tham tri bạ tịch là Nguyễn Truyền, Đào Công Soạn, Nguyễn Văn Huyền và quan Tham nghị là Nguyễn Liễu cùng nhau dâng sớ nói rằng : Lễ nhạc tốt cốt ở người tài, làm như Chu Công thuở xưa mới mong khỏi bị chê trách. Nay, Nhà vua sai bọn hoạn quan là Lương Đăng định ra lễ nhạc, thế chẳng phải là nhục nhã cho xã tắc lắm sao ? Vả lại, quy chế lễ nhạc của hần, trên thì dối Vua, dưới thì lừa quan, không dựa vào đâu cả..."

Sau khi phân tích những cái sai trong phép đánh trống, đánh chuông, khánh, quy chế vào ra của vua mỗi khi chầu triều và những chỗ chưa hợp lí trong nghi trượng về xe và kiệu của vua, tờ tấu viết tiếp :

"Vả lại, Lương Đăng là tên hoạn quan, quanh quẩn chầu hầu bên cạnh Vua, chúng thần trộm lấy làm ngờ vực lắm " (tờ 48-a).

Cũng sách trên (tờ 48 a-b) viết tiếp :

"Lương Đăng tâu :

- Thần học thức kém cỏi, không biết quy chế cổ, nghi thức soạn ra chỉ dựa vào sự hiểu biết của thần mà thôi. Còn như ban hành hay không ban hành là quyền ở bệ hạ, thần đâu dám chuyên quyền.

Nguyễn Liễu tâu :

- Cổ kim chưa từng có chuyện hoạn quan phá hoại thiên hạ như thế này.

Lúc ấy, có Đinh Thắng (cũng là hoạn quan - ND) từ trong bước ra, mắng thẳng rằng :

- Hoạn quan đã làm gì mà gọi là phá hoại thiên hạ. Nếu nói phá hoại thiên hạ thì tội ấy phải chém đầu người trước.

Sau, (Vua) đành phải giao Nguyễn Liễu cho hình quan xét hỏi. Án xử (Nguyễn Liễu) phải tội chém, nhưng Nhà vua xuống lệnh chỉ bắt thích chữ vào mặt rồi đày đi xa".

Lời bàn : Lương Đăng là hoạn quan bất tài nhưng đặc chí, hẳn làm được tất cả những gì hắn muốn làm là bởi lúc nào hắn cũng được Vua tin dùng. Vua tuổi còn trẻ, chỉ thấy mình là nhất, ai khéo nịnh thì ưa, ai khảng khái can ngăn thì ghét. Có Vua ấy thì ắt có hoạn quan xảo quyết ấy, có gi là đầu.

Các bậc lương thần như Nguyễn Trãi, Nguyễn Truyen, Đào Công Soạn, Nguyễn Văn Huyền và Nguyễn Liễu, há chẳng biết rằng, lời họ nói sẽ chẳng bao giờ được Vua nghe hay sao ? Nhưng, thấy điều sai mà không nói là hèn, họ bị vua đương thời hắt hủi nhưng lại được hậu thế mãi mãi ngợi khen, thế chẳng phải tốt hay sao.

Vua giảm tội mà tha chết cho Nguyễn Liễu nhưng vẫn tiếp tục tin dùng bọn Lương Đăng và Đinh Thắng, vậy thì việc giảm tội xem ra chỉ cốt để Vua tỏ rõ quyền uy hơn là tỏ rõ sự nhân đức và ý muốn thực sự cầu thị. Tiếc thay !

31 - LÊ NGÂN BỊ BỨC TỬ

Lê Ngân người xã Đàm Di, thuộc Lam Sơn (Thanh Hóa), từng theo Lê Lợi đánh đuổi quân Minh ngay từ khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn vừa bùng nổ. Bởi có nhiều công lao, năm 1429, khi Lê Lợi định công ban thưởng và khắc biển ghi tên các bậc công thần khai quốc, tên ông được xếp vào hàng thứ tư, tước Á thượng hầu. Năm 1434, ông giữ chức Tư khấu và đến tháng 6 năm 1437, khi Lê Sát bị bãi chức, ông được phong là Đại đô đốc, Phiêu kỵ thượng tướng quân, Đặc tiến khai phủ nghi đồng tam ti, Thượng trụ quốc, Quốc thượng hầu. Cùng được hưởng ân sủng đặc biệt này còn có con gái của ông là Chiêu nghi Lê Nhật Lệ. Nhật Lệ được sách phong làm Huệ phi của vua Lê Thái Tông.

Nhưng, vui chưa được nửa năm thì tai họa đã giáng xuống gia đình ông. Tháng 11 năm 1437, ông bị thất sủng và sau đó bị bức tử bởi lời cáo giác tai hại của những kẻ ghen ghét ông. Chuyện

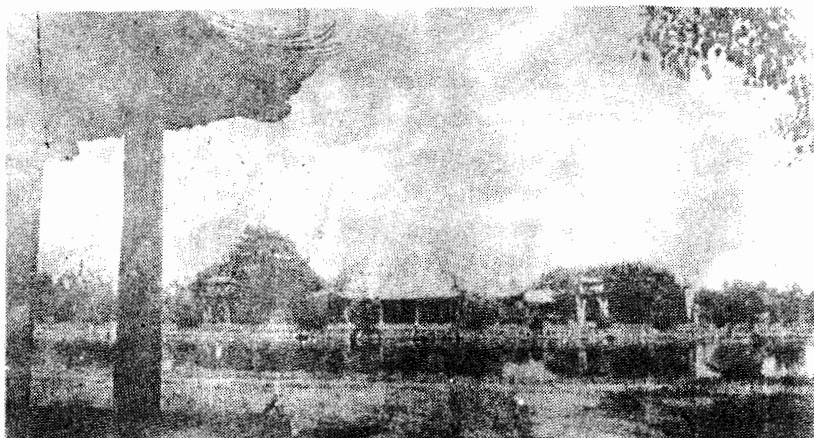
này được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 49 a-b) ghi lại như sau :

"Có người cáo giác Đại đô đốc Lê Ngán thờ phật Quan Âm trong nhà để cầu cho con gái mình là Huệ phi (tức Lê Nhật Lệ - ND) được Nhà vua thương yêu hơn. Vua bèn ngự ra cửa Đông Thành, sai bọn thái giám là Đỗ Khuyển, dẫn 50 võ sĩ tới lục soát khắp nhà của Lê Ngán. Họ bắt được ở đấy tượng Phật và các thứ vàng bạc, tơ lụa. Hôm sau, (Lê) Ngán vào chầu, cỡi mũ để xin tạ tội. Vua sai bắt bọn tôi tớ nhà (Lê) Ngán ra tra hỏi".

... "Lê Ngán lại cỡi mũ râu răng : Trước kia, thần theo nghĩa binh ở Lam Kinh (tức Lam Sơn - ND), nay đã già yếu, thầy bói nói rằng, nguyên đất thần làm nhà ở bây giờ, xưa có bàn thờ Phật, vì để ô uế, tai họa khó tránh khỏi. Bởi thế, thần lập bàn thờ Phật để thờ cúng (cho tai qua nạn khỏi). Nhưng, bởi người vợ lẽ mà thần đã bỏ là Nguyễn Thị, lại thêm người vợ lẽ khác là Trần Thị, vốn là vợ lẽ của Lê Sát (được triều đình) ban cho thần, cùng với một đứa gia nô của thần, tính khí điêu ngoa, chúng cùng nhau thêu dệt, dựng chuyện báo hại thần đó thôi. Xưa, Tiên đế biết rõ lòng thần, thường vẫn có lòng bao dung, thương mến. Nay, gân sức của thần đã kiệt, xin cho thần được về quê để sống nốt chút tuổi tàn còn lại. Còn như nếu bệ hạ nghe lời kẻ gièm pha mà tra tấn người nhà của thần thì sợ khi bị đánh đau quá, chúng sẽ khai sai sự thật. Đến lúc đó, thân thần cũng không giữ nổi, xin bệ hạ nghĩ lại cho".

Bất chấp mọi lời van xin, Nhà vua vẫn giao Lê Ngán cho hình quan xét xử. Rốt cuộc, đến tháng 12 năm 1437, Lê Ngán bị buộc phải uống thuốc độc mà tự tử ở nhà, con gái Lê Ngán là Huệ phi cũng bị giáng làm Tu dung (hàng thấp nhất của vợ vua), gia sản của ông bị tịch thu. Mười sáu năm sau (1453), nhân kì đại xá, vua Lê Nhân Tông mới cấp trả cho con ông 100 mẫu ruộng, rồi đến năm 1484, vua Lê Thánh Tông mới truy tặng ông là Thái phó hoàng quốc công.

Lời bàn : Thời ấy, triều đình coi Nho giáo là độc tôn, cho nên Phật giáo và Đạo giáo có phần bị bài xích. Giữa thời buổi ấy mà Lê Ngân lập bàn thờ Phật trong nhà, tức là đã tạo cớ cho kẻ ghen ghét mình lập mưu ám hại vậy. Nhưng, trách Lê Ngân thì được, chớ kết án Lê Ngân, buộc ông phải tự tử, tịch thu gia sản và bắt hù con ông... thì án ấy, quả đáng để cho đời đời cười chê. Lê Thái Tông trong vụ án này, xét đạo làm vua thì nóng nảy và bất minh, xét phận làm con rể thì thô bạo và bất nghĩa. Mới hay, lấy quyền làm vua mà khiến cho thiên hạ sợ thì dễ, còn như lấy đức lớn của bậc đế vương để khiến cho thiên hạ phục thì khó vô cùng.



Chùa Keo

32 - DUYÊN PHẬN BÀ DƯƠNG THỊ BÍ

Lúc mới 15, 16 tuổi đầu, vua Lê Thái Tông đã có đến năm người vợ chính thức được sách phong, đó là các bà : Dương Thị Bí, Nguyễn Thị Anh, Ngô Thị Ngọc Dao, Lê Ngọc Dao, Lê Nhật Lệ. Trong số năm bà nói trên, Dương Thị Bí là người sinh con trai sớm hơn cả. Con trai đầu của bà là hoàng tử Lê Nghi Dân, sinh tháng 6 năm 1439 và đến ngày 21 tháng 1 năm 1440 thì được phong làm Thái tử. Nhưng, chỉ một năm sau, địa vị của hai

mẹ con bà Dương Thị Bí bị sụp đổ. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 53-b và 54-a) chép rằng :

"Trước đây, Dương Thị Bí sinh con là Nghi Dân, đã được nhà vua sách phong làm Thái tử. Dương Thị Bí từ đó cậy thế mà kiêu căng, lăng loàn quá lắm. Vua vẫn cố nhịn bao dung, chỉ giáng (Dương Thị Bí) xuống hàng Chiêu nghi (hàng thấp trong thứ bậc của vợ vua) cốt cho thị sửa lỗi, nhưng Dương Thị Bí lại lấy đó làm sự hèn học, chẳng chịu kiêng nể gì nữa. Nhà vua nghĩ rằng, Dương Thị Bí đã quyết làm như vậy thì đứa con do bà đẻ ra chưa hẳn sẽ thành người khá, bèn giáng bà xuống làm thứ nhân, xong, xuống chiếu cho thiên hạ biết là ngôi Thái tử chưa định".

Sự kiện trên xảy ra vào tháng giêng năm Tân Dậu (1441) thì đến tháng 11 năm đó, Lê Nghi Dân cũng bị giáng làm Lạng Sơn Vương còn ngôi Thái tử lại thuộc về Lê Bang Cơ là Hoàng tử do bà Nguyễn Thị Anh sinh ra, lúc đó vừa mới được 6 tháng tuổi. Năm 1442, vua Lê Thái Tông đột ngột qua đời, Lê Bang Cơ được lên nối ngôi, đó là Lê Nhân Tông (1442 - 1459). Năm 1459, Lê Nghi Dân nổi loạn, giết chết Lê Nhân Tông cùng bà Thái hậu Nguyễn Thị Anh mà tự lập làm vua. Bà Dương Thị Bí sau lần bị giáng làm thứ nhân, không thấy sử chép gì thêm nữa.

Lời bàn : Người mẹ nào mà chẳng tự hào về con cái mình, nhưng, tự hào khác với kiêu căng, ngạo mạn. Lỗi bà Dương Thị Bí mắc phải tuy dễ hiểu nhưng lại khó bỏ qua.

Nỗi bức dọc của vua Lê Thái Tông tuy có chỗ có thể cảm thông, nhưng việc làm của Vua chỉ tỏ rõ sự bất lực của chính Nhà vua mà thôi. Bốn năm, ruộng bỏ bốn bà trong số năm bà vợ chính thức được sách phong, lẽ đâu Lê Thái Tông chẳng có lỗi gì trong việc này ?

Gia pháp gia phong đổ nát, sự loạn li trong hoàng tộc bắt đầu từ đây chăng ?

33 - VỤ ÁN LỆ CHI VIÊN

Tháng 7 năm Nhâm Tuất (1442) vua Lê Thái Tông đi duyệt binh ở thành Chí Linh (Hải Dương). Lúc ấy, đất nước đang hồi thái bình, Nhà vua thì đang ở độ tuổi thanh xuân sung sức, không ai nghĩ rằng đó là chuyến tuần du cuối cùng của Nhà vua, nhưng tiếc thay, sự thực lại như vậy. Vua Lê Thái Tông đã đột ngột qua đời tại Lệ Chi Viên (Gia Lương, Bắc Ninh) vào đêm mùng 4 tháng 8 (1442), khi đang trên đường trở về kinh đô, hưởng dương 19 tuổi. Sau cái chết đột ngột của Nhà vua, một vụ án lớn đã xảy ra và kết quả là cả ba họ của Nguyễn Trãi đã bị tru di một cách thảm khốc. Sử thường gọi đó là vụ án Lệ Chi Viên. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 55 a-b và tờ 56 a-b) chép như sau :

"Ngày 27 (tháng 7 năm 1442 - ND), Vua tuần du về phía Đông, đến thành Chí Linh (Hải Dương - ND) để thân duyệt quân đội. Nguyễn Trãi (lúc này đã nghỉ hưu ở Côn Sơn, Hải Dương - ND) mời Vua về ngự ở chùa Côn Sơn (tức chùa Tư Quốc cũ, do Thiên sư Pháp Loa, người đời Trần dựng lên - ND). Chùa này nằm trong làng của Nguyễn Trãi. Vua đi thuyền từ bến Đông, vào sông Thiên Đức, đến khu mộ Bạch Sư thuộc Cầu Bông, xã Đại Toán, huyện Quế Dương thì thuyền ngự không sao đi được nữa. Quan quân lấy hết sức mà kéo, thuyền vẫn nằm yên, cứ y như có người đang níu thuyền lại. Vua bèn sai Trung sứ đi hỏi khắp các vị bô lão quanh vùng, xem đất này có vị thần nào không. Các vị bô lão thưa rằng :

- Xưa, có người là Bạch Sư rất tinh thông pháp thuật. Khi mất, chôn ở bờ sông, thường rất linh hiển, người xứ này vẫn tế thần long trọng lắm.

Trung sứ hỏi :

- Tế thần bằng gì ?

Các vị bô lão trả lời :

- Tế bằng bê con.

Trung sứ về tâu vua. Vua sai đem con bê con đến tế thần, tế xong thuyền ngự mới đi được.

Tháng 8, ngày Mồng 4, vua về đến Lệ Chi Viên (tên nôm là Trại Vải - ND), thuộc huyện Gia Định (nay thuộc Gia Lương, Bắc Ninh - ND) thì bỗng bị bạo bệnh rồi mất.

Trước, Vua vẫn thích vợ của quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi, tên là Nguyễn Thị Lộ. Thị Lộ đẹp người lại có tài văn chương, Vua gọi vào cung, cho làm Lễ Nghi học sĩ, ngày đêm hầu cận. Khi đi tuần du miền Đông về, qua Lệ Chi Viên (xã Đại Lại, ven sông Thiên Đức), Vua thức suốt đêm với Nguyễn Thị Lộ rồi mất. Các quan bí mật đưa linh cữu về. Ngày mồng sáu thì đến kinh sư, vào đến cung là nửa đêm, lúc ấy mới phát tang. Ai cũng nói là Nguyễn Thị Lộ giết vua".

... "Ngày 16 (tháng 8 năm 1442 - ND), giết quan Hành khiển là Nguyễn Trãi và vợ là Nguyễn Thị Lộ, bắt tội đến ba họ. Trước kia, Nguyễn Thị Lộ ra vào cung cấm, Thái Tông trông thấy lấy làm thích, liền cợt nhả với thị. Nay, Vua đi tuần miền Đông, lại ghé nhà Nguyễn Trãi chơi rồi sau mới bị bạo bệnh mà mất, cho nên, khép Nguyễn Trãi vào tội ấy".

Chuyện này, sách, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 17, tờ 23) chép gọn hơn, nhưng lại có thêm một chi tiết cụ thể hơn về nguyên nhân cái chết đột ngột của vua Lê Thái Tông.

"Trước, vợ lẽ của Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Lộ, đẹp người, hay chữ. Vua nghe tiếng, mời đến, phong làm Lễ Nghi học sĩ, ngày đêm hầu cận, nhân đó mà cợt nhả với Nguyễn Thị Lộ. Đến đây, Vua đi tuần du phía Đông, xa giá quay về đến Lệ Chi Viên (làng Đại Lại, huyện Gia Định) thì Vua mắc chứng sốt rét. Thị Lộ vào hầu suốt đêm. Nhà vua mất. Trăm quan đều giấu kín việc này, lặng lẽ rước ngự giá về cung. Nửa đêm, vào đến cung mới phát tang. Người ta nói Thị Lộ giết vua, bèn bắt Thị Lộ".

Lời bàn : Sau chiến tranh, hàng loạt anh hùng Lam Sơn lần lượt bị tha hóa, lo vinh thân phì gia mà sao nhãng việc ích nước lợi dân, người đức độ như Nguyễn Trãi bỗng dung trở thành cái gai khó chịu trước mắt họ. Nguyễn Trãi đã cáo quan xin về trí sĩ, lùi xa chốn kinh thành hỗn tạp mà nào có được sống yên.

Vua Lê Thái Tông đã loại bỏ bốn trong số năm bà vợ, còn một bà thì đang bận con thơ, nhân đó mà cho Lê Nghi học sĩ Nguyễn Thị Lộ là người xinh đẹp "ngày đêm hầu cận", rồi sàm sỡ với Nguyễn Thị Lộ, thiết tưởng, nhân cách Nhà vua ra sao, khỏi bàn cũng rõ rồi.

Sau nhiều ngày tuần du mệt nhọc, Vua lại thức suốt đêm với một người phụ nữ bên bờ sông, nếu sốt rét không giết chết Vua, ắt cũng chẳng thiếu nguyên nhân đủ để giết Vua hoặc giả là làm cho Vua bị bại hoại. Lỗi của Vua rành rành, tiếc là triều đình lúc ấy chẳng ai dám nói đến lỗi của Vua. Mối hay, Vua vẫn được quyền hơn người ở chỗ không có lỗi gì.

Bấy giờ, ai cũng nói là Thị Lộ giết Vua, dẫu chẳng ai thấy bà làm việc thất đức tày trời đó. Sự có vẻ hợp lí này mới nguy hiểm làm sao. Ở đời, thật chẳng còn có gì vừa hài hước vừa xót xa bằng quan niệm : chân lí là điều tôi thích.

Bình sinh, tiếng nói và ngòi bút của Nguyễn Trãi có sức mạnh như hàng vạn tinh binh, biết bao thành trì kiên cố của quân xâm lăng đã sụp đổ bởi tiếng nói và ngòi bút thiên tài ấy. Vậy mà đến đây, ngọn đại bút không cứu nổi thân ông, lời tuyệt vời thuở nào không ngăn nổi tội ác của đồng liêu thiên lậu. Ôi, bị vài ba người bạn phản bội còn nguy hơn cả bị kẻ thù ba bốn mặt bao vây.

Vụ án Lệ Chi Viên là vết nhơ nhục nhã của muôn đời vậy. Triều thần bấy giờ chém được Nguyễn Trãi, tru di được tam tộc của Nguyễn Trãi, có biết đâu tên tuổi của Nguyễn Trãi lại đời đời bất diệt với non sông.

34 - LỜI TÂM CỦA QUAN THAM TRI ĐÔNG ĐẠO TRÌNH DỤC

*S*ách Đại Việt sử kí toàn thư (bản kí, quyển 11, tờ 63-b và tờ 64-a) chép rằng :

"Ở biên giới miền Đông có lời ngoa truyền rằng nhà Minh sai sứ sang để khám xét biên giới. Nghe vậy, Vua liền sai quan Đông Đạo tham tri là Trình Dục đi dò xét thực hư để về cấp báo cho triều đình. Dục đến biên giới nhưng không hề điều tra mà chỉ tin lời đồn của người đi đường, về tâu ngay là có quan của hai ti Khâm sai phương Bắc (tức Trung Quốc - ND) và quan Tổng binh trấn thủ Quảng Đông đem binh mã tới rất đông. Vua sai quan Tư khấu là Lê Khắc Phục, quan Tả hữu nạp ngôn là Nguyễn

Mộng Tuân, Nguyễn Văn Phú, quan Hữu ti thị lang là Đào Công Soạn, Quan Trung thừa là Hà Lật, cùng bọn Tây Đạo tham tri, Đồng tri là Nguyễn Thúc Huệ, Nguyễn Lan, Bùi Cẩm Hồ, Trình Dục, quan Thẩm hình viện phó sứ là Trịnh Mân, quan Nội mật viện tham tri là Lê Văn, cùng đi hội khám. Vua lại sai quan Đồng tri của phủ Hạ Nam Sách là Lê Thiệt, đem hơn một vạn hai ngàn quân, hợp với quân của các phủ ở An Bang để phòng bị biên giới. (Vua) ban tiền cho từng người theo thứ bậc khác nhau, lại còn bắt các quan ở các lộ, trấn và huyện cùng dân phu thuộc Đông Đạo phải đóng góp đầy đủ tiền, gạo, trâu, dê, gà, vịt và rượu thịt các thứ để đợi mà khao quân. Cả miền Đông náo động.

Lúc quan quân đến biên giới, nghỉ lại cả tuần rồi cả tháng mà vẫn không dò la được tin tức gì, bèn đổ hết tiền của ra mà mua hàng của người phương Bắc, kīu kịt mang về, nói thác là quan Khâm sai của nhà Minh bận việc khác nên không đến. Đài quan (cũng như quan Ngự sử, chuyên lo việc can gián - ND) là bọn Hà Lật cũng vào hùa với họ, không nói một câu nào. Triều đình cũng không ai hỏi đến tội ấy".

Lời bàn : Tin đồn thất thiệt là chuyện thường, cổ kim đông tây đều có cả. Tin đồn này có can hệ đến vận mệnh an nguy của quốc gia, triều đình sai quan đi thẩm tra là phải lắm. Chuyện sai người đi thẩm tra này xảy ra vào mùa xuân năm 1448, khi Vua vừa mới sáu tuổi, đáng khen lắm thay !

Nhưng, thấy việc và tìm người đáng tin để giao việc là hai điều khác nhau. Quan Tham tri Đông Đạo Trình Dục, quả là trên thì rẻ rúng mệnh vua, dưới thì coi thường cuộc sống an bình của trăm họ, tội thật khó mà dung tha được.

Triều đình xuất quân, binh lính và dân phu thì đổ sức, dân thì đổ của, cả một vùng náo động, hao tổn thật khó mà lường. Tiếc thay, các quan trên dưới đương thời đều háms lợi và biếng nhác, cùng vào hùa với nhau mà dối Vua một lần nữa. Sai tập thể thì có nghĩa là không sai, mĩa mai thay !

Vai các quan đã nặng gánh hàng mua từ phương Bắc, còn hơi sức đâu mà gánh vác việc triều đình. Miệng Đài quan đã ngậm của, nói làm sao được nữa mà nói.

Rốt cuộc, hứng chịu mọi tai họa vẫn là dân mà thôi !

35 - TÂM ĐỊA CỦA HÀ LẬT

Năm Mậu Thìn (1448) có đến ba sự kiện rất đáng lo ngại đã xảy ra, và cả ba sự kiện ấy đều liên quan đến chức trách của Đài quan là Hà Lật.

Sự kiện thứ nhất xảy ra vào tháng 2, khởi đầu từ một tin đồn nhảm, khiến triều đình phải lập tức sai quan Tham tri Đông Đạo là Trình Dục đi khám xét thực hư. Tiếc thay, Trình Dục làm ăn tắc trách, triều đình phải một phen mắc lõm, còn dân thì bị một trận quyên góp hao tổn nặng nề, chỉ có các quan lợi dụng việc ra biên giới để đi buôn là béo bở. Lúc ấy, Đài quan là Hà Lật cũng là một trong những kẻ trục lợi, cho nên cố bưng bít tội lỗi cho các bậc đồng liêu, không dám hặc tội bất cứ ai cả.

Sự kiện thứ hai xảy ra vào tháng ba. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 65 a-b) chép lại như sau :

"Bọn Đài quan là Hà Lật và Đồng Hành Phát, cùng hặc tấu (bọn hình quan) rằng :

- Án kiện để ứ đọng quá nhiều và quá lâu. Trách nhiệm này là của các hình quan, bọn thần không sao hiểu được.

Các quan Thẩm hình lang trung đại phu là Trình Mân, Nguyễn Văn Kiệt, Lê Bá Viễn, đều cúi đầu tạ tội. Duy có quan giám sát Ngũ hình là Trình Duy Nhất thì cứ kiêu' lời bào chữa mãi. Vua im lặng. Sau, (Vua) sai bọn Hà Lật đến Ngũ Hình Viện điều tra. Tới đó mới hay là từ năm Nhâm Tí (có lẽ nguyên bản nhầm, phải là năm Giáp Tí, tức năm 1444 - ND) đến năm Đinh Mão (tức năm 1447 - ND), còn ứ đọng đến 126 vụ. Các đại thần bàn nhau đem chia những án còn tồn đọng ấy cho các quan ở năm đạo cùng Đài quan và quan Ngũ hình xét xử gấp, không được để lâu nữa vì như thế sẽ có hại cho dân. Và chẳng, án tụng quá nhiều, sức Hình quan kham không nổi, nên thể tất mà giảm tội cho họ. (Vua hạ lệnh) biếm các quan Lang trung Nguyễn Văn Kiệt, Đại phu Lê Bá Viễn mỗi người một tư (cũng tương tự như một bậc - ND) đồng thời phạt mỗi người 50 roi. Các quan Lang trung Trình Công Đức,

Đại phu Phạm Phúc thì chỉ bị đánh 50 roi vì số vụ án để tồn đọng không nhiều lắm".

Sự kiện thứ ba xảy ra vào tháng bảy. Cũng sách trên (từ 69-b và từ 70-a) chép :

"Trước kia, (Lê) Bá Viễn xét kiện, đã có hỏi tới quan Ngự sử trung thừa là Hà Lật. Bởi Bá Viễn vặn hỏi nhiều lần nên Hà Lật để bụng thù hằn. Đến đây, (Hà) Lật bèn cóp nhặt những lời đơm đặt của bọn người bị kiện, làm thành sớ dâng vua để hỏi tội Bá Viễn, nhân thể, hặc tội bọn Phạm Phúc, Nguyễn Doãn Trung vì nhiều lần xét án đã buộc tội cho người ta quá ư hà khắc. (Hà Lật) xin cho thải hết bọn họ ra ngoài, không cho làm việc ở Pháp ti nữa.

Vua sai các quan ở khắp năm đạo xét hỏi. Bọn Bá Viễn và Phạm Phúc không giữ được bình tâm, bèn dâng sớ kể tội (Hà) Lật, đại ý nói (Hà) Lật từng là tội phạm, làm như sảng đường, lòng người không theo phục và xin được đổi chất với (Hà) Lật. Vua giữ tờ sớ lại chứ không giao cho triều đình xét hỏi, nhưng bọn (Hà) Lật vẫn biết được, lấy làm căm giận lắm. (Hà Lật) tâu Vua :

- Thần thấy từ thời Tam đại đến nay, chưa từng có chuyện kẻ bị Ngôn quan đàn hặc mà dám kiện ngược lại với Ngôn quan. Nay, bọn Bá Viễn kiện thần, thế là miệt thị tai mắt của bệ hạ. Bọn thần vì thế mà dẫu có bị bãi miễn cũng chẳng sao, chỉ sợ những người giữ chức này về sau không ai dám mở miệng nữa mà thôi.

Bọn quan Thái úy là (Trịnh) Khả và quan Tư khấu là (Lê) Khắc Phục cũng nhân đó tâu rằng, bọn Bá Viễn dám kiện Đài quan là có tội, bèn bãi chức (của bọn Bá Viễn). Vua y theo".

Lời bàn : Lần thứ nhất, Hà Lật không thể há miệng vì mãi lo ngậm của. Lần thứ hai, Hà Lật nói chẳng qua chỉ để tỏ cho mọi người hay là ông thực sự có quyền, có chức. Lần thứ ba, Hà Lật nói là để trả thù. Giữ chức ấy mà nuôi tâm địa ấy, nguy thay !

Song, Lê Bá Viễn kể cũng là người nông cạn. Lê đầu, một đời chuyên xét án, ông lại không biết được rằng kẻ dưới không được đi kiện người trên ? Búa rìu của phép nước chỉ giáng từ trên xuống, chưa từng giáng từ dưới lên, cho nên, kiện Đài quan thì có khác gì húc đầu vào đá tảng. Khi ấy, Vua mới được bảy tuổi, ông kiện quan trên bằng cách dâng sớ tâu Vua thì phỏng có ích gì ?

Hà Lật, tên gọi ấy, tâm địa ấy, hợp làm sao !



Chuong đồng

36 - HÔN LỄ CỦA VỆ QUỐC TRƯỞNG CÔNG CHÚA

Vệ Quốc Trưởng Công chúa là con gái của vua Lê Thái Tông, chị của vua Lê Nhân Tông. Vệ Quốc Trưởng Công chúa sinh năm 1439, song, đến năm 1448 vẫn bị bệnh câm, không nói được. Tuy tuổi còn nhỏ, lại bị bệnh câm, nhưng đến tháng 11 năm 1448, Vệ Quốc Trưởng Công chúa vẫn bị bắt đem gả cho Lê Quát là con trai của Lê Thụ. Hôn lễ của Vệ Quốc Trưởng Công chúa đã được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 47 a-b) chép lại như sau :

"Tháng 11, đem chị cả của Vua là Vệ Quốc Trưởng Công chúa gả xuống cho Lê Quát là con trai của quan Thái úy Lê Thụ. Bấy giờ, Công chúa mới lên mười, mắc chứng câm không nói được. Vua xuống chiếu giao cho quan Tư khấu là Trịnh Khắc Phục làm chủ hôn. Khi ấy, Lê Thụ lo sắm lễ cưới, những kẻ ưa cầu cạnh hay tin liền tranh nhau đem nạm của cải để mong được hưởng phú quý. Gấm thêu, linh, là, vóc, lụa... đang bày bán ngoài phố đều bị chúng tranh mua hết cả. Lê Thụ còn bắt quan lại ở khắp các trấn, lộ, phải sắm đủ trâu, bò và các thứ lễ vật khác. Các quan địa phương cũng muốn lấy lòng Lê Thụ nên bắt quân lính và nhân dân đóng góp rất nhiều. Đài quan lúc ấy là (Đồng) Hanh Phát (dâng sớ) tâu hặc. Lê Thụ cời mũ để tạ tội, nhưng lệnh (của Lê Thụ) đã trót gởi đi khắp nơi rồi, nên các quan địa phương vẫn đưa lễ vật tới nhà Lê Thụ. Lê Thụ không từ chối mà (Đồng) Hanh Phát cũng không nói đến nữa. Sau đó, Hanh Phát cũng mang lễ vật đến nhà Lê Thụ lạy tạ. Kẻ thức giả đều lấy đó mà chê bai".

Lời bàn : Con gái thứ dân mà mắc bệnh câm thì ôm phận cô đơn suốt đời là điều không sao tránh khỏi, nhưng là Công chúa, số phận của Vệ Quốc khác hẳn : Chẳng những làm dâu quan Thái úy mà còn làm dâu ngay khi mới lên mười !

Thái úy Lê Thụ chắc chẳng mong con mình lấy vợ câm, con trai của Lê Thụ là Lê Quát chắc càng không mong hơn nữa. Nhưng, cơ may vợ vét của cải khắp thiên hạ bỗng dung mà đến, kẻ tham lam như Lê Thụ chẳng thể bỏ qua. Kẻ xu nịnh

cũng đang không mà có cơ may để hồi lộ Lê Thu, Đài quan là Đồng Hành Phát hặc tội Lê Thu, rồi sau đó cũng chính ông tự mình đem lễ vật đến mà tạ tạ Lê Thu. Ông được yên thân nhất thời, song, việc làm ấy mới mĩa mai làm sao. Khi sống, gió chiều nào người ta có thể che chiều ấy, nhưng khi chết, bão táp của miệng thế muôn đời, con cháu họ biết lấy gì để che ?

37 - THAM TRI TÂY ĐẠO BÙI THÌ HANH VÀ TRUNG LỘ AN PHỦ SỨ BẠCH KHUÊ BỊ BÃI CHỨC

Ngày 1 tháng 5 năm Giáp Dần (1434), khi còn giữ chức Thái sử, Bùi Thì Hanh đã cả gan bịa chuyện tình khí con vượt đên ăn Mặt Trời, khiến thiên hạ phải một phen cung đốn và cúng tế vất vả. Thế nhưng, nhờ tài lươn lẹo, sau, Bùi Thì Hanh đã được thăng tới chức Môn hạ sảnh hữu ti lang trung, kiêm Tham tri Tây Đạo. Nhưng, đến tháng 8 năm Mậu Thìn (1448) bị quan Giám sát ngự sử là Đồng Hành Phát hặc tội và bị bãi chức. Chuyện này được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 71 a-b) chép lại như sau :

"Thì Hanh tâu càn rằng đến ngày 16, vào giờ Mão (tức từ 5 đến 7 giờ sáng - ND) của tháng ấy (tháng 8 - ND) sẽ có nguyệt thực. Vua ra lệnh cho hết thảy các quan đến cửa Thừa Thiên để lo cứu trăng, nhưng hôm ấy không có nguyệt thực. Quan Giám sát ngự sử là Đồng Hành Phát liền hặc tội ấy, nhưng Thì Hanh không chút tỏ vẻ lo sợ, lại còn nói riêng với người nhà rằng :

- Giỏi lắm thì cũng chỉ đến phạt tiền là cùng chứ gì. Xua, già đời kinh nghiệm như Mai Trung Thừa mà còn chịu, không sao làm lay chuyển nổi ta, thì nay, bọn Hanh Phát mà ăn thua gì.

Hôm sau, Thì Hanh vẫn thản nhiên lên điện coi sổ sách, Hanh Phát liền tâu Vua :

- Những kẻ làm chức Ngôn quan như thần thì mọi điều hay dở của triều đình, phép dùng người đúng sai ra sao, tất tất đều phải nói rõ. Bởi lẽ ấy mà người xưa từng nói : "Lời động tới xe ngựa thì Thiên tử phải đổi sắc mặt, lời động tới miếu đường thì Tể tướng phải nghiêm chờ xét tội". Nay, Thì Hanh đã không chịu tội lại còn diễm nhiên như không, vậy là vừa coi khinh thần, vừa coi khinh phép nước. Xưa, Phó Dịch và Lý Thuần Phong của nhà Đường, rất tinh thông thuật số, lại giỏi về thiên văn, người bấy giờ đều nói là cả thiên hạ không ai sánh kịp, nhưng cả hai người cũng chỉ làm đến chức Thái sử lệnh mà thôi. Bấy giờ đây, như Thì Hanh thì tài nghệ còn thua kém bọn Thuần Phong tới ngàn lần, vậy mà được làm tới chức Môn hạ sảnh hữu ti lang trung, kiêm Tham tri Tây Đạo, thật là không sao hiểu được. Ấy là chưa kể, Thì Hanh vốn có tâm địa tiểu nhân và gian tà. Thời Lê Thái Tổ, hấn dám chiết tự càn về hai chữ Thuận Thiên (niên hiệu của Lê Thái Tổ - ND). Thời Lê Thái Tông, hấn lại cậy tà thuật, ngầm bàn việc sai người giết vượn lấy máu để trấn yểm, tránh tai dị của trời. Khi bệ hạ đang có tang mà bỗng có thiên tai, Thì Hanh bịa chuyện âm dương xung khắc, dám láo lếu nói rằng, trăm sự đều bởi đang có quốc tang, tâu càn xin giảm bớt ngày tang để trừ thiên tai. Xét những việc hấn làm, tất cả đều là lừa dối. Nếu cứ vậy, thần sợ thiên hạ đời sau sẽ cười triều đình dùng bọn âm dương gia làm Tham tri, bọn thầy bói làm An phủ sứ, mà việc này thì chỉ bắt đầu từ bệ hạ chứ trước kia chưa từng có bao giờ.

Vua nghe xong, lập tức bãi chức Môn hạ hữu ti lang trung tham tri Tây Đạo của Bùi Thì Hanh. Quan Trung lộ an phủ sứ của Sứ ti Quốc Oai là Bạch Khuê nghe tin ấy cũng lo sợ mà xin từ chức. Xưa, bọn Thái sử Thì Hanh và Thái chức Bạch Khuê đều cậy có phép thuật, ra vào các nhà đại thần, khéo giở trò ton hót nịnh bợ, được các đại thần cho gần gũi, khen là người có tài, nhân đó, bọn Thì Hanh mới xin cho được làm chức Môn hạ hữu ti lang trung tham tri Tây Đạo, và bọn Bạch Khuê mới xin là chức Trung lộ an phủ sứ của Sứ ti ở Quốc Oai. Các đại thần đứng ra bảo lãnh cho chúng, nhưng, những ai là người hiền tài thì đều lấy làm xấu

hổ vì phải đứng ngang hàng với chúng. Có người đề chữ ở Cầu Kênh, phía ngoài cửa Đông rằng :

*Thiên địa bĩ,
Lộ. An Phủ.
Nhật nguyệt khuy
Đạo. Tham Tri.*

(Nghĩa là : Trời đất vào vận hội xấu nên các lộ mới có loại An phủ sứ ấy - Ý chỉ Bạch Khuê. Mặt Trời, Mặt Trăng đều đã thiếu hết rồi hay sao mà các đạo lại có loại quan Tham tri đó - Ý chỉ Bùi Thì Hanh - ND).

Châm biếm mai mỉa đến như thế đấy. Đến đây, cả Thì Hanh lẫn Bạch Khuê đều bị bãi chức, ai cũng lấy đó là vui mừng".

Lời bàn : Hành trạng của Bùi Thì Hanh và Bạch Khuê thế nào, có lẽ khỏi cần bàn cũng đã rõ. Điều đáng suy gẫm nhất là ở chỗ, cổ kim đông tây, sao mà lắm kẻ nhầm lẫn giữa nịnh hót với trung nghĩa, giữa xảo thuật vật với hiền tài. Bọn Thì Hanh và Bạch Khuê kể cũng như con kiến, con sâu, khôn ranh cơ mình chui qua kẽ hở để đục khoét.

Quan Giám sát ngự sử đã nói lời cương trực, kính thay. Vua và các quan trong triều lúc ấy cũng biết trọng lời cương trực, quý thay !

38 - LẠI CHUYỆN BÙI THÌ HANH

Tháng 8 năm Mậu Thìn (1448) bởi bị quan Giám sát ngự sử là Đồng Hanh Phát hặc tội mà Bùi Thì Hanh cùng với Bạch Khuê đều bị bãi chức. Đường danh vọng của Bùi Thì Hanh tưởng đến đó là dứt, nào ngờ, mùa hè năm sau (Kỉ Tị, 1449), Bùi Thì Hanh lại được cất nhắc giữ chức vụ còn cao hơn trước, dù Giám quan là Đồng Hanh Phát hết lời can ngăn. Cùng được hưởng ân huệ đặc biệt này với Bùi Thì Hanh, còn có Nguyễn Thúc Huệ. Bùi Thì Hanh được trao chức Tham nghị chính sự, còn Nguyễn Thúc

Huệ được trao chức Môn hạ hữu nạp ngôn. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 11, tờ 82 a-b) chép :

"Gián quan Đồng Hanh Phát hặc tội Thúc Huệ như sau :

- Chức vụ quan trọng nhất của triều đình chỉ có Tế tướng và Hành khiển mà thôi. Nay, Thúc Huệ vốn đứa tiểu lại, chuyên dùng chính lệnh hà khắc. Xưa, khi làm quan ở Bắc Đạo thì dân nơi đó, hai người mặc chung một cái quần. Khi hấn vâng mệnh đi sứ nước ngoài thì dùng mưu kế xảo quyệt để mong thoát tội. Người nước ngoài vẫn nói hấn là đồ quý làm nhục cho xã tắc. Vậy, dùng hấn để làm gì ?

(Đồng Hanh Phát) lại hặc tội Bùi Thì Hanh rằng :

- Thì Hanh dùng tà thuật dối vua, xui vua rút ngày để tang, làm cho bệ hạ mang tội thất hiếu với tổ tiên. Vả chăng, việc để tang ba năm thì thời tiên đế cũng đã từng có. Trước đây, thần hặc tội Thì Hanh, khiến hấn bị bãi chức Tham tri Tây Đạo, thế mà nay lại cho hấn được thăng tới chức Chính sự tham nghị. Xét chữ, *chính* cũng có nghĩa là chính đáng, nếu thân mình đã không chính đáng thì việc làm sao có thể chính đáng được. Thần nghe nói hào *Lục Tam* trong quẻ *Giải* , nguyên văn là *Phụ thả thừa , tri khấu chi* , có nghĩa là : kẻ tiểu nhân mang tội lại leo lên xe ngổi thì ắt giặc dã sẽ tới. Hào này hấn đúng với bọn Thúc Huệ và Thì Hanh chẳng ?

Thái hậu nghe vậy liền hỏi Tế tướng :

- Gián quan hặc tội như vậy, ta nên tính sao ?

Bọn Lê Khả tâu :

- Dùng người chẳng nên cầu toàn. Bọn thần đã khảo khắp những người đương chức cùng hết thầy thân thích cố cựu, nhưng không tìm được ai. Bọn thần thấy Thúc Huệ có thể đảm được việc. Còn bọn mới lên thì thần chưa rõ ai hay ai dở thế nào, không sao cất nhắc nổi.

Thái hậu bèn theo lời (bọn Lê Khả)".

Lời bàn : Khổng Tử nói : "Hà chính mãnh ư hổ", nghĩa là, chính sự hà khắc thì còn ghê gớm hơn cả cọp. Thúc Huệ nhận mệnh Vua đi chân dân mà để dân cả một đạo phải hai người mặc chung một quần, ấy cũng là thứ "Hà chính mãnh ư hổ" vậy. Cộng với tội đi sứ mà làm nhục quốc thể, Thúc Huệ bị đàn hặc ngay giữa triều đình cũng đáng lắm.

Bùi Thi Hanh chứng nào vẫn tật ấy. Bao nhiêu lần sử chép về Bùi Thi Hanh là bấy nhiêu lần thấy Bùi Thi Hanh gian tà, mượn xảo thuật để làm điều bất chính, vậy mà hắn vẫn được tái dụng, sợ thay !

Tuy nhiên, câu của Lê Khả trả lời Thái hậu có lẽ còn đáng sợ hơn. Đành là nhân vô thập toàn, song, chẳng phải vì thế mà dùng bọn bất nhân thất đức.

Mối hay, đặt chức Giám quan mà không nghiêm cẩn suy xét lời của Giám quan, thì Giám quan chẳng qua cũng chỉ là chức trang điểm cho triều đình mà thôi.

39 - NGƯỜI Ở TRÊN PHÉP NƯỚC

Sách Đại Việt sử kí toàn thư (bản kỉ, quyển 11, tờ 85-b) chép :

"Con trai của Đại đô đốc Lê Khuyển, tên là Lê Quán Chi, đang đêm tụ tập phá phách rồi đánh chết người ở giữa chợ. Việc bị phát giác, Quán Chi bị tống giam vào ngục. Khi bị giam, Quán Chi cung khai tội lỗi, bị can liên hệ đến hơn một chục người, trong đó có con cái của Nội quan và nhiều quan chức khác. Án xét sắp xong rồi nhưng Thái hậu thấy Khuyển cũng là bậc đại thần, chỉ huy cấm binh, mà cấm binh là chỗ dựa tin cậy của Vua, cho nên sợ rằng, nếu giết con trai của Khuyển, Khuyển sẽ đau lòng (khó tin cậy được nữa). Bà liền làm trái phép nước, tha tội chết cho hắn, chỉ lấy tiền bồi thường cho kẻ bị giết thôi.

Giám quan lúc ấy là Lê Lâm im lặng không dám hé miệng nói lời nào. Trẻ con ở chợ nắm tay nhau hát rằng : Ta tiếc không được làm Đai quan thôi !"

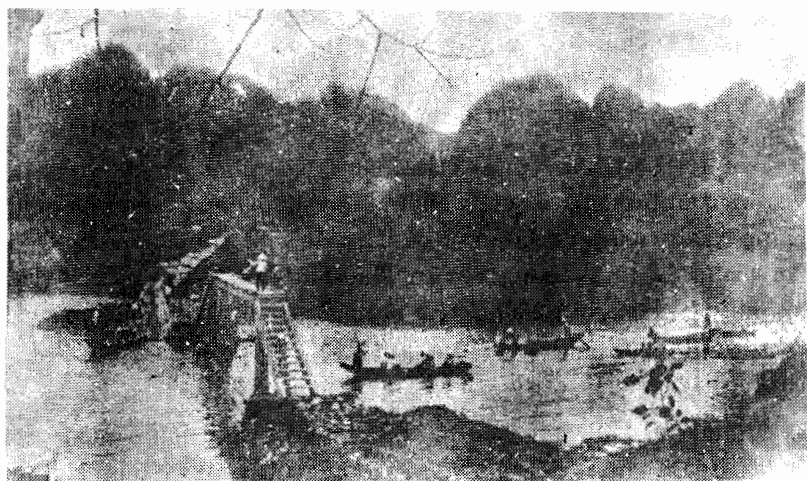
Lời bàn : Chuyện này xảy ra vào tháng 11 năm 1449. Năm này, vua Lê Nhân Tông mới được 8 tuổi, quyền hành trong nước thuộc về bà Thái hậu Nguyễn Thị Anh. Thái hậu là ngôi tôn quý, nhưng dẫu tôn quý đến bao nhiêu thì ngôi ấy cũng nằm

trong phép nước mà thôi. Ở đây, Thái hậu đã tự đặt ngôi tôn quý của mình ở trên phép nước. Người đương thời thì sợ mà không phục, còn hậu thế thì chẳng sợ, chẳng phục, lại còn nghiêm phê.

Khi ở trên phép nước thì dễ đạp lên phép nước. Việc Thái hậu tha chết cho Lê Quán Chi chẳng khác gì việc Thái hậu thô bạo đạp chân lên phép nước tôn nghiêm vậy.

Gián quan Lê Lâm lo giữ thân hơn lo giữ phép nước nên mới im lặng không dám hé nửa lời, để trẻ con ngoài chợ hát chế giễu, nhục thay !

Hóa ra ở thời này, *được làm* và *làm được* việc quan, khác nhau xa lắm. Xem kĩ mới biết, trong nhiều kẻ *được làm* nào đã có mấy kẻ *làm được* đâu.



Cầu Hội (Chùa Hương)

40 - CHUYỆN TRỊNH KHẢ

Trịnh Khả (1403 - 1451), người xã Sóc Sơn, huyện Vĩnh Ninh, nay là huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa, sau vì có công, ông được mang quốc tính nhà Lê, sử vì thế vẫn thường chép là Lê Khả. Tổ tiên của Trịnh Khả từng có người làm quan dưới thời

Trần, sang thời Hồ, thân sinh của Trịnh Khả là Trịnh Quyện làm Chánh tổng. Sách *Đại Việt thông sử* (trang 207) chép rằng :

"Ông 16 tuổi, đi cày ruộng chăn trâu, ngồi nghỉ ở cổng chùa trên núi. Có viên tướng nhà Minh từ thành Tây Đô đến, thấy vẻ mặt ông thì ưa, bèn dẫn về nuôi làm nô, ít lâu sau, y xem tướng bảo rằng "Đứa bé này hình rồng mắt hổ, khỏe nhất ba quân, ngày sau tất cầm cờ mao tiết". Chợt lại bảo ông : "Ngày sau đuổi chúng ta tất là mày ! Phải giết ngay đi, nếu không sẽ lo ngại về sau".

Trịnh Khả trốn được, sau, ông từng có mặt trong hội thề Lũng Nhai, và trở thành một trong những vị tướng của Lam Sơn, từng lập được nhiều công lao lớn. Năm 1428, ông được Lê Lợi (lúc ấy là vua Lê Thái Tổ), phong hàm Kim tử vinh lộc đại phu, Tả lán hổ vệ tướng quân, tước Liệt hầu, có tên trong bảng khắc ghi danh sách 93 vị công thần khai quốc.

Đầu đời Lê Nhân Tông, Trịnh Khả được phong hàm Nhập nội suy trung tán lí dương vũ công thần, kiêm Lỗi Giang trấn phủ quân, Thượng tướng quân, cai quản việc quân các vệ ở Tây Đạo, tước Quận thượng hầu. Lúc này, cùng với Lê Thụ, ông là bậc tể phụ của triều đình, nhưng khác với Lê Thụ, ông là người thẳng thắn, biết tự nhận lỗi của mình. Sinh thời, ông rất ghét bọn tham quan ô lại và bọn xu nịnh. Sách *Đại Việt thông sử* (trang 212 - 213) viết :

"Viên Chủ bạ Nam Đạo là Đàm Thảo Lự ẩn lậu 4 quan tiền thuế, theo luật không đến nỗi xử tử, nhưng y đã từng vu hãm Nguyễn Thiên Tích nên ông ghét lắm, bèn quyết định ghép vào tội chết. Viên Chuyển vận phó sứ huyện Văn Bàn là Trương Tông Ký ăn hối lộ, việc phát giác (án làm xong sắp đem chém), tả hữu xin tha, ông nói : "Ăn trộm của một nhà còn không tha được huống hồ ăn trộm của một huyện sao". Lại giao xuống tra xét, xử tội (chết). Các quan liêu thời bấy giờ, không ai không run sợ. Ông cứ theo lí làm hết chức trách, trong khoảng vài năm, trong nước yên ổn".

Lúc Lê Nhân Tông còn nhỏ, ông rất sợ Nhà vua bị tập nhiễm thói hư, nên lúc nào cũng nghiêm cẩn trong việc chăm sóc Vua. Cũng sách trên (trang 212) chép rằng :

"Một hôm ông thoái chầu, thấy có đám đông tụ tập ở trước công đường, trong đó có người mang cái lưôi sẵn, ông vội bảo phải cất ngay đi, không được để Nhà vua trông thấy, sẽ khơi mào ra cái tính ham chơi sẵn sẵn của Vua sau này. Ông phòng xa ngăn trước cẩn thận đến như thế đấy".

Thế nhưng, bậc đại thần này lại bị kẻ ghen ghét gièm pha, khiến Thái hậu Nguyễn Thị Anh cả tin mà nổi giận, giết ông cùng với con trai ông là Trịnh Bá Quát vào tháng 7 năm 1451. Hai năm sau, ông được minh oan, nhưng mọi sự lúc ấy đã quá muộn rồi.

Lời bàn : Thời chinh chiến, Trịnh Khả là bậc dũng tướng có tài, từng lập nhiều công lao. Có sự thành công của cuộc đại định, ấy cũng bởi có những người trung kiên bất khuất như Trịnh Khả, cho nên, xếp ông vào bậc công thần khai quốc là phải lắm.

Lúc thái bình, Trịnh Khả biết tự sửa lỗi, lại dốc lòng lo phò tá vua còn bé thơ, ấy cũng có thể gọi là bậc lương thần. Tiếc thay, bậc lương đồng tài năng và có chí cả ấy không chết khi xông pha trận mạc nguy hiểm mà lại chết vì lời gièm pha của đồng liêu. Đất bằng nổi sóng là đây chẳng ?

Ôi ! cứu đại họa xâm lăng cho nước nhà thì chỉ có những bậc anh hùng cái thế mới làm được, những tướng anh hùng là bất tử, dè dặt, anh hùng lại bị chết chỉ vì câu gièm pha đê tiện của kẻ tiểu nhân thấp hèn, tung ra đúng nơi và đúng lúc. Đáng suy gẫm lắm thay !

41 - LOẠN LÊ NGHI DÂN

Lê Nghi Dân là con trưởng của vua Lê Thái Tông, do bà Dương Thị Bí sinh ra vào tháng 6 năm 1439. Đến tháng 3 năm 1440, Lê Nghi Dân được lập làm Hoàng thái tử. Lúc ấy, bà Dương Thị Bí được Nhà vua đặc biệt yêu quý nên sinh ra kiêu căng, bởi vậy, ai cũng ghét bà. Nhà vua thấy bà xử sự như vậy cũng không ưa, liền giáng bà làm Minh nghi (hàng thấp của vợ vua). Bà không sửa lỗi lại còn oán vua ra mặt. Vua Lê Thái Tông giận, cho rằng tính khí người mẹ như vậy thì con bà đẻ ra chưa chắc đã là người

hiền, bèn giáng bà làm thứ nhân, lại còn xuống chiếu cho khắp thiên hạ biết rằng, ngôi Thái tử vẫn chưa định. Con bà là Lê Nghi Dân bị truất làm Lạng Sơn Vương.

Ngày 9 tháng 6 năm Tân Dậu (1441), bà Tuyên Từ Hoàng hậu là Nguyễn Thị Anh sinh hạ Hoàng tử Bang Cơ. Chẳng bao lâu sau, Bang Cơ được lập làm Thái tử. Ngày 4 tháng 8 năm Nhâm Tuất (1442) vua Lê Thái Tông đột ngột qua đời. Ngày 12 tháng 8 năm đó, Lê Bang Cơ được tôn lên ngôi vua, đó là vua Lê Nhân Tông. Ngôi vị thứ bậc của hoàng tộc đến đó kể như đã định đoạt xong. Nhưng, Lê Nghi Dân vẫn ngầm nuôi ý khác.

Ở ngoài, Lê Nghi Dân đã tập hợp được hơn một trăm thủ hạ thân tín, ở trong, Lê Nghi Dân lại có thêm viên chỉ huy vệ binh là Lê Đắc Ninh cùng với bọn Phạm Đôn, Phạm Ban và Trần Lăng làm nội ứng, cho nên, đêm ngày 3 tháng 10 năm 1459, Lê Nghi Dân quyết định khởi sự thí vua. Đêm ấy, Lê Nghi Dân cùng bộ hạ bắc thang treo tường và lên vào giết chết Nhà vua. Hôm sau, Lê Nghi Dân lại giết bà Tuyên Từ Thái hậu và một số người khác, rồi tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Thiên Hưng.

Bây giờ, các bậc đại thần như Đỗ Bí, Lê Ê, Lê Ngang, Lê Thu... đều cảm tức, bí mật bàn chuyện lật đổ Lê Nghi Dân, nhưng chẳng may mưu ấy bị lộ, họ đều bị Lê Nghi Dân giết chết. Bọn gian trá, xu nịnh được dịp tung hoành.

Ngày 6 tháng 6 năm 1460, các bậc đại thần khác là Nguyễn Xí, Lê Lăng, Đinh Liệt, Lê Niệm, Lê Nhân Thuận, Lê Nhân Quý... cùng nhiều tướng lĩnh và quan lại khác đã đồng lòng giết được Lê Nghi Dân và bọn tông phạm. Loạn Lê Nghi Dân đến đó là dứt. Triều thần đón Hoàng tử Lê Tư Thành (con của vua Lê Thái Tông do bà Ngô Thị Ngọc Dao sinh ra) lên ngôi. Đó là vua Lê Thánh Tông.

Lời bàn : Lời xét đoán của Lê Thái Tông lúc sinh thời đối với bà Dương Thị Bí và con là Lê Nghi Dân, thoạt nghe có vẻ như vừa vu vợ, vừa khe khát. Nhưng, nếu xét kĩ hành trạng của Lê Nghi Dân sau này thì rõ là Lê Thái Tông cũng có cái đúng

của ông. Hậu thế có quyền trách Lê Thái Tông khi ông thoái thác trách nhiệm của mình đối với con là Lê Nghi Dân, đối với vợ là bà Dương Thị Bí, song, hậu thế cũng chẳng thể vì thế mà tha thứ hành vi của Lê Nghi Dân. Giết vua là mang trọng tội với nước, giết em ruột và giết người nói chung là mang tội ác không thể dung tha, dùng bọn gian xảo và xu nịnh là chà đạp lương tâm của bậc trung nghĩa, sống mà như vậy, độn thổ còn chưa hết nhục, lẽ đâu lại dám cả gan ngồi lên ngai vàng ?

Kẻ độc ác và tâm thường, khi sống thì chỉ biết tuân theo sở thích riêng của mình, biết đâu, cái chết luôn rình rập bên chúng, và khi chúng chết rồi, miệng thế muôn đời vẫn lên tiếng nghiêm phê. Sợ thay !

42 - NGUYỄN SƯ HỒI VỚI BÀI THƠ VIẾT THEO LỐI CHIẾT TỰ

*S*ách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 12, tờ 9-b và tờ 10-a) cho biết, tháng 3 năm Nhâm Ngọ (1462), bởi căm tức một số đại thần của triều đình, Nguyễn Sư Hồi đã làm một bài thơ viết theo lối chiết tự, đem vất ra đường, khiến cho người ta đọc rồi truyền đến tai vua. Bài thơ ấy, nguyên văn (phiên âm) như sau :

*Nhân hữu nhị tâm ưu khả nghi,
Tự lai chung cánh hiếu vi phi,
Thổ biên hữu hoặc chân hung bạo,
Thủy tại tây bàng xã tắc nguy.*

Dịch nghĩa :

Câu 1 : Chữ *nhân*, ghép với chữ *nhị* và chữ *tâm* (nhân hữu nhị tâm) là chữ Niệm, chỉ Lê Niệm. *Vưu khả nghi* nghĩa là đáng ngờ lắm. Cả câu nói Lê Niệm là người rất đáng ngờ.

Câu 2 : Giống như chữ *lai* (*tự lai*) tức chữ *lỗi*, chỉ Nguyễn Lỗi. *Chung cánh hiếu vi phi* nghĩa là rút cuộc chỉ thích làm điều phi pháp. Cả câu nói Nguyễn Lỗi cuối cùng chỉ thích làm điều phi pháp.

Câu 3 : Bên cạnh chữ *thổ* (*thổ biên*) có chữ *hoặc* (*hữu hoặc*), tức là chữ *vực*, chỉ Lê Thọ Vực. *Chân hung bạo* nghĩa là thật hung bạo. Cả câu nói Lê Thọ Vực thật là hung bạo.

Câu 4 : Chữ *thủy* sát với chữ *tây* (*thủy tại tây bàng*) tức chữ *Sái*, chỉ Trịnh Văn Sái. *Xã tắc nguy* nghĩa là đất nước lâm nguy. Cả câu nói Trịnh Văn Sái làm cho xã tắc nguy nan.

Triều đình, mà nhất là các bậc đại thần có tên trong bài thơ rất lấy làm căm tức. Sư Hôi không kí tên dưới bài thơ, nhưng chẳng rõ nhờ đâu, mọi người đều biết rằng đấy là thơ của Sư Hôi. Vì lẽ đó, triều đình đem Nguyễn Sư Hôi ra xét xử, khép ông vào tội tử hình. Án ấy dâng lên, vua Lê Thánh Tông phê rằng : "Sư Hôi vì có công trung hưng, đã thế, cha hấn là Nguyễn Xí lại có công lớn hồi khai quốc, cho nên tha tội chết".

Duyệt án xong, Nhà vua vẫn sợ bọn Lê Niệm, Nguyễn Lỗi, Lê Thọ Vực và Trịnh Văn Sái trả thù Nguyễn Sư Hôi, bèn dụ bảo họ rằng :

"Bài thơ yêu ma đó chưa chắc đã do Sư Hôi làm. Trong chỗ còn ngờ, dễ làm cho người hàm oan lắm. Vả chẳng, những câu kể tội Lê Niệm, Nguyễn Lỗi, Trịnh Văn Sái thì còn tạm cho là rõ, chứ như câu nói Thọ Vực hung bạo thì mơ hồ lắm. Đó chưa phải là tội phản nghịch thì bắt Sư Hôi phải chết làm sao được ? Còn như nếu hấn quả đáng tội chết mà chưa bị giết thì trời sẽ hại nó, sao lại manh tâm báo thù nó làm gì ?".

Lời bàn : Ai cũng khẳng định bài thơ nặc danh kia thực ra là do Sư Hôi làm, riêng vua Lê Thánh Tông thì vẫn còn hơi ngờ vực. Giết người khi tội trạng hãy còn ngờ, dù chỉ hơi ngờ, là điều khó dung tha được. Sự nghiêm cẩn của Lê Thánh Tông thật đáng kính. Lời dụ bảo của Nhà vua chứng tỏ Nhà vua luôn coi trọng chứng lí, bình tâm gạt bỏ mọi thù hằn cá nhân, các bậc đại thần không cúi đầu vâng mệnh làm sao được.

Tác giả của bài thơ chiết tự thật đáng chê trách. Đường đường là quan lại của triều đình, lẽ đâu lại bạc nhược đến độ không dám nói điều phải quấy của đồng liêu ? Hóa ra, vì thiếu dũng khí nên định nhờ lời đàm tiếu của thiên hạ, vì tâm địa khó lường nên chơi trò ném đá giấu tay, chữ nghĩa đủ để làm bài thơ chiết tự phức tạp mà khôn ngoan không đủ để phát biểu đúng suy nghĩ riêng của mình, thương hại thay !

43 - THƯỢNG THƯ NGUYỄN NHƯ ĐỔ BỊ KHIỂN TRÁCH

Nguyễn Như Đổ người làng Đại Lan, huyện Thanh Đàm, nay là huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Năm Nhâm Tuất (1442) ông đỗ Tiến sĩ cập đệ, Đệ nhị danh (tức Bảng nhãn), làm quan trải các triều Nhân Tông và Thánh Tông. Năm 1460, ông được bổ làm Thượng thư bộ Lại.

Ngay khi vừa nhận chức Thượng thư, Nguyễn Như Đổ đã bị vua Lê Thánh Tông khiển trách. Sự kiện này, được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 19, tờ 14) chép lại như sau :

"Nguyễn Như Đổ thấy Đỗ Bất Một tuổi đã cao, bèn xin cho (Bất Một) được nghỉ việc quan. Nhà vua nói :

- Trước kia, nhà ngươi nhận lời cầu xin (của Bất Một) mà bỏ cho Bất Một được giữ chức Tổng tri vệ Bắc Bình, khiến cho triều đình lúc ấy phải bàn tán xôn xao. Nay, nhà ngươi lại xin cho Bất Một về nghỉ với hàm ấy, quả là gian dối lắm. Từ nay phải chừa đi mới được.

Nhà vua còn bảo Nguyễn Như Đổ rằng :

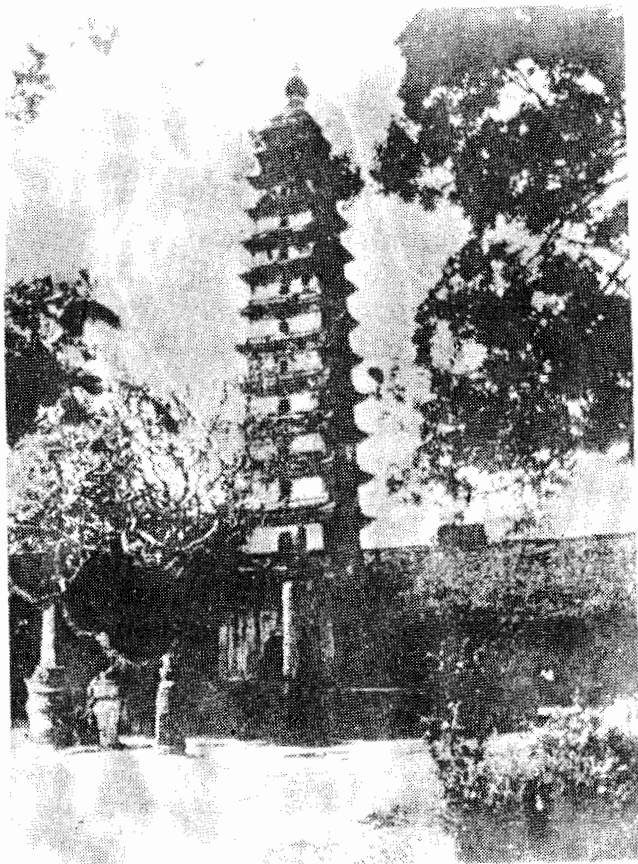
- Trong triều, nếu quân tử được tiến dụng, thế là thời thịnh đã có gốc có rễ, nếu tiểu nhân được tiến dụng thì thời loạn lạc đã có lối để thông vào. Trẫm cùng các khanh phải nhắc nhở lẫn nhau, tiến dụng quân tử, trừ bỏ tiểu nhân, ngày đêm không lúc nào quên được, có thế nước nhà mới mong được thịnh trị".

Lời bàn : Bộ Lại là bộ trông coi việc tuyển dụng và bổ nhiệm quan lại, nói chung là những việc có liên quan đến nhân sự của bộ máy nhà nước. Thượng thư là chức đứng đầu bộ, cả triều đình xưa chỉ có sáu người giữ chức Thượng thư mà thôi. Xem thế cũng đủ thấy chức trách của Nguyễn Như Đổ quan trọng biết nhường nào.

Nguyễn Như Đổ muốn cho Đỗ Bất Một được về hưu với chức danh lớn hơn (Đế rỏi tiếng tăm và lợi lộc cũng lớn hơn) nên tìm cách xin cho Đỗ Bất Một được thăng

chức trước khi về hưu, thế là trong chỗ không tính toán, thương một người mà hại đến muôn người vậy. Nếu chức tước có hạn mà làm thường không có hạn, nguy cơ của sự rề rúng triều đình sẽ đến gần, vua Lê Thánh Tông khiển trách là phải lắm.

Lời vua Lê Thánh Tông về phép tiến dụng người quả đáng suy gẫm. Chức lớn mà lòng dạ nhỏ nhen, kiến thức hẹp hòi, tương lai của vận nước ra sao, khỏi bàn cũng rõ. Song le, khi đã có quyền, có chức, thật khó mà nhận ra kẻ tiểu nhân quanh mình. Thường thì tiểu nhân làm cho ta chết không kịp hối, âu cũng là cách chúng lấy lại mọi sự thiệt thòi mà trước đó chúng đã bỏ ra để mua chuộc, nịnh bợ ta. Chân dung tiểu nhân dễ thấy nhất vẫn là trong sử. Cho nên, đọc sử để tìm cách xa lánh tiểu nhân là cần lắm vậy.



Chùa Phổ Minh

44 - THÁI ÚY LÊ LĂNG BỊ GIẾT

Lê Lăng là con của Lê Triện. Lê Triện theo Lê Lợi xưng nghĩa ở Lam Sơn, từng lập được nhiều công lao. Năm 1427, ông hi sinh ở ngoại thành thành Đông Quan, không có may mắn được chứng kiến ngày vui đại định.

Trong giai đoạn cuối của khởi nghĩa Lam Sơn, Lê Lăng đã là một vị tướng trẻ, lập được khá nhiều chiến công. Sau, ông làm quan trải ba đời vua là Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông và Lê Nhân Tông. Khi Lê Nghi Dân nổi loạn thì nghịch, Lê Lăng cùng với nhiều bậc đại thần khác, đã hợp mưu giết chết Lê Nghi Dân. Lê Nghi Dân bị giết rồi, ông có ý định đưa Cung vương Lê Khắc Xương lên ngôi, nhưng các bậc đại thần khác mà đứng đầu là Nguyễn Xí lại không bằng lòng. Họ cùng tôn lập Hoàng tử Lê Tư Thành lên làm Hoàng đế. Đó là Lê Thánh Tông. Lê Lăng không phản đối, nhưng ý định ban đầu của ông, sau chẳng hiểu sao lại truyền đến tai Lê Thánh Tông, khiến cho Lê Thánh Tông không vừa lòng. Tuy nhiên, vị vua trẻ tuổi này tỏ ra rất khôn ngoan, chẳng những không bộc lộ sự bất bình mà còn phong cho Lê Lăng làm Thái úy, luôn ca ngợi công lao diệt loạn Lê Nghi Dân mà Lê Lăng đã lập được. Rất tiếc là Lê Lăng không ý thức được vấn đề tế nhị này nên đã làm cho Nhà vua ngầm nuôi mối hận đối với Lê Lăng. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 19, tờ 21) chép rằng :

"Cùng các đại thần giết được đảng nghịch xong rồi, Lê Lăng bàn nên lập Cung vương Khắc Xương, nhưng Lê Xí (tức Nguyễn Xí - ND) đã không bằng lòng, họ đón lập Nhà vua (chỉ Lê Thánh Tông - ND). Nhà vua nghe biết việc ấy, có ý để bụng không ưa. Đến khi (Nhà vua) lên ngôi, Lăng vì là công thần, được giúp việc chính sự. Nhưng tính Lăng thẳng thắn, bộc trực, khiến Vua đôi khi cũng nể ngại, bèn thi thoảng lại sai Nguyễn Lỗi đem bạc lạng đến tặng cho Lăng, lại còn dụ bảo rằng :

- Nhà ngươi phải cẩn thận trước sao sau vậy, phải thanh khiết công bằng. Tính khí nhà ngươi cương trực quá. Ngoài có vẻ

nghiêm mà trong thì vừa nhu vừa ác. Ai ưa thì bế bổng âu yếm, ai ghét thì xô xuống đất đen, người ngoài nghe biết, lấy làm không thỏa mãn. Nhà người phải sửa chữa mới được.

Lê Lăng được thăng dần đến chức Thái úy. Đến đây, có người tố cáo là Lăng ngấm ngầm mưu loạn, Vua cả giận, sai giết đi, tịch thu gia sản rồi bố cáo tội trạng khắp trong ngoài cho thiên hạ biết. Mọi người đều nói Lăng bị giết oan".

Lời bàn : Lời Lê Lăng bàn lập Cung vương Khắc Xương ngay khi vừa trừ diệt được Lê Nghi Dân mà sau cũng đến được tai Vua, hẳn bá quan lúc ấy cũng không ít kẻ chuyên nghề bới móc lỗi lầm của đồng liêu. Để bụng nuôi thù vật, đó không phải là phép xử sự của bậc trượng phu, huống hồ đây là Hoàng đế, cho nên, hậu thế dẫu rất ngợi khen Thánh Tông Hoàng đế, vẫn khó có thể bỏ qua cho chút tí vết này.

Vua mới lên ngôi mà giết ngay kẻ khác ý, trong chuyện cụ thể này, chừng như không phải Vua muốn giữ đức mà là Vua cần trọng giữ thân. Vua ban chức Thái úy cho Lê Lăng, lại còn ban bạc lạng cho Lê Lăng, việc ấy có chút gì đó tựa như ban bữa cỗ cuối cùng cho kẻ lãnh án xử tử. Sợ thay !

Còn những kẻ chuyên đi bới móc sơ hở của bè bạn và đồng liêu, xin hãy mau dừng lại, trên trời, có gì ghê sợ như việc giết người bằng cái lưới lắt léo của mình đâu !

45 - LƯỢC TRUYỆN TRẦN PHONG

Thời Lê Thái Tổ (1428 - 1433) và thời Lê Thánh Tông (1460 - 1497) có hai nhân vật nổi tiếng, cùng họ cùng tên là Trần Phong. Trần Phong thời Lê Thái Tổ nổi tiếng về sự phản bội đất nước, bị triều đình xử tử vào tháng 8 năm 1428. Trần Phong thời Lê Thánh Tông là đại thần, nổi tiếng vì được sử cũ nhiều lần nhắc đến lỗi lầm. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 12, tờ 20-a) cho biết, tháng 9 năm Ất Dậu (1465), Trần Phong đang giữ chức Thượng thư ở triều đình thì bị đổi ra làm Tuyên chính sứ Tây Đạo. Trần Phong đi rồi. Vua nói với bá quan văn võ như sau :

"Trần Cẩn là em của Trần Phong. Có lần Cẩn phạm tội, trầm hỏi Phong về phép xử sự ngày thường trước kia của Cẩn, Phong

nhân đó bởi móc mọi nét xấu của Cần, định hại Cần. Thế thì, tình anh em nhà nó đã có nguy tan rã rồi, nhân luân bại hoại chẳng có gì tệ hại như vậy. Lần này, nếu Trần Phong biết sửa chữa lỗi lầm, một lòng trung hiếu, thì ta cũng kiên tâm mà đợi chờ kết quả sửa chữa của hắn".

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 21, tờ 12) chép một đoạn khá dài về Trần Phong như sau :

"Bấy giờ (tháng 10 năm Mậu Tý 1468 - ND) có viên quan là Lê Bô mắc tội ăn hối lộ, lẽ phải khép vào tội thích chữ vào trán rồi đổ chàm lên, nhưng Trần Phong xin cho Lê Bô được nộp tiền chuộc tội. Nhà vua nghe vậy, bèn bảo bề tôi trong triều rằng :

- Trần Phong xin cho kẻ ăn hối lộ được nộp tiền chuộc tội, vậy thì kẻ giàu có tiền đứt lốt là khỏi tai vạ, chỉ kẻ nghèo không có tiền mới bị trừng trị. Trần Phong làm trái phép tắc của tổ tông, dám thiên tiện tác oai tác phúc, làm hại đến nước nhà, vì thế, cần hạ lệnh cho Pháp ti xét xử và trị theo luật định.

Trần Phong là người ưa ton hót. Bấy giờ, có người bố đẻ của Hoàng hậu là Nguyễn Đức Trung, cùng với người cậu của Vua là Nguyễn Yên, được Vua yêu, quyền thế khó ai sánh kịp. Phong liền kiếm cách nịnh bợ hai người này. Một hôm, bởi lời đàm tiếu nhiều quá, Phong phải dãn hặc chút lỗi của Đức Trung, nhưng ngay chiều hôm đó, Phong chạy đến nhà Đức Trung để xin lỗi.

Phong muốn làm thông gia với Nguyễn Yên, bèn đến lạy trước nhà Nguyễn Yên suốt cả ngày, bấy giờ Nguyễn Yên mới nhận. Nhà vua nói với Nguyễn Như Đổ rằng :

- Trần Phong bề ngoài thì làm bộ nghiêm nghị mà bên trong thì hiểm độc, nói năng không cẩn thận. Hắn ton hót và nịnh bợ bọn quyền quý, hút máu cho Đức Trung, mút ung nhọt cho Nguyễn Yên, dùng mảnh khoe ấy để mong được tiến thân".

Lời bàn : Với anh em ruột thịt, Trần Phong đã không có lượng bao dung lại còn tìm cơ hội thuận tiện để hãm hại, ấy là bạc tình bạc nghĩa. Với kẻ ăn hối lộ, Trần Phong cố xin cho được dùng tiền chuộc tội, ấy là bất chính và bất lương. Với kẻ có

quyền thế thì nhục nhã hạ mình để cầu cạnh và nịnh bợ, ấy là tâm địa tiểu nhân hèn hạ. Nhân cách cỡ đó, làm người thường còn chưa dễ được, huống là rắp tâm nuôi chí làm kẻ có danh vọng cao ?

Trần Phong tẩm: thường một cách toàn diện đến thế hay sao ? Ôi, nếu quả đúng là như vậy thì lỗi của vua, lỗi của triều đình cũng không nhỏ. Xưa nay, có ai dùng kẻ tẩm thường làm thuộc hạ mà mình lại có thể tránh được hết mọi sự tẩm thường đâu !

46 - CUỘC ĐỐI ĐÁP GIỮA THÁM HOA LƯƠNG NHƯ HỘC VỚI VĂN LƯ

Lương Như Hộc người Hải Dương, đỗ Thám hoa năm Nhâm Tuất (1442), làm quan trải hai triều là Lê Nhân Tông và Lê Thánh Tông, chức Tả thị lang bộ Lễ. Ông từng đi sứ sang Trung Quốc, và tương truyền, ông là người đã đưa nghề khắc in bản gỗ vào nước ta, cho nên, dân làm nghề khắc in bản gỗ vẫn tôn ông là Tổ sư của nghề mình. Như vậy, xét về danh vọng và địa vị xã hội, ông thuộc lớp cao sang của người đương thời.

Văn Lư là tên của một người lính ở vệ Oai Lôi thời Lê Thánh Tông. Thân phận của Văn Lư nếu đem so với Lương Như Hộc thì hiển nhiên là rất thấp kém. Tuy nhiên, vào năm Đinh Hợi (1467), giữa hai người có địa vị rất cách biệt này đã có một cuộc đối đáp khá thú vị, được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 20, tờ 22) ghi lại như sau :

"Bấy giờ, Vua hạ lệnh lính Ngũ Phủ chế tạo binh khí theo kiểu mới, nhưng chưa được bao lâu lại sai chế tạo theo kiểu khác, quân lính vì vậy mà phàn nàn. Một quân nhân ở vệ Oai Lôi tên là Văn Lư dâng thư nói rằng :

- Tháng giêng năm nay, bệ hạ đã ban hình dạng mới về vũ khí, khiến cho quân nhân theo đó mà chế tạo. Nay, bệ hạ cho thay đổi hình dạng vũ khí theo kiểu khác, như thế là chính lệnh bất thường.

Nhà vua sai các quan ở bộ Lại đến dụ bảo Văn Lư rằng :

- Binh khí cùng một dạng ấy cả chứ có khác gì ? Nhà người chỉ được cái nói càn mà thôi.

Quan Thị lang là Lương Như Hộc nói riêng với Văn Lư rằng :

- Nhà người không phải người giữ chức Ngôn quan, hà có gì lại nói càn đến việc quốc gia đại sự ?

Văn Lư trả lời :

- Nước lấy dân làm gốc rễ, còn như lính là để bảo vệ dân. Nay, chính lệnh trước sau bất nhất, quân dân ai oán, ông là cận thần của Nhà vua, thế mà cam ngậm miệng không nói. Giờ đây, Lư này nói lời ấy chính là vì yêu Vua đó thôi.

Bọn Như Hộc nghe lời Văn Lư nói, đều im lặng.

Lời bàn : Dân gian có chuyện kể rằng, có nhà quyền thế nọ muốn tỏ rõ uy quyền đặc biệt của mình, bèn chỉ con vịt mà bảo tôi tớ rằng đó là con gà, tôi tớ của hắn vì sợ mà từ ấy, cứ thấy con vịt là nói ngay rằng đấy là con gà. Chuyện nhà vua thay đổi kiểu dáng vũ khí nhưng vẫn khăng khăng rằng không thay đổi, ắt cũng gần giống với chuyện của nhà quyền thế kể trên. Thế mới biết là có quyền thế bao giờ cũng dễ ăn dễ nói.

Thân phận những người lính như Văn Lư, thấp hèn là quá rõ. Tuy nhiên, lời anh nói lại chẳng thấp kém một chút nào. Dám dâng thư can vua, ấy là người có dũng khí. Can vua vì chút lòng thành với quân dân, vì sự nhất quán của chính lệnh chứ chẳng hề vì lợi ích riêng, ấy là người có đức trung.

Cuộc đối đáp giữa quan Thị lang là Lương Như Hộc với Văn Lư cho thấy sự khác biệt của hai phép xử thế. Khi sống, mỗi người có quyền chọn cho mình một phép xử thế riêng, có điều khi chết rồi, hậu thế có quyền khen người này, chê người nọ. Ban hãy nói cho tôi biết, bạn thích lời của Lương Như Hộc hay lời của Văn Lư, tôi sẽ nói ngay rằng bạn là người như thế nào.

47 - VUA LÊ THÁNH TÔNG ĐÒI ĐỌC NHẬT LỊCH

Trong triều đình xưa thường có chức Sử quan. Chức này chuyên lo việc ghi chép việc làm và lời nói hàng ngày của vua vào một cuốn sổ riêng, gọi là *nhật lịch*. Sau, Sử quan lại dựa vào nhật lịch để viết chính sử cho nước nhà, sử ấy gọi là *thực lục*. Điển lễ xưa quy định, vua không bao giờ được xem nhật lịch, cũng không được xem thực lục về triều đại của mình. Lễ ấy đặt ra cốt để khiến cho Sử quan có thể dễ dàng viết cả việc xấu, lời dở của vua một cách trung thực và tự nhiên. Điển lễ ấy đúng sai thế nào, xin hãy miễn bàn, chỉ biết người xưa hiển nhiên là tuân thủ điển lễ xưa.

Thế nhưng, năm 1467, vua Lê Thánh Tông lại đòi xem nhật lịch. Việc làm trái lễ này của Nhà vua đã được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 20, tờ 27) chép lại, kèm theo hai lời phê khá nặng như sau :

"Nhà vua muốn xem xét công việc của Sử quan, bèn sai Trung sứ (người nhận mệnh Vua đi làm một việc cụ thể gì đó - ND) đến Hàn Lâm Viện, dụ bảo Sử quan là Lê Nghĩa rằng :

- Ngày xưa, Phòng Huyền Linh giữ chức Sử quan dưới thời Đường Thái Tông, Thái Tông muốn xem thực lục, Huyền Linh không cho. Nay nhà ngươi nếu đem so với Phòng Huyền Linh thì ai giỏi hơn ?

Lê Nghĩa trả lời :

- Sự biến xảy ra ở cửa Huyền Vũ (nơi ba anh em Đường Thái Tông chém giết lẫn nhau - ND), sau Huyền Linh mới chép chứ không dám chép ngay lúc đó, vì có lệnh của Đường Thái Tông. Xem thế thì đủ biết Huyền Linh chưa chắc đã giỏi.

Trung sứ nói :

- Ý Nhà vua là muốn đọc nhật lịch từ năm Quang Thuận thứ nhất (1460 - ND) đến nay.

(Lê) Nghĩa nói :

– Làm Vua mà đọc nhật lịch như Đường Thái Tông đọc nhật lịch do Phòng Huyền Linh chép thì sẽ bị đời sau chê cười đấy.

Trung sử nói :

– Vua cho là đọc nhật lịch để biết trước kia nếu làm điều gì lầm lỗi thì nay có thể tự xét mà sửa đổi.

(Lê) Nghĩa nói :

– Thì bệ hạ cứ gắng làm điều tốt, hà có gì phải xem nhật lịch.

Vua sai Trung sử dụ bảo mấy lần, Lê Nghĩa liền nói :

– Nếu thánh thượng thực lòng muốn tự sửa lỗi, đó là may mắn lớn lao không cùng cho xã tắc. Vậy thì đọc nhật lịch cũng là nghe thêm lời can ngăn trong khi ngỡ như không có ai can ngăn vậy.

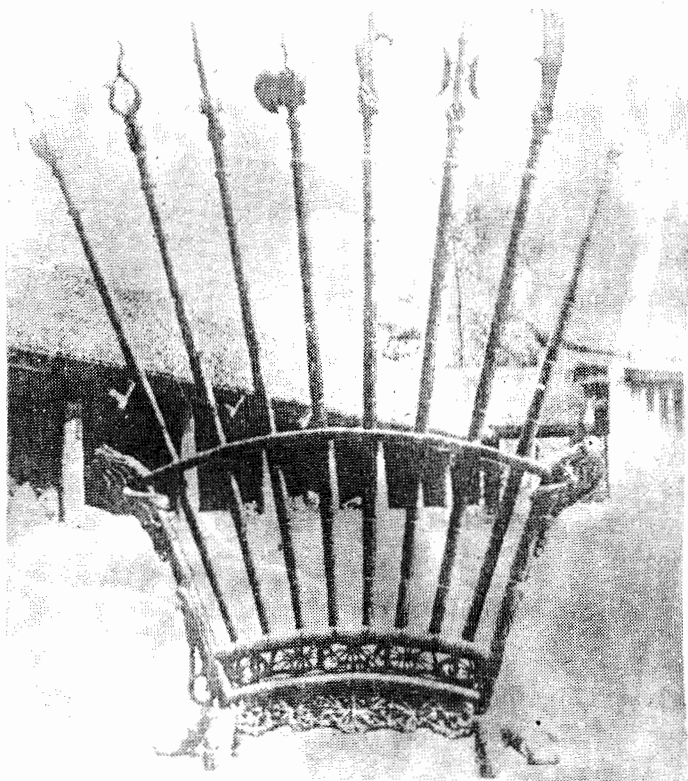
(Nói rồi, Lê Nghĩa) bèn dâng nhật lịch.

Lời phê : Lòng hiếu danh của Lê Thánh Tông cũng chẳng khác gì Đường Thái Tông nên mới đòi xem nhật lịch.

Lời phê : Lê Nghĩa giữ đạo không nghiêm”.

Lời bàn : Vua tự biết việc đòi xem nhật lịch là trái phép nên mới sai trung sử đến Hàn Lâm Viện gặp Lê Nghĩa, dẫn chuyện Đường Thái Tông với Phòng Huyền Linh để lung lạc lòng cương trực vốn có của Sử quan. Bị Lê Nghĩa phản đối, Vua buộc phải nói rằng, đọc nhật lịch là để biết lỗi trước mà tự sửa. Ý xa và lời gần của Vua, xem ra đều không chính đáng. Đã biết việc của Đường Thái Tông và Phòng Huyền Linh là sai mà còn noi theo, ấy là đã bị tập nhiễm cái xấu. Lỗi mình gây ra, tự mình, mình phải biết. Người đã quên lỗi của mình, đâu để đọc lại nhật lịch là tự sửa được ?

Lê Thánh Tông hiếu danh chẳng ? Lời phê của các sử gia thời Nguyễn, trong trường hợp cụ thể này, có lẽ là chưa xác đáng. Còn như Lê Nghĩa giữ đạo không nghiêm thì rõ rồi. Song, nghiêm với kẻ dưới thì được, chớ nghiêm với người trên, nhất lại là người ở trên ngai vàng, chẳng phải để đâu.



Bộ bát bảo

48 - THÁI BẢO NGUYÊN LỖI CAN VUA

Năm 1467, một võ tướng của triều đình Lê Thánh Tông là Khuất Đả, chẳng may phạm tội trề nãi việc quân rồi bị bại trận khi đi đánh dẹp ở An Bang (vùng Quảng Ninh ngày nay). Các quan nhân đó hạch tội Khuất Đả và đem ông ra xét xử. Nhưng, ngay khi triều đình đang xét án thì có một sự kiện đã xảy ra. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 12, tờ 42-b và 43-a) chép rằng :

"Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 5, khi vừa tan buổi chiều, Vua có hỏi các bậc đại thần và bá quan văn võ rằng :

- Đô đốc Khuất Đả tuy có làm trái quân luật, các quan ở bộ Hình đang xét xử, nhưng trăm muốn gọi hắn, cho hắn làm Tổng binh để trấn thủ Bắc Bình (thuộc Việt Bắc ngày nay - ND) liệu có nên không ?

Thái bảo Nguyễn Lỗi tâu vua :

- Cho ai sống, buộc ai chết hoặc giả là ban chức cho ai, bãi miễn chức của ai, tất cả đều thuộc quyền của bệ hạ, bọn bề tôi không dám lạm bàn. Song, Khuất Đả phụng mệnh Nhà vua đi đánh dẹp đã không làm nên công trạng gì, các quan ở Lục Khoa hạch tấu và các quan ở bộ Hình đang xét hỏi, thiết tưởng, hãy đợi án xét xong, nếu quả ông ta không có tội thì bổ dụng cũng không muộn.

(Ai cũng đồng tình), Chỉ huy quan Binh bộ thượng thư là Lê Bá Trù có lời tâu rằng :

- Khuất Đả tuy có tội, nhưng (Nhà vua) cứ lấy quyền nghi mà dùng thì có sao đâu ?

Vua nghe theo lời của (Nguyễn) Lỗi, bèn thôi (không nói chuyện bổ dụng Khuất Đả nữa)".

Lời bàn : Đành Khuất Đả mắc tội trong chỗ không ngờ và cái tâm của ông không ai dám bảo là xấu, song, Nhà vua tính cất nhắc Khuất Đả ngay khi ông đang bị triều đình xét hỏi, thì việc ấy, dầu chỉ mới là ý định không thôi cũng đã đủ để dự báo điều chẳng lành rồi.

May thay, Nhà vua đã biết nghe lời can ngăn của Thái bảo Nguyễn Lỗi. Ở đời, nhiều khi người ta chỉ hơn nhau ở chỗ biết nghe ấy. Làm cha mẹ mà không biết nghe, gia giáo sẽ bại hoại. Làm quan mà không biết nghe, chính sự một phương sẽ đổ nát. Làm vua mà không biết nghe, phép nước sẽ bị rệu rã ngay ở chỗ tồn nghiêm nhất và thời loạn lạc ắt sẽ đến gần. Lời vàng ngọc của quan Thái bảo Nguyễn Lỗi đến thật đúng lúc.

Đọc đoạn sử này, chỉ thấy tiếc cho Bình bộ thượng thư Lê Bá Trù. Việc chính của mình mà mình không nghiêm xét, thì thử hỏi, các việc khác sẽ ra sao ? Hẳn Lê Bá Trù muốn lựa theo ý Vua để nói, mượn có cứu Khuất Đả để cốt được lòng Vua, hòng củng cố địa vị cho mình. Sinh thời, nhờ khôn khéo mà ông được yên thân, nhưng, với hậu thế, chẳng ai để cho ông yên được. Lịch sử cổ kim nào có thiên vị bao giờ.

49 - VUA LÊ THÁNH TÔNG XIN LỖI QUAN ĐÔ NGỰ SỬ TRẦN XÁC

Năm 1467, vùng Bắc Bình và An Bang (Đông Bắc nước ta ngày nay) bị náo loạn. Tổng binh Bắc Bình lúc ấy là Lê Hối đánh dẹp mãi mà không được, triều đình buộc phải sai Đô đốc Khuất Đả đem quân đến để phối hợp tiêu trừ. Nhưng, chẳng may cả hai bị bại trận, Khuất Đả và Lê Hối cùng bị đem ra xét xử. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 12, tờ 43-b) chép :

"Quan Hình bộ thượng thư là Trần Phong lo việc xét hỏi quan Tổng binh Bắc Bình là Lê Hối, có ý cho Lê Hối được hưởng lệ bát nghị vì thấy Lê Hối vốn là người cũng có chút công lao. Quan Đô ngự sử là Trần Xác nói :

- Việc của Lê Hối đã giao cho Pháp ti xét hỏi, cho hưởng lệ bát nghị là phải lắm. Xưa nay, chỉ có tội đại ác và tội phản nghịch là không được hưởng lệ bát nghị thôi, chưa từng thấy quan phạm tội thường mà không cho hưởng lệ này.

Vua dụ bảo Xác, nói rằng :

- Quân pháp chỉ có một chứ không có hai. Nói như lời của Xác là đã tách làm hai rồi. Đó không phải là lời bàn về quân pháp mà chỉ là lời biện bác để mê hoặc người mà thôi, phải nên trị Xác về tội này mới được.

Chẳng bao lâu sau, Vua lại dụ bảo Xác rằng :

- Ta vu oan nhà ngươi là kẻ biện bác để mê hoặc người, đó là ta lỡ lời. Nay, ngươi có mưu kế gì hay cứ nói với ta, ấy cũng

như cơn mưa ngọt đến khi trời hạn, như có con thuyền đến lúc ta cần đi qua sông. Người hãy kính nhớ lấy”.

Lời bàn : Theo luật thời ấy, nếu mắc tội không phải là đại ác và phản nghịch, thì tám hạng người sau đây được cứu xét để được hưởng ân giảm : Thân thích, cố cựu, hiền thần, người tài cán, công thần, bậc sang trọng, kẻ siêng năng, tân khách. Lệ ấy gọi là bát nghị. Lệ ấy đúng sai hay dở ra sao, khoan hãy bàn, chỉ biết rằng lời của quan Đô ngự sử Trần Xác tỏ rõ ông nắm rất vững lệ này. Đã cương trực lại có hiểu biết, lời ông nói ra, dẫu có bị quyền uy thiên tử che khuất nhất thời, rốt cuộc, vẫn khó mà nghiêng đổ được.

Trong chỗ nóng vội, Nhà vua đã không giữ được phép xử thường. Lẽ ấy cũng dễ hiểu. Song, Vua nói rồi còn biết nghĩ lại, nghĩ rồi còn dừng cảm nhận lỗi và thành khẩn xin được nghe tiếp những lời thẳng thắn. Đáng kính lắm thay !

Đô ngự sử Trần Xác đã hiểu phép nước, lại còn rất hiểu Vua, nên cố sức làm hết chức trách phải làm. Vua đặt ra chức Đô ngự sử không phải để trang điểm cho triều đình mà thực là rất cần phải có chức ấy. Ôi, vua sáng tối hiển gặp nhau, thời thịnh trị sao mà chẳng có được ?

50 - HOÀNG TỬ TRIỆU VƯƠNG THOAN ĐÁNH CHẾT NGƯỜI

Chuyện kể rằng, có một lần trên đường Nam chinh, vua Lê Thánh Tông dừng lại nghỉ chân ở xã Hòa Thượng, huyện Kim Trà, phủ Triệu Phong (nay thuộc Quảng Trị). Hôm ấy là một ngày trời trong gió mát, Vua chợt trông thấy một cô thôn nữ đi gánh nước ngang qua. Thấy cô có nhan sắc mặn mà, Nhà vua trẻ tuổi đã đem lòng thương mến, cho đón vào hành tại để hầu cận, chia sẻ những nỗi vui buồn cho khuây khỏa. Thắng trận trở về, Nhà vua lại cho đón cô vào hậu cung. Sách *Đại Việt thông sử* (trang 133) cho biết, cô thôn nữ ấy người họ Nguyễn, sau dần được sách phong đến hàng Quý phi, sử cũ vì thế mà thường gọi bà là Nguyễn Quý Phi. Trong số những người con do bà sinh hạ, có Triệu Vương Thoan, đó chính là Hoàng tử thứ 13 của vua Lê Thánh Tông. Triệu

Vương Thoan là người khí khái và can đảm. Cũng sách *Đại Việt thông sử* (trang 151) chép rằng :

"Có người ở quê mẹ ông tới kinh làm việc, đi đến ngoài cửa Đại Hưng, một viên tiểu hoàng môn vừa đi đến, thấy người ấy áo quần lam lũ, lại tranh đường, bèn hỏi rằng: "Mày ở đâu?". Người ấy đáp: "Ở Thuận Hóa". Viên hoàng môn ấy mắng rằng : "Loại sâu bọ này lại dám vô lễ à ?". Lúc ấy Vương từ chỗ cửa cung cấm đi ra, nghe thấy thế, chợt nổi cơn giận, lấy gậy đánh chết viên ấy. Rồi ông đi tấu vào tâu Vua rằng : "Tôi là con của Thiên tử, mẹ tôi là người Thuận Hóa. (Phủ Triệu Phong thuộc về Thuận Hóa - NKT). Viên tiểu hoàng môn nổi phạm đến tôi, tôi không nén được cơn giận, trót đã giết mất nó rồi. Như thế là đã mắc tội tự tiện giết người, xin nạp tiền riêng để đền mạng nó". Nhà vua thương hại tấm lòng của ông, lại cho là có nghĩa khí, cuối cùng không bắt tội".

Lời bàn : Triệu Vương Thoan tự tiện giết người, tội ấy chẳng cần bàn cũng đã rõ. Giết xong, Triệu Vương Thoan lại xin được lấy tiền riêng của mình để đền mạng kẻ bị giết, thế cũng có nghĩ là Triệu Vương Thoan cho rằng, mạng người bất quá chỉ đáng mấy quan tiền riêng. Ôi, già Triệu Vương Thoan không phải là Hoàng tử, ắt chẳng bao giờ dám có ý nghĩ như thế.

Viên tiểu hoàng môn phách lối đã phải trả một cái giá quá đắt. Cứ cái kiểu phách lối ấy, nếu không bị Triệu Vương Thoan đánh thì cũng bị người khác đánh mà thôi. Đánh chết thì chưa dám nói chớ đánh đau là chắc chắn rồi.

Vua khen Triệu Vương Thoan là người có nghĩa khí, điều ấy rất dễ hiểu, nhưng Vua tha tội cho Triệu Vương Thoan, việc ấy chẳng dễ hiểu chút nào.

Mới hay, phép nước chông chênh, ai dám cả gan bắc ghế ngồi lên đó thì chẳng thể thấu đáo mọi việc được.

51 - VÌ SAO HOẠN QUAN PHAN TÔNG TRINH BỊ GIẾT ?

Tháng 11 năm Mậu Tí (1468), hoạn quan Phan Tông Trinh bị kết án tử hình. Đầu đuôi vụ án này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 21, tờ 13 và 14) chép như sau :

"Bấy giờ, bọn hoạn quan là Nguyễn Thư, Chu Đức Đại, Dương Minh Phong, Ngô Át và Phan (Tông) Trinh can tội ăn hối lộ. Pháp ti khép Phan (Tông) Trinh vào tội tử hình, còn bọn Nguyễn Thư đều được hưởng khoan hồng, cho giảm nhẹ tội. Quan Đô ngự sử là Trần Xác và Nguyễn Văn Chất nói :

- Bọn Nguyễn Thư, Phan (Tông) Trinh đều là kẻ gần vua mà ăn của dút, quan xét án lẽ phải cầm cân cho công bằng, phải cho tất cả bị tử hình, nay hà cứ gì bọn Nguyễn Thư được giảm nhẹ tội, còn Phan (Tông) Trinh thì phải lãnh án tử hình một mình ? Phép nước như thế, bảo thiên hạ tin là có sự công bằng làm sao được ?

Nhà vua nói :

- Bọn Nguyễn Thư ăn của dút, tội chúng đáng phải tử hình, ta không nỡ giết là còn mong chúng biết tự sửa lỗi, để đến một lúc nào đó, ta có thể dùng mà sai khiến. Còn như Phan (Tông) Trinh, con nuôi của hoạn quan là Hiền, Hiền chết, Trinh cướp vợ của Hiền. Năm trước, Trinh còn giở trò giao hợp bốn cột với một cung nữ, hai tội đều nặng, khép vào tội tử hình là phải lắm".

Lời bàn : Tham khảo bản dịch của Nhà Xuất bản Văn - Sử - Địa (Hà Nội, 1957, tập 11) thì thấy các dịch giả chú rằng : đã là *hoạn* giả hoặc *hoạn quan*, thì sao lại có vợ ? Thiển nghĩ, các dịch giả đã nhầm. Hoạn quan cũng có vợ, cũng có cuộc sống gia đình, cũng có ghen tuông đa sự lắm, chỉ khác là họ không thể có con mà thôi. Nay xin dịch là hoạn quan cho đúng với nguyên bản.



Tượng Thị Giả

Phan Tông Trinh là hoạn quan mà còn phạm tội cướp vợ của cha nuôi, lại còn giở trò giao hợp bốn cột với cung nữ, tội ấy, nay cho là đáng khinh, xưa cho là phá hoại luân thường, bị đem ra trị thật nặng cũng dễ hiểu.

Kẻ hầu cận bên vua mà ăn hối lộ, chính sự rối ren bắt đầu có mầm mống từ đây, có tránh cũng khó mà tránh được. Bọn Nguyễn Thu được tha, điều ấy cũng có nghĩa là nạn ăn hối lộ vẫn còn, khác chăng thì cũng chỉ là ăn tinh vi hơn trước mà thôi.

52 - LÊ UY MỤC VÀ CUỘC THANH TRỪNG LẦN THỨ NHẤT

Lê Uy Mục húy là Tấn, Hoàng tử thứ hai của vua Lê Hiến Tông. Lê Hiến Tông có tất cả sáu hoàng tử. Tháng 12 năm Kỷ Mùi (1499), nhân có các quan là Lê Vinh và Lê Năng Nhượng tâu xin lập ngôi Thái tử, vua Lê Hiến Tông đã nhận xét khái quát về đức độ của con mình. Lời nhận xét ấy được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 24, tờ 42) ghi lại như sau :

"Trẫm xem trong các Hoàng tử, thì con trưởng là Tuấn, thích mặc áo đàn bà, lại cả gan dám đầu độc cả mẹ; con thứ hai là Tấn thì không có đức, sợ không đương nổi ngôi báu; chỉ có con thứ ba là Thuần (tức sau này là vua Lê Túc Tông - ND) là rất ham đọc *Thi, Thư* lại dóc lòng hiếu kính, trẫm thân lo vỗ về, dạy bảo, nay cũng đã trưởng thành, vậy lấy công minh mà quyết, trẫm lập Thuần làm ngôi Hoàng trữ (tức Thái tử hay ngôi vua dự bị - ND)".

Tháng 5 năm 1504, vua Lê Hiến Tông mất, triều thần lập con thứ là Thái tử Thuần lên ngôi, đó là vua Lê Túc Tông. Tiếc thay, vua Lê Túc Tông chỉ ở ngôi được sáu tháng thì qua đời. Hoàng tử thứ hai nhờ đó mà được lên ngôi, đó là vua Lê Uy Mục.

Thân mẫu của Lê Uy Mục có một lí lịch xuất thân khá độc đáo. Cũng sách trên (tờ 18 quyển 25) viết rằng :

"Hoàng thái hậu người họ Nguyễn, quán xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn (Bắc Ninh - ND). Thuở bé, bà mồ côi và nghèo đói, phải tự bán mình cho một gia đình ở phủ Phụng Thiên (Hà Nội ngày nay - ND). Sau, vì gia đình ấy phạm tội, bà cũng bị đẩy vào làm nô tì trong cung, nhân đó, được vào hầu Hoàng thái hậu ở cung Trường Lạc. Lúc Hiến Tông làm Thái tử, vào chầu Hoàng thái hậu, trông thấy bà thì lấy làm ưa, mới lấy làm thiếp".

Việc Lê Uy Mục lên ngôi khiến cho bà Thái hoàng thái hậu (thân mẫu của Lê Hiến Tông) không bằng lòng, vì bà cho rằng

mẹ của Uy Mục là người thấp hèn thì sinh và nuôi dạy con làm sao tử tế được. Chuyện không dè đến tai Lê Uy Mục, cho nên, Lê Uy Mục lấy đó làm mối thâm thù. Lại cũng sách trên (quyển 25, tờ 19) viết tiếp :

"Đến nay (tháng 3 năm Ất Sửu, 1505 -- ND), Nhà vua bèn sai người bí mật giết Thái hoàng thái hậu, rồi hạ lệnh nghị thiết triều bảy ngày".

Tháng 4 năm 1505, Lê Uy Mục cho truy phong bà là Gia Tĩnh Mục Ôn Cung Nhu Thuận Thái hoàng thái hậu, đồng thời, sai dựng điện Quang Mỹ ở phường Lệ Viên huyện Quảng Đức để thờ tổ tiên của bà.

Chép xong đoạn sử này, các tác giả của bộ sử cũ nói trên đã có lời phê như sau :

"Giấu giếm thế nào được tội ác ? Bọn gian xảo lừa dối đều như vậy cả. Đáng chê thay !"

Lời bàn : Lúc đầu, xét lời của bà Thái hoàng thái hậu có chút gì đó, nửa như vu vơ mơ hồ, nửa như cũng có lí. Song, xem hành trạng của Lê Uy Mục sau này thì quả lời của Thái hoàng thái hậu chẳng ngoa.

Thời mà kẻ cương trực bị đày đọa là thời loạn. Thời mà cả đến lời thẳng thắn của Thái hoàng thái hậu cũng bị Nhà vua oán giận và thâm thù là thời đại loạn. Không rõ là sinh thời, Uy Mục có hay là uy đã mục rồi chăng ?

Năm 1507, sứ giả nhà Minh sang nước ta đã phải kinh ngạc mà thốt lên rằng : "Chẳng hay con tạo trở trêu làm gì để sinh ra tên vua quý sứ thế này !". Trăm họ thời ấy bèn nhân đó mà gọi Lê Uy Mục là vua Quý.

Đúng lắm thay !

53 - LÊ UY MỤC VÀ CUỘC THANH TRÙNG LẦN THỨ HAI

*S*ách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 25, tờ 21) chép rằng :

"Khi Hiến Tông đau nặng, bà Kính Phi (người họ Nguyễn, quán xã Hoa Lăng, huyện Thủy Đường. Thân mẫu của Uy Mục mất sớm, bà nhận Uy Mục làm con nuôi - ND) có ý muốn lập vua, nhưng sợ quan đại thần không theo, bèn đem vàng bạc đúc lốt cho Đàm Văn Lễ (là một trong hai cận thần của vua Lê Hiến Tông - ND) nhưng Lễ không chịu nhận. Kịp khi Hiến Tông lâm bệnh quá nguy kịch, Văn Lễ cùng với Quang Bật nhận di chiếu lập Thái tử lên ngôi. Lúc ấy, các vị Hoàng tử tranh nhau để được làm vua, Văn Lễ sợ biến loạn có thể xảy ra cấp kì, bèn vào nhà tắm diện lấy ấn truyền quốc đem về nhà mình cất, rồi cùng các đại thần lập vua Túc Tông. Nhà vua (chỉ Lê Uy Mục - ND) rất oán giận.

Đến đây (tháng 4 năm 1505 - ND) Nhà vua dùng mưu kế của bọn Khương Trùng và Nguyễn Nhữ Vi, vờ truất chức Văn Lễ và Quang Bật, cho họ đi làm chức Thừa chính sứ ở đạo Quảng Nam, rồi nhân khi cả hai đang trên đường đi nhận chức, Nhà vua sai người đuổi theo, đến bờ sông Chân Phúc thì kịp, bắt cả hai phải uống thuốc độc mà chết.

Bấy tôi trong triều cho rằng, hai người ấy vô tội mà chết nên dâng lời can ngăn. Vua đổ lỗi cho Nhữ Vi, giết luôn cả Nhữ Vi nữa".

Lời bàn : Dã tâm của Uy Mục ra sao, khỏi nói thêm cũng đã quá rõ. Khương Trùng là thân thích của Nhà vua, muốn vì Vua mà ám hại Đàm Văn Lễ và Nguyễn Quang Bật, nên xào trá mượn lời dâng kế của Nguyễn Nhữ Vi, Nhữ Vi ngây thơ, tưởng đầu hại người thì mình sẽ được vinh hoa phú quý, chẳng dè cũng bị giết thảm thương. Hỡi Nhữ Vi, chả lẽ bao sách vở không đủ cho người thấy được rằng, xưa nay, kẻ tàn bạo có bao giờ chỉ tàn bạo một lần đâu ! Lê Uy Mục đâu có phải là một ngoại lệ.

Ồi chết thảm mà chẳng ai thương là đấy chăng ? Còn bà Kính Phi, bà hùỵ là gì, sử không chép rõ nhưng điều hậu thế rất rõ lại là mưu hối lộ như bản của bà. Nhục thay !

54 - CHUYỆN NGUYỄN CHÍ

Tháng 4 năm 1505, Lê Uy Mục vờ truất chức rồi sau đó sai người bức tử Thượng thư bộ Lễ là Đàm Văn Lễ và Đò ngự sử là Nguyễn Quang Bật vì hai người này trước đó đã không chịu nhận hối lộ của bà Kính Phi để bỏ Túc Tông mà lập Uy Mục. Khi biết chuyện ấy, quan Tri phủ Phú Bình (nay thuộc Bắc Ninh - ND) là Nguyễn Chí không phục. Thân nhân của Khương Trùng là Nguyễn Trọng vì lẽ này mà đem lòng oán giận Nguyễn Chí, bắt ông tống ngục, tra khảo cho đến tưởng chết mới thôi.

Bởi tưởng Nguyễn Chí đã chết rồi, Nguyễn Trọng bèn đem xác ông vất ra ngoài thành. Gia đình Nguyễn Chí cũng tưởng ông đã chết thật nên đem xác về chôn, chẳng dè rồi ông sống lại. Vợ con Nguyễn Chí sợ ông lại bị đánh nữa, liền vờ làm đám tang giả, lại còn để tang ông suốt ba năm trời, xóm giềng lúc đó không ai hề hay biết gì cả.

Năm 1509, Lê Uy Mục bị giết, Lê Tương Dực lên nối ngôi, Nguyễn Chí đến triều đình tâu bày mọi sự, được Tương Dực cho làm chức Bí thư giám xá nhân. Sau, Nguyễn Chí theo về với nhà Mạc.

Lời bàn : Không khuất phục Khương Trùng và Nguyễn Nhữ Vi, chút cương trực ở Nguyễn Chí kể vậy cũng đáng gọi là có. Nguyễn Nhữ Vi chỉ là vật thí thân, còn Khương Trùng là tay chân của Uy Mục, mà Uy Mục với Tương Dực thì tên có khác nhau mà sự xấu xa nào có khác nhau. Mới hay, Nguyễn Chí quả đã trao niềm tin sai địa chỉ.

Bị đánh đến tưởng chết rồi còn bị vất xác ra ngoài thành, vậy mà về sau, Nguyễn Chí vẫn không nguôi nuôi tiếc bả hư danh. Ông thích làm quan, miễn được làm quan, còn làm quan cho ai cũng chẳng kể, vua là người thế nào ông cũng chẳng bán khoán, họ Lê hay họ Mạc đều được cả.

Hóa ra, xem kĩ mới biết chút cương trực của ông cũng có khác với chút cương trực của người đương thời, cũng chẳng giống với lòng cương trực của người ở mọi thời, khác xa lắm.

55 - ĐỨC ĐỘ CỦA VUA LÊ UY MỤC

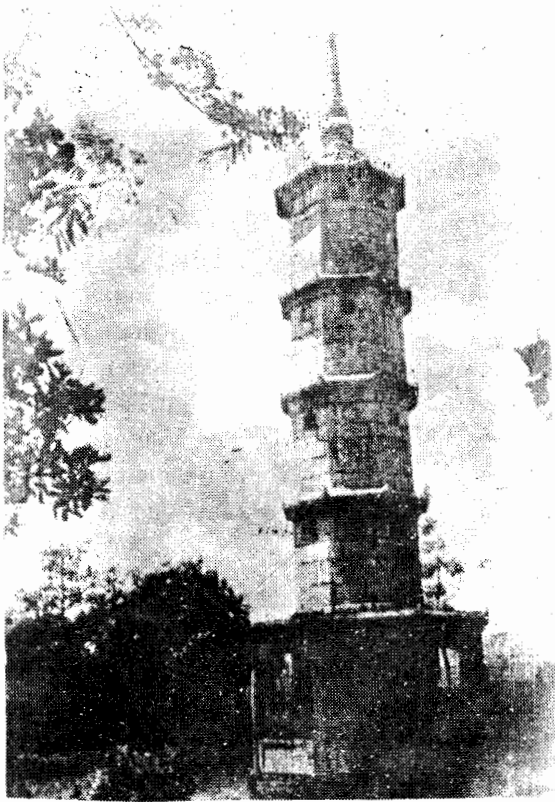
*S*ách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 25, tờ 29) chép như sau :

"Tính khí Nhà vua rất ưa vũ lực. Một hôm, nhân đi tế đàn Nam Giao trở về, Vua cưỡi voi vào cửa Đông Hoa, sai các Ti và quân các Vệ trong Ngũ Phủ, đem voi công đến cho Vua tuyển chọn. Sau, Vua lại sai các trấn chọn voi đem về Kinh đô để Vua chọn lựa thêm một lần nữa, cốt sao đủ đặt hai Ti là Ngự Tượng và Ngự Mã. Vua cho bọn quân sĩ ở ti Ngự Tượng đội mũ màu thủy ngân, trên vẽ hoa hồng quý. Mỗi ngày, Vua sai hai tên giám quân đấu sức với nhau. Hai tên cầm gậy đánh nhau từ cửa Thanh Dương đến ngoài cửa Thái Miếu cho Vua xem. Vua lấy đó làm thích, ban thưởng tiền lụa cho họ.

Từ khi lên ngôi, Vua chỉ cùng cung nhân uống rượu vui say quá độ. Khi say, liền giết cung nhân đi. Bấy giờ, quyền bính đều về hết ở bọn ngoại thích. Mặt đông thì có bọn ngoại thích ở Hoa Lãng. Mặt Nam thì có bọn ngoại thích ở vùng Nhân Mục. Mặt Bắc thì có bọn ngoại thích ở Phù Chấn. Bọn chúng cậy quyền cậy thế ức hiếp trăm quan, tìm mảnh khóc để lấy của báu trong thiên hạ, đã thế lại còn giết hại sinh dân, tước đoạt hết của cải trong dân gian, trăm họ oán hờn mà Vua không biết.

Vua thường đem lòng nghi ngờ ghen ghét bầy tôi, kẻ nào trước không chịu phụ họa cho mình (được lên ngôi) thì bắt giết. Vua bí mật sai người trong cung là Nguyễn Đình Khoa thân đi dò xét hết anh em, chú bác. Bởi thế mà Kính Vương (tên thật là Kiện, con út của Lê Thánh Tông, em của Lê Hiến Tông, chú của Lê Uy Mục - ND) sợ mang vạ mà trốn tránh không tìm ra tông

tích, Giản Tu Công Oánh (cháu Lê Thánh Tông, con Kiến Vương Tân, người về sau được làm vua, đó là Lê Tương Dực - ND) là chỗ con chú con bác cũng bị bắt giam vào ngục. Ai ai cũng lo nguy hiểm cho tính mạng của mình, chỉ rắp tâm nổi loạn”.



Tháp Bảo Nghiêm

Lời bàn : Sai người đánh nhau làm trò mua vui ngay trong cung điện, đó là dấu hiệu của kẻ sinh vũ lực đang có nguy cơ tiến tới chỗ hiếu sát. Vua hiếu sát, bảo thiên hạ nuôi lòng trung trinh nhân tử làm sao được ?

Đam mê tử sắc thì làm việc gì dầu nhỏ cũng chẳng được, nói chi chuyện làm vua. Vua coi rẻ mạng sống của cung nữ, tất sẽ có ngày thiên hạ coi rẻ mạng Vua. Ở đời, nhân nào quả ấy, chẳng có gì là lạ cả.

Vua dùng ngoại thích làm phe đảng bao vây triều đình, nhưng xem ra Vua chẳng có ai là phe đảng cả. Còn ai tin Vua khi Nhà vua mặt sai kẻ thân tín đi dò xét người ruột thịt của mình ? Còn ai tin vua khi mà chỉ một lời sơ suất cũng đủ để mất mạng sống ? Chớ nên, những kẻ gọi là phe đảng của Vua chẳng qua cũng chỉ liên minh tạm bợ và giả dối với nhau mà thôi. Khi các phe nhóm khác đã bị tiêu diệt, thì chính họ lại xấu xí và chém giết lẫn nhau. Thời loạn, có gì lại không thể xảy ra được đâu !

56 - CUỘC BẠO LOẠN NĂM KỶ TỊ (1509)

Ngay khi vừa lên ngôi, Lê Uy Mục đã tiến hành một loạt những cuộc thanh trừng đẫm máu, kinh thành Thăng Long chùng như ngày nào cũng có người bị sát hại. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 25, tờ 32) cho biết rằng :

"Bấy giờ, Nhà vua cho đuổi hết tôn thất và công thần về đất Thanh Hóa, khiến cho uy quyền của bọn ngoại thích như Khương Trùng và Nguyễn Bá Thằng lung đoạn cả triều đình lẫn địa phương, chúng tự cho phép mình quyền tác oai tác phúc, dân khó bề xoay sở tay chân, thiên hạ mất hết cả hi vọng".

Nhân lòng căm phẫn của quan quân, Nguyễn Văn Lang đã dấy binh chống lại Lê Uy Mục. Quan lại trong triều, số thì về với Nguyễn Văn Lang, số thì ở lại sẵn sàng làm nội ứng. Có người em con chú của Lê Uy Mục là Giản Tu Công Oánh lúc đó đang bị giam trong ngục, biết vậy liền đem cửa hối lộ cho lính canh rồi chạy thoát. Ông được Nguyễn Văn Lang tôn làm minh chủ. Đến tháng 12 năm Kỷ Tị (1509), quân của Giản Tu Công Oánh và Nguyễn Văn Lang đã mạnh lắm. Cũng sách trên (quyển 25, tờ 35 và 36) đã chép :

"Quân của Oánh tiến đến làng Bảo Đà, phường Hồng Mai (tức Bạch Mai, Hà Nội ngày nay - ND). Nhà vua ra cửa Thanh Dương để ủy lạo tướng sĩ, lấy bảo kiếm trao cho bọn Trình Chí Sâm và Lê Quảng Độ. Vua lại đem tiền bạc, vàng lụa trong kho ban cho người phạm tội đang bị giam mỗi người ba quan, rồi

tha cho họ và sai họ ra trận. Tù nhân nhận xong, lạy tạ và chạy về nhà (chứ không đi đánh nhau). Vua vội sai Trung sứ và bọn hoa văn học sinh đem các thứ sắc văn và phù hiệu đến các xứ Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang và An Bang để điều động mỗi xứ 5000 lính về bảo vệ kinh thành, nhưng bọn họ chưa đi đến bến Bồ Đề (Gia Lâm, Hà Nội ngày nay - ND) thì quân của Oánh đã tiến sát đến kinh thành. Dân sợ hãi bỏ trốn, Hoàng hậu Trần Thị chạy đến núp trong nhà một gia đình ở Hồng Mai rồi thất cổ tự tử. Bấy giờ, Lê Quảng Độ cùng với Oánh, người trong thành, kẻ ngoại thành, ứng tiếp cho nhau, bắn pháo làm hiệu cho nhau biết".

... "Nhà vua chạy đến phường Nhật Chiêu (ngoại thành Hà Nội ngày nay - ND) thì vệ sĩ đuổi theo bắt được, đem trói ở cửa Lệ Cảnh. Oánh cho tên vệ sĩ ấy là người bất nghĩa, bèn sai đem chém, còn Nhà vua thì Oánh bắt uống thuốc độc tự tử. Oánh căm giận về việc Vua đã giết hại mẹ và anh em của mình, liền sai người lấy súng đại bác, đặt thầy Vua vào hỏa khẩu mà bắn. Xác Vua tan tành, tro than còn lại thì cho đưa về chôn ở quê ngoại là làng Phù Chẩn".

Lời bàn : Lê Uy Mục là tên bạo chúa, sống thất đức thì chết thê thảm, có gì lạ đâu. Uy Mục trao bảo kiếm cho Lê Quảng Độ, tưởng được bảo vệ, rốt cuộc chỉ chuốc thêm họa vào thân. Mối hay, trao niềm tin sai địa chỉ là điều rất đáng sợ.

Song, các quan theo Giản Tu Công Oánh cũng chẳng sáng suốt gì hơn Lê Uy Mục. Họ đã đổi sự đau khổ này lấy sự bất hạnh khác đó thôi. Xem việc Giản Tu Công Oánh sai chém người vệ sĩ đã bắt được vua Lê Uy Mục cũng đủ rõ Giản Tu Công Oánh là người thế nào rồi.

Hóa ra, chỉ có những người đang bị giam giữ, nhận tiền của Lê Uy Mục rồi chạy về nhà... là thông minh hơn cả. Tạo hóa vốn công bằng khi chia may mắn cho mọi người. Quan nhất thời sung sướng và mãn nguyện với bả vinh hoa, nhưng sống chết diên đảo khó lường, dân vạn đại đời khổ nhưng dễ giữ được tấm thân hơn. Thời loạn, loạn nhất vẫn là chốn triều đình. Khiếp thay !

57 - TRỊNH DUY SẢN GIẾT VUA LÊ TƯƠNG DỤC

Sau vụ bạo loạn năm Kỉ Tị (1509), Giản Tu Công Oánh được tôn lên ngôi vua, đó là Lê Tương Dục (1510 - 1516). Lê Tương Dục cũng tàn bạo và hoang dâm không thua gì Lê Uy Mục. Năm 1513, sứ giả của nhà Minh sang ta đã nói rằng : Vua mặt đẹp mà thân cong, tướng hiếu dâm như tướng heo, loạn vong tất chẳng còn xa nữa. Quả đúng như đoán định của sứ giả nhà Minh, năm Bính Tí (1516), loạn đã xảy ra. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 26, tờ 28) chép rằng :

"(Trịnh) Duy Sản thường hay can ngăn làm trái ý Vua, bị Vua tức giận, sai lấy gậy đánh. Duy Sản bèn cùng Lê Quảng Độ, Trịnh Chí Sâm mưu phế lập. Họ chuẩn bị binh thuyền khí giới rồi hội họp ở bến Thái Cực (gần phố Hàng Đào, Hà Nội ngày nay - ND) nói phao là đem quân đi đánh giặc. Nhân đêm tối, họ đem quân Kim Ngô hộ vệ hơn ba ngàn người, tiến vào cửa Bắc Thần phóng lửa đốt. Khi thấy lửa cháy, Vua ngỡ là có giặc kéo đến, bèn lên ra cửa Bảo Khánh để trốn. Tới tờ mờ sáng, lúc băng qua cửa Thái Học để đến hồ Chu Tước ở phường Bích Câu (nay là khu vực đường Bích Câu, Hà Nội - ND) thì gặp Duy Sản. Nhà vua hỏi là giặc ở đâu, Duy Sản không trả lời mà quay mặt đi nơi khác rồi cười âm lên. Vua quay ngựa chạy về phía tây, Duy Sản sai võ sĩ tên là Hạnh đâm Vua ngã ngựa rồi giết đi. Khâm Đức Hoàng hậu cũng nhảy vào lửa mà chết. Quân sĩ đem hai thi thể về táng ở lăng Ngự Thiên".

Lời bàn : Vua sai lấy gậy đánh Trịnh Duy Sản, vì nghĩ mình là vua tất phải có quyền với quần thần, lúc vua giận, bất quần thần phải tội chết còn được, nói chi chuyện chỉ lấy gậy đánh mà thôi. Song le, Tương Dục được làm vua, chẳng qua chỉ vì Tương Dục là dòng dõi nhà Lê chứ chẳng phải là có công cao đức dày gì. Hạng kém đức bất tài lại bạc nhược như Tương Dục, con cháu nhà Lê còn nhiều lắm. Cho nên, Trịnh Duy Sản hợp mưu với Lê Quảng Độ để lập vua khác, kể cũng như thay cái bung xung này bằng cái bung xung khác, có gì lạ đâu. Và chẳng, trước Lê Quảng Độ từng cùng phe

đàng phé Lê Uy Mục mà lập Lê Tương Dực, có gì bảo đảm chắc chắn rằng Lê Quảng Độ sẽ không cùng với người khác để hợp mưu phé bỏ Lê Tương Dực đâu ?

Lê Tương Dực mới chột nghe tiếng hò la và lửa cháy đã vội lên bỏ đi, thế là một lần ngớ ngẩn. Gặp kẻ thâm thù và chủ mưu phé lập là Trịnh Duy Sản mà còn hỏi : "giặc ở đâu ?", thế là hai lần ngớ ngẩn.

Trịnh Duy Sản giết vua, lịch sử có thêm một kẻ tạo phản, nhưng lại mất bớt được một kẻ ngây ngô, chẳng biết nên coi đó là lợi hay hại. Mới hay, thời loạn, bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra.

58 - SỰ HIỂM ĐỘC CỦA NGUYỄN VĂN LỰ

Sau khi Lê Tương Dực bị giết, triều đình nhà Lê lại phải một phen khủng hoảng khá dài nữa. Sau, Lê Y được tôn lên ngôi, đó là vua Lê Chiêu Tông (1516 - 1522). Thời Lê Chiêu Tông, quan lại ghen ghét và nghi kỵ lẫn nhau, luôn tìm cách để hãm hại nhau.

Lê Chiêu Tông sai Nguyễn Hoàng Dụ và Trịnh Tuy đem quân đi đánh dẹp. Tháng 7 năm 1517, họ mới về đến kinh sư. Hai tướng chưa kịp báo công đã bị thiên hạ gièm pha, thành ra hiểm khích. Trịnh Tuy cho đóng quân ở ngoài thành Đại La, Nguyễn Hoàng Dụ đóng quân ở phường Đông Hà, cả hai chuẩn bị tiến đánh lẫn nhau. Tin dữ đến tai, vua Lê Chiêu Tông cho người ra dụ bảo hai người rằng :

- Giả Phục và Khấu Tuân đều là dũng tướng của Hán Quang Võ. Chỉ vì Khấu Tuân giết mất một tì tướng của Giả Phục mà hai bên hiểm khích toan đánh lẫn nhau. Hán Quang Võ triệu cả hai đến mà bảo : "Thiên hạ chưa bình định xong, hà có gì hai con hổ lại sắp đánh nhau". Vâng mệnh vua, Giả Phục và Khấu Tuân vui vẻ giải hòa, lại còn kết bạn với nhau. Liêm Pha là võ tướng, Lạn Tương Như là văn thần của nước Triệu thời Chiến Quốc. Liêm Pha thường nói xấu và hạ nhục Tương Như, mà Tương Như không giận, lại còn khăng khái nói : "Nước Tần sở dĩ không dám đánh nước Triệu là vì nước Tần biết nước Triệu có Liêm Pha và Lạn Tương Như. Nay, nếu hai con hổ đánh nhau, tất nhiên khó ai có

thể sống. Tôi trọng việc nước mà bỏ thù riêng đó thôi". Liêm Pha nghe được, lòng lấy làm xấu hổ, bèn đến tạ lỗi mà kết bạn chí thân với Lạn Tương Như.

Nguyễn Hoàng Dụ và Trịnh Tuy nghe nhưng vẫn không ai chịu hòa giải. Triều đình lấy đó làm lo. Đúng lúc ấy, có một sự kiện khá đặc biệt đã xảy ra. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 26, tờ 35) chép rằng :

"Nguyễn Văn Lự và Trịnh Duy Đại hẹn nhau cùng vào châu để tâu Vua xin đứng ra hòa giải cho hai người. Khi đến trước điện, chẳng dè Nguyễn Văn Lự lỏm tờ sớ bí mật giấu trong tay áo ra dâng Vua, nói rằng : Trịnh Duy Đại và Trịnh Tuy đã hợp mưu, định lập Nguyễn Tùng là con của Nguyễn Trinh lên ngôi chúa, làm việc đại phản nghịch. Vua liền sai bắt ngay Duy Đại và đồ đảng của hắn là bọn Trịnh Bá Quát đem chém đầu".

Lời bàn : Nguyễn Hoàng Dụ và Trịnh Tuy ngờ vực mà chuẩn bị đánh lẫn nhau, ấy cũng là sự thường. Thời chính trị suy vi ấy, trăm sự trở trêu có gì lại không thể xảy ra được ?

Kẻ vàng mệnh vua Lê Chiêu Tông đi hòa giải, kể cũng thông hiểu sử sách, chỉ tiếc là không hiểu gì về hiện tại cả. Trên Giả Phục và Khấu Tuân, dẫu sao thì cũng còn có Hán Quang Võ, nhân vật sáng giá đã khai sinh ra nhà Hậu Hán của Trung Quốc. Trên Liêm Pha và Lạn Tương Như, dẫu sao thì cũng còn có vua nước Triệu là người đang canh cánh nỗi lo' bị nước Tấn xâm lăng. Còn như trên Nguyễn Hoàng Dụ và Trịnh Tuy, lúc này chỉ có một triều đình Lê Chiêu Tông đang mục ruỗng mà thôi.

Bấy giờ, xét về chức quyền thì Trịnh Duy Đại hơn Nguyễn Văn Lự nhiều lắm. Nhưng, xét về mưu thâm kế hiểm thì Nguyễn Văn Lự lại sao quyết hơn Trịnh Duy Đại rất xa. Vua Lê Chiêu Tông là kẻ cả tin lại hiểu sát, mượn tay Nhà vua để giết đồng liêu, kể ấy quả là khó ai lường trước được. Đành gây oán thì chuốc thù, song, dẫu sao cũng thấy xót thương thay cho tướng quân Trịnh Duy Đại. Trịnh Duy Đại cũng là kẻ cả tin, nhưng trách người cả tin với bạn đồng liêu của mình, nghe sao mà ngậm ngùi quá.

Nguyễn Văn Lự, người quả hiểm độc lắm thay !

59 - CHÂN TƯỚNG LÊ QUẢNG ĐỘ

Lê Quảng Độ sinh năm nào, nguyên quán ở đâu, không ai rõ, chỉ biết ông làm quan trải bốn đời vua là Lê Hiến Tông, Lê Túc Tông, Lê Uy Mục và Lê Tương Dực, sau bị vua Lê Chiêu Tông giết vào cuối năm Đinh Sửu (1517).

Thời vua Lê Hiến Tông (1498 - 1504), Lê Quảng Độ được sử nhắc tới vì đã có công tiến cử Trúc Nguyên vào giữ chức Phủ Doãn phủ Phụng Thiên (tức Hà Nội ngày nay). Tháng 6 năm 1504, tức vào đầu đời vua Lê Túc Tông, sử lại chép Lê Quảng Độ được giữ chức Tả đô đốc phủ Trung Quân. Năm 1509, năm cuối đời Lê Uy Mục (1505 - 1509), ông được phong tước Ninh Quận công.

Án huệ của triều đình, Lê Quảng Độ được hưởng nhiều hơn người, nhưng, cũng chính năm 1509, ông là kẻ nhận làm nội ứng cho Nguyễn Văn Lang và Giản Tu Công Oánh lật đổ vua Lê Uy Mục. Chuyện này tuy khó hiểu nhưng cũng dễ bỏ qua, bởi lẽ, Lê Uy Mục là tên bạo chúa, giết Lê Uy Mục kể cũng như hất bỏ được một đồng rác trên vũ đài chính trị đó thôi. Nhờ hành vi này, tháng 1 năm Canh Ngọ (1510) Lê Quảng Độ được tấn phong là Thiệu Quốc công.

Thế nhưng, đến năm 1516 cũng chính Lê Quảng Độ đã hợp mưu với Trịnh Duy Sản để giết chết vua Lê Tương Dực. Lại một lần nữa, chuyện tuy khó hiểu nhưng cũng dễ bỏ qua, bởi xét về nhân cách và phẩm giá, Lê Tương Dực nào có khác gì Lê Uy Mục, chúng sống chỉ tổ làm nhơ nhục triều đình mà thôi. Thương hại thay cho Lê Uy Mục cả tin, đích thân đến trao bảo kiếm cho Lê Quảng Độ và Trịnh Chí Sâm, những mong được sự phò tá đắc lực, dè dàu lại đúng là... nổi giáo cho giặc. Tương Dực chết mà chẳng kịp nhận ra Lê Quảng Độ là người thế nào.

Năm 1516, kinh thành Thăng Long bị náo loạn. Trong thì quan lại, đại thần và hoàng tộc giết hại lẫn nhau, ngoài thì Trần Cao khởi nghĩa và tấn công dồn dập. Nghĩa quân Trần Cao đánh chiếm được kinh thành Thăng Long mấy ngày liền.

Lê Chiêu Tông vừa mới được đưa lên ngôi, chưa kịp yên vị đã phải một phen khốn đốn.

Lúc ấy, Lê Quảng Độ với tư cách là bậc Quốc công, đã xin đầu hàng Trần Cao, được Trần Cao ủy cho việc xếp đặt công việc quốc gia. Nhưng rồi Lê Chiêu Tông đánh dẹp được Trần Cao, Lê Quảng Độ phải tức tốc chạy trốn. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 26, tờ 37) cho biết, tháng 12 năm 1517, các tướng là Hà Phi Chuẩn và Nguyễn Lỗ đã bắt được Lê Quảng Độ. Vua Lê Chiêu Tông khép Lê Quảng Độ vào tội tử hình.

Lời bàn : Hai lần hợp mưu phế lập, Lê Quảng Độ không hề tỏ được cái đức của bậc lương thần mà chỉ tỏ được cái tâm của kẻ phản trắc. Với Lê Quảng Độ, giết vua này để thay vua khác mà mình được thêm quyền cao chức trọng, thì đó là việc không thể không làm. Ôi, mảnh sắc phong mà Lê Quảng Độ được nhận sau mỗi lần phản trắc, sao mà tanh tươi đến thế !

Lê Quảng Độ theo hàng Trần Cao chẳng phải vì cảm phục vị thủ lĩnh của đội quân khuấy nước chọc trời. Cơ may chẳng thể quá tam ba bận, Trần Cao thua, bảo Lê Quảng Độ không hoảng sợ mà chạy làm sao được ?

Lê Chiêu Tông chẳng hề là bậc chí nhân, nhưng dẫu sao thì khi giết được Lê Quảng Độ, Chiêu Tông cũng đã bớt cho xã hội đương thời một kẻ cơ hội và phản trắc thuộc loại điển hình. Con voi trong khi đang phá rừng đã giẫm chết được một con rắn, dẫu sao thì như thế cũng bớt được một mối lo cho người ở sơn lâm !

60 - CHUYỆN VŨ NHƯ TỐ

Vũ Như Tố người xã Minh Quyết, huyện Cẩm Giàng, nay thuộc Hải Dương, xuất thân là thợ mộc. Năm Nhâm Thân (1512), Vũ Như Tố bạo dạn dâng lời tâu vua xin dựng đại điện và cửu trùng đài. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 26, tờ 17) viết :

"Trước, Vũ Như Tố là người thợ mộc quê ở Cẩm Giàng, lấy thân cây mía làm mô hình cung điện có đến trăm nóc rồi dâng lên vua. Vua lấy làm vừa ý, phong cho Vũ Như Tố làm Đô đốc,

sai trông coi việc xây dựng hơn trăm cung điện lớn có gác. Nhà vua lại cho bắt đầu xây dựng cửa trùng đài. Mặt phía trước của cung điện thì cho đào hồ thông với sông Tô Lịch. Hồ đào lượn quanh (cung điện) và có làm cống để mở thông ra ngoài. Vua bất thần ngao du bằng thuyền Thiên Quang ở đó suốt ngày đêm. Quân sĩ lớp này làm chưa xong đã sai quân sĩ lớp khác tới. Khi Vua đi chơi, hễ thấy ai làm việc vừa ý thì thưởng tiền vàng hoặc bạc. Việc có khi vừa xong đã bắt phá đi, làm lại, xây cất sửa sang hết năm này qua năm khác vẫn chưa xong. Quân dân phục dịch mệt mỏi, bị bệnh dịch và chết khá nhiều".

Bấy giờ, vua Lê Tương Dực chỉ lo ăn chơi. Cũng sách trên (tờ 23, quyển 26) cho biết :

"Nhà vua thích mở mang việc thổ mộc, đắp thành dài mấy ngàn trượng, bao bọc cả điện Trường Quang, quán Chấn Vũ và chùa Kim Cổ Thiên Hoa. Thành này kéo dài từ phía đông nam đến phía tây bắc, chặn ngang sông Tô Lịch, trên có hoàng thành, dưới có mở cửa cống, xây bằng gạch và đá, lại có sắt chắn suốt bề ngang... Vua sai chế thuyền chiến để đi chơi hồ Tây, bắt phụ nữ cỡi trần bơi chèo, lấy đó làm sự thỏa thích".

... "Vua nghe lời tâu xằng bậy của quan Hiệu úy là Hữu Vinh (chưa rõ họ) mà giết chết 15 người tôn thất, toàn tước Vương và tước Công. Vua còn cho triệu cung nhân của Mẫn Lệ (tức vua Lê Uy Mục - ND) và cung nhân của triều trước để tư thông với họ".

Trăm họ lấy việc hoang chơi của Nhà vua làm mối lo hàng đầu. Năm 1516, Trịnh Duy Sản giết chết vua Lê Tương Dực. Nghe tin đó, tướng Nguyễn Hoàng Dụ đang đóng ở Bồ Đề (Gia Lâm) liền đem quân qua sông cướp bóc, đốt cháy trụi nhiều phố xá trong kinh thành. Những người bị quân Nguyễn Hoàng Dụ giết chết không nhiều, song, trong số không nhiều người ấy có Vũ Như Tố. Lại cũng sách trên (quyển 26, tờ 30) chép rằng :

"Lúc ấy, Vũ Như Tố đang trông coi việc làm đại điện thì bị giết, mọi người đều chỉ hấn mà cười, có người còn nhổ nước bọt vào thân của hấn".

Lời bàn : Giữa thời đất nước điêu linh, dân tình khốn khổ mà đang lòng tàu vua xin xây đại điện và cầu trùng dài, thì lời tàu xin ấy chẳng khác gì một tội ác. Cái chức Đô đốc của Vũ Như Tố sao mà gớm giếc đến thế !

Trịnh Duy Sản giết vua, Nguyễn Hoàng Dụ không giết Trịnh Duy Sản mà giết Vũ Như Tố, thế mới biết Vũ Như Tố bị căm ghét biết ngần nào ! Ôi, chết rồi còn bị nhỏ nước bọt vào thầy, nhục ấy làm sao mà rửa được ?

Vũ Như Tố, dám hỏi hồn thiêng ông rằng, đã có tài nghệ được cách xây đại điện và cầu trùng dài cho vua, sao chẳng có chút tài nghệ cách xây cho mình một chốn yên thân còn con, để đến nỗi ngàn năm còn phơi mặt dính đầy nước bọt khinh rẻ của người đời trong sử sách ?

61 - CÁI CHẾT CỦA CHỦ KHẢI, TRỊNH HỤY VÀ NGÔ BÍNH

7 háng 7 năm Mậu Dần (1518) đời vua Lê Chiêu Tông, Thiết Sơn Bá là Trần Chân bị giết chết. Trước đó một năm, Trần Chân có công đánh đuổi được Nguyễn Hoàng Dụ về Thanh Hóa, vì thế, ông sinh ra kiêu ngạo. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 26, tờ 38) chép :

"Trước đó, đánh đuổi được Nguyễn Hoàng Dụ xong, Trần Chân bèn vợ hết quyền hành về mình, khiến cho đến cả Mạc Đăng Dung cũng phải kiêng nể. Đăng Dung bèn hỏi con gái Trần Chân cho con trai của mình là Đăng Doanh. Bấy giờ, có người hiểu sự làm thơ theo lối sấm ngôn rằng :

*Trần hữu nhất nhân,
Vi thiên hạ quân,
Thổ đầu hổ vĩ,
Tế thế an dân.*

(Nghĩa là : Họ Trần có một người, làm vua thiên hạ, đầu hổ mà đuôi cọp, giúp đời yên dân).

Nhân chuyện này, Quốc cữu (cậu của vua - ND) là Chủ Khải và bọn Thọ Quốc công Trịnh Hựu, Thụy Quận công Ngô Bính, hợp mưu tính rằng :

- *Trần hữu nhất nhân* tức ám chỉ Trần Chân

- *Thổ đầu hổ vĩ* tức ám chỉ biến loạn sẽ xảy ra vào cuối năm Dần (năm Dần cầm tinh con cọp - ND) và đầu năm Mão (năm Mão là năm cầm tinh con mèo, song cũng có nơi cho là năm cầm tinh con thỏ - ND).

Chúng cùng sợ cuối năm Dần, đầu năm Mão có biến, bèn khuyên Nhà vua phải sớm trừ liệu đi.

Đến nay (tháng 7 năm 1518 - ND) Vua cho triệu Trần Chân vào cung cấm rồi hạ lệnh đóng kín cửa thành và sai võ sĩ bắt Trần Chân trèo lên thành để chạy, người giữ cửa bắt được, đem chém.

Bấy giờ, bộ tướng của Trần Chân là bọn Hoàng Duy Nhạc, Nguyễn Kính và Nguyễn Áng nghe tin Trần Chân bị giết, liền đem quân xông vào cửa Đại Hưng, nhưng bị người giữ cửa chống lại, không sao vào được. Nhà vua tự mình thống suất quân sĩ tuần hành ở phía trong thành, đồng thời sai người giơ cao đầu Trần Chân cho ai ai cũng thấy. Bọn Kính, Áng bèn rút lui về tụ họp ở Yên Lãng rồi sau lại đưa quân đánh vào kinh thành. (Vì bị bất ngờ), đang đêm, Vua phải chạy sang Gia Lâm lánh nạn, sáng hôm sau lại đến Dương Quang (nay thuộc Bắc Ninh - ND), vào nhà Đô lục sĩ là Đàm Cử, quá trưa vẫn chưa có cơm ăn".

Giết Trần Chân, Vua trừ được một kẻ kiêu rông, nhưng chính Vua lại tự tiêu hao thực lực của mình. Đúng lúc đó, Mạc Đăng Dung ra tay. Cũng sách trên (quyển 26, tờ 39 và 40) chép tiếp :

"Nhà vua ở Dương Quang, hạ lệnh triệu Đăng Dung ở Hải Dương về. Đăng Dung đến bái yết Vua xong thì cho quân thủy đóng ở sông Nhị, lấy cớ là Vua ở Dương Quang xa xôi cách trở, nay xin chuyển về bến Bồ Đề để tiện việc thủy quân châu chực hộ vệ. Đăng Dung còn mặt bàn cùng bọn Kính và Áng, nói rằng, việc giết chết Thiết Sơn Bá (tức Trần Chân - ND) là do lời gièm

pha của bọn Chủ Khải, Trịnh Hựu và Ngô Bính, nay nếu giết cả ba người ấy đi thì vua tôi lại (được bình an) như cũ, chứ không ai dám có mưu toan gì. Đàm Cử cũng tán thành. Bởi vậy, Nhà vua bèn giết bọn Chủ Khải, tất cả ba người, hồng cứu vớt hoạn nạn, nhưng sau đó, bọn Kính, Áng lại càng kiêu ngạo hoành hành, nắm hết cả quyền bính chứ không chịu buông tha".



Tượng Bà Đậu (chùa Đậu)

Lời bàn : Cổ nhân dạy rằng, kiêu rông là tự hại mình, kiêu rông với vua kém tài ít đức là tự nhận lấy cái chết cho mình. Ngẫm chuyện Trần Chân mà thấy lời ấy thật đúng lắm thay !

Thói thường, vua u tối thì tàn bạo và càng tàn bạo thì càng u tối. Cho nên, Lê Chiêu Tông trừ được Trần Chân mà có diệt hết được nạn chuyên quyền đầu. Mất Trần Chân lại có Mạc Đăng Dung, chuyện ấy chẳng có gì là lạ.

Thương thay Chử Khải, Trịnh Hựu và Ngô Bình. Sử không cho hay chư vị lúc ấy xuân xanh đã được bao nhiêu, song, xem phép xử thế thì thấy chư vị ấy sao mà còn ngây thơ quá. Kẻ từng có công như Trần Chân mà còn bị Vua giết bỏ, bảo Vua ngại gì mà chẳng giết chư vị. Bấy giờ, Vua chỉ thương Vua chứ nào có thương ai ?

Đục nước béo cò, trong chỗ đẩy đưa không ngờ của thế sự, Mạc Đăng Dung đã sớm khẳng định được quyền uy. Chẳng biết nên nói đó là may hay là họa cho xã tắc. Xét việc thời loạn, khó thay !

62 - NGÀY TÀN CỦA CHIÊU TÔNG

7ừ năm 1520, Mạc Đăng Dung chỉ chuyên lo củng cố thế lực của mình. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 27, tờ 1) viết rằng :

"Đăng Dung xin được nắm tất cả binh quyền, nói như thế sẽ tiện việc can quét giặc giã hơn. Quan Lễ bộ thượng thư là Phạm Gia Mô (người có quan hệ thông gia với Mạc Đăng Dung - ND) nói rằng, nếu để binh quyền phân tán khắp cả năm phủ (đó là Đông quân, Tây quân, Nam quân, Bắc quân và Trung quân - ND) thì Đăng Dung khó có thể làm hết những gì mình đáng phải làm. Nói rồi, Gia Mô hết sức đề nghị đồng liêu cùng bảo cử Đăng Dung. Nhà vua từ đó liền cho Đăng Dung tiết chế hết quân doanh thủy bộ khắp cả mười ba đạo và dùng Gia Mô làm Tán lí quân vụ. Vậy là hết thủy quân đội tinh nhuệ cùng khí giới sắc bén cả nước từ đấy nằm gọn trong tay Đăng Dung".

Cũng sách trên (quyển 27, tờ 3) viết tiếp :

"Khi ấy, Đăng Dung chuyên quyền chinh phạt, uy thế ngày càng lớn, lòng người hướng dẫn về Đăng Dung. Kẻ thân tín của Đăng Dung là Phạm Gia Mô cùng phe đảng chia nhau nắm giữ

quyền bính trong triều. Hữu đô đốc là Vũ Hộ (em rể Đàng Dung) làm Tổng trấn Sơn Tây, hai đảng cùng ngầm trao tin tức cho nhau. Bà con và bè đảng Đàng Dung đầu đầu cũng có, cấu kết mật thiết với nhau. Bọn quan Thượng thư như Trình Chí Sâm và Nguyễn Ung cũng hòa theo.

Đàng Dung tiến Vua một người con gái nuôi của mình, được Vua cho làm tần ngự trong cung. Người này theo dõi mọi động tĩnh của Nhà vua. Đàng Dung lại cho em là Quyết coi quân túc vệ và con trai là Đàng Doanh giữ điện Kim Quang. Đàng Dung còn tiếm dùng thuyền rồng và lọng phượng, ra vào cung cấm không chút dè sợ gì cả. Những người tâm phúc của Nhà vua như Thự Vệ là Nguyễn Cấu, Đô lục sĩ là Nguyễn Thọ và Đàm Cử... đều bị Đàng Dung giết hết".

Khi Nhà vua thấy rõ nguy cơ thì đã quá trễ. Tháng 7 năm 1522, Lê Chiêu Tông mật bàn kế trừ Mạc Đàng Dung nhưng cơ mưu chẳng thành, phải bỏ kinh thành bốn tẩu khắp đó đây và những người tin cẩn của Nhà vua lại tiếp tục bị Đàng Dung hãm hại.

Tháng 8 năm 1522, Mạc Đàng Dung lập một người em của Lê Chiêu Tông là Hoàng Đệ Xuân lên ngôi bù nhìn. Tháng 10 năm 1525, Lê Chiêu Tông bị Mạc Đàng Dung bắt, đem giam ở phường Đông Hà (Hà Nội), và đến tháng 12 năm 1526, Mạc Đàng Dung giết Lê Chiêu Tông rồi tự lập làm vua.

Lời bàn : Lê Chiêu Tông hiếu sát mà vô mưu, xét việc trước sau đều rất nông cạn. Mạc Đàng Dung sớm nuôi tham vọng, nhưng xem ra, chính Lê Chiêu Tông đã vô tình giúp Mạc Đàng Dung chóng đạt tham vọng đó. Bởi nông cạn, Lê Chiêu Tông không bao giờ tiên liệu được những mối nguy luôn rình rập mình, thời thì âu cũng là bởi vận số nhà Lê vậy.

Song le, giữa cuộc khủng hoảng cung đình với sự yên trị của một Lê Chiêu Tông bất tài và sa đọa, thật khó có thể nói đảng nào bất hạnh hơn.

Chương đầu của lịch sử triều Hậu Lê đến đó là hết. Một trăm năm nào phải đã dài, vậy mà thịnh đó rồi lại suy đó, tiếc thay !

NIÊN BIỂU THỜI LÊ SƠ

Sau khi lãnh đạo nhân dân cả nước đánh đuổi giặc Minh đô hộ ra khỏi bờ cõi, lãnh tụ của phong trào Lam Sơn là Lê Lợi đã lên ngôi Hoàng đế, sáng lập ra nhà Hậu Lê. Trên danh nghĩa, nhà Hậu Lê chiếm giữ vũ đài chính trị đến 360 năm (1428 - 1788), nhưng, đó hoàn toàn chỉ là danh nghĩa, quyền lực thực sự của họ Lê chỉ có trong khoảng một trăm năm đầu, sử gọi đó là *thời Lê Sơ*.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung giết chết vua Lê Chiêu Tông và lập ra triều Mạc. Những người thuộc lực lượng đối nghịch với Mạc Đăng Dung đã chạy vào Thanh Hóa, tìm người tôn thất nhà Lê để đưa lên ngôi, nhằm tạo ra ngọn cờ chính trị cho mình trong cuộc chiến tranh lâu dài với họ Mạc. Sử gọi đó là *chiến tranh Lê - Mạc* hay *chiến tranh Nam - Bắc Triều*. Cuối thế kỉ XVI, Nam Triều giành được phần thắng và trở về với cố đô Thăng Long, sử gọi đó là *thời Lê Trung Hưng*. Từ ngày trở về được với Thăng Long, vua Lê dần dần mất hết quyền hành, chúa Trịnh càng ngày càng trở nên chuyên quyền và độc đoán. Các vua Lê chỉ còn là những kẻ hữu danh vô thực, thậm chí, chỉ tồn tại trong khuôn khổ cho phép của các chúa Trịnh mà thôi. Sử gọi đó là *thời Lê Mạt*.

Cũng như ở các tập trước, ở tập 63 *giai thoại thời Lê Sơ* này, chúng tôi cố gắng lập một bảng niên biểu giản lược, cốt để bạn đọc tiện theo dõi hoặc tra cứu khi cần thiết. Bảng này kê đủ họ tên thật, cha sinh mẹ đẻ, thời gian ở ngôi và tuổi thọ của từng vua. Tất cả ngày tháng ghi trong niên biểu này đều là ngày tháng âm lịch. Riêng năm, ngoài việc kê tên theo can chi, chúng tôi còn ghi chú ngay trong ngoặc đơn bên cạnh, thứ tự của năm tính theo dương lịch.

1 - LÊ THÁI TỔ (1428 - 1433) : Tên thật là Lê Lợi, sinh ngày 6 tháng 8 năm Ất Sửu (1385) tại Chủ Sơn, Lôi Dương, Thanh Hóa. Cha là Lê Khoáng, sau được tôn phong là Tuyên Tổ Phúc Hoàng đế. Mẹ

là Trịnh Thị Ngọc Thương, sau được tôn phong là Trinh Từ Ý Văn Hoàng thái hậu. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hóa) ngày mồng hai tết năm Mậu Tuất (1418), xưng là Bình Định Vương. Sau hơn mười năm chiến đấu ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi khởi xướng và lãnh đạo đã giành toàn thắng. Ngày 15 tháng 4 năm 1428, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế. Ông ở ngôi gần 6 năm, mất ngày 22 tháng 8 năm Quý Sửu (1433), thọ 48 tuổi.

2 - LÊ THÁI TÔNG (1433 - 1442) : Tên thật là Lê Nguyên Long, con của Lê Thái Tổ, do bà Phạm Hoàng hậu (húy là Phạm Ngọc Trần) sinh vào ngày 21 tháng 11 năm Quý Mão (1423). Tháng 3 năm 1428, Lê Nguyên Long được phong là Lương Quận công và ngày 6 tháng 1 năm 1429, được phong làm Hoàng thái tử. Ngày 8 tháng 9 năm Quý Sửu (1433) được nối ngôi. Thái Tông ở ngôi 9 năm, mất ngày 4 tháng 8 năm Nhâm Tuất (1442), thọ 19 tuổi.

3 - LÊ NHÂN TÔNG (1442 - 1459) : Tên thật là Lê Bang Cơ, con thứ ba của Lê Thái Tông, mẹ là Tuyên Từ Hoàng thái hậu (húy là Nguyễn Thị Anh, người ở Bồ Vệ, Đông Sơn, Thanh Hóa). Vua sinh ngày 9 tháng 6 năm Tân Dậu (1441), ngày 16 tháng 11 năm 1441 được lập làm Hoàng thái tử, và ngày 8 tháng 12 năm Nhâm Tuất được lên nối ngôi. Vua ở ngôi 17 năm, thọ 18 tuổi.

4 - LÊ NGHI DÂN (1459 - 1460) : Nguyên là con trưởng của Lê Thái Tông, do bà Dương Thị Bí sinh vào tháng 6 năm Kỉ Mùi (1439), đến tháng 3 năm Canh Thân (1440) thì được phong làm Hoàng thái tử, nhưng sau bị giáng truất làm Lạng Sơn Vương. Ngày 3 tháng 10 năm Kỉ Mão (1459), Lê Nghi Dân cùng đồ đảng nổi dậy giết chết vua Lê Nhân Tông mà tự lập làm vua, ngày 6 tháng 6 năm Canh Thìn (1460) thì bị triều thần giết chết. Nghi Dân ở ngôi 8 tháng, thọ 21 tuổi.

5 - LÊ THÁNH TÔNG (1460 - 1497) : Tên thật là Lê Tư Thành, con thứ tư của Lê Thái Tông, do bà Ngô Thị Ngọc Dao sinh vào ngày 20 tháng 7 năm Nhâm Tuất (1442). Năm Ất Sửu (1445) được phong là Bình Nguyên Vương. Ngày 8 tháng 6 năm Canh Thìn (1460), sau khi Lê Nghi Dân bị giết, ông được quần thần tôn lên ngôi. Lê Thánh Tông ở ngôi 37 năm, mất ngày 30 tháng giêng năm Đinh Tị (1497), thọ 55 tuổi.

6 - LÊ HIẾN TÔNG (1497 - 1504) : Tên thật là Tranh, lại có tên là Huy, con trưởng của Lê Thánh Tông. Thân mẫu của vua là bà Nguyễn Thị Hằng, người quê ở Gia Miêu, Ngoại Trang, huyện Tống Sơn (Thanh Hóa), con gái của Trịnh Quốc công Nguyễn Đức Trung, sau bà được tôn phong là Trường Lạc Thái hậu. Vua sinh ngày 10 tháng 8 năm Tân Tị (1461), được phong làm Thái tử vào tháng 3 năm 1462, lên nối ngôi từ tháng 2 năm Đinh Tị (1497), ở ngôi gần 8 năm, mất ngày 24 tháng 5 năm Giáp Tí (1504), thọ 43 tuổi.

7 - LÊ TÚC TÔNG (1504) : Tên thật là Thuần, con thứ ba của Lê Hiến Tông (Lê Hiến Tông có tất cả 6 người con trai). Thân mẫu của Vua là bà Nguyễn Thị Hoàn, quê ở xã Bình Lăng, huyện Thiên Thi, nay là huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Bà vốn là Quý phi của Lê Hiến Tông, sau được Túc Tông tôn phong là Trang Thuận Minh Ý Hoàng thái hậu. Vua sinh ngày 03 tháng 8 năm Mậu Thân (1488), được lập làm Thái tử tháng 12 năm Kì Mùi (1499), lên ngôi tháng 6 năm Giáp Tí (1504), ở ngôi được 6 tháng thì mất vào tháng 12 năm 1504, thọ 16 tuổi.

8 - LÊ UY MỤC (1505 - 1509) : Tên thật là Tuấn, lại có tên khác là Huyền, con thứ hai của Lê Hiến Tông (anh của Lê Túc Tông). Thân mẫu của Vua là bà Nguyễn Thị Cận, quê xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn (thuộc Bắc Ninh), sau được tôn phong là Chiêu Nhân Hoàng thái hậu. Vua sinh ngày 5 tháng 5 năm Mậu Thân (1488), lên ngôi tháng 12 năm 1504, ở ngôi 5 năm, bị giết ngày 1 tháng 12 năm 1509, thọ 21 tuổi.

9 - LÊ TƯƠNG DỤC (1510 - 1516) : Tên thật là Oánh, lại có tên khác là Trừ. Vua là con của Kiến Vương Tân và bà Trịnh Thị Tuyên (người xã Thủy Chú, huyện Lôi Dương, nay là Thọ Xuân, Thanh Hóa. Bà là con gái của quan Đô đốc thiêm sự tả tôn chính Trịnh Trọng Phong). Dưới thời Lê Hiến Tông, Vua được phong là Giản Tu Công. Khi Lê Uy Mục lên ngôi, Vua chạy về Thanh Hóa. Tháng 10 năm 1510 được quân thần tôn lên ngôi để lật đổ Lê Uy Mục. Vua ở ngôi gần 7 năm, bị giết vào ngày 7 tháng 4 năm Bính Tí (1516), thọ 23 tuổi.

10 - **LÊ CHIÊU TÔNG (1516 - 1522)** : Tên thật là Y, lại có tên là Huệ, con của Cẩm Giang Vương Sùng, cháu đích tôn của Kiến Vương Tân. Thân mẫu của vua là bà Trịnh Thị Loan, người xã Phi Bạo, huyện Thanh Chương, nay thuộc Nghệ An. Vua sinh ngày 4 tháng 10 năm Bính Dần (1506), lên ngôi ngày 08 tháng 4 năm Bính Tí (1516), ở ngôi 6 năm (1516 - 1522), bỏ kinh đô chạy vào Thanh Hóa ngày 18 tháng 10 năm Nhâm Ngọ (1522), bị giết vào tháng 12 năm Canh Dần (1530), thọ 24 tuổi.

11 - **LÊ CUNG HOÀNG (1522 - 1527)** : Tên thật là Xuân, lại có tên khác là Khánh, em cùng mẹ với Lê Chiêu Tông, vì thế, sử thường gọi là Hoàng Đệ Xuân. Sinh ngày 26 tháng 7 năm Đinh Mão (1507), lên ngôi tháng 12 năm 1522 (khi Lê Chiêu Tông chạy vào Thanh Hóa), ở ngôi 5 năm. Tháng 6 năm Đinh Hợi (1527), bị Mạc Đăng Dung cướp ngôi, sau đó vài tháng thì bị giết, thọ 20 tuổi.

*

* *

Như vậy, thời Lê Sơ có tất cả 11 vua, đó là chưa kể vua Lê Quang Trị, lên ngôi tháng 4 năm 1516, mới được 3 ngày, chưa kịp đặt niên hiệu đã bị đưa vào Thanh Hóa rồi chết ở trong đó.

Trong số 11 vị vua thời Lê Sơ, chúng ta thấy :

- Vua thọ nhất là Lê Thánh Tông (55 tuổi), vua qua đời sớm nhất là Lê Túc Tông (16 tuổi). Ngoài Lê Túc Tông, thời Lê Sơ còn có 7 vị vua khác tuổi đời từ dưới 20 đến 24 tuổi.

- Trong số 11 vị vua thời Lê Sơ thì có đến 6 vị vua (Nhân Tông, Nghi Dân, Uy Mục, Tương Dực, Chiêu Tông và Cung Hoàng) bị giết.

- Vua ở ngôi lâu nhất là Lê Thánh Tông (37 năm) và vua ở ngôi ngắn nhất là Lê Túc Tông (6 tháng) và Lê Nghi Dân (8 tháng).

- Vua lên ngôi sớm nhất là Lê Nhân Tông (lúc mới hơn 1 tuổi). Vua lên ngôi muộn nhất là Lê Thái Tổ (43 tuổi) và Lê Hiến Tông (36 tuổi).

LỜI CHÚ CUỐI SÁCH

Do có nguồn gốc trực tiếp từ các bộ chính sử cũ, sách này không sao tránh khỏi việc sử dụng các khái niệm và từ cổ, rất khó dịch. Để giúp bạn đọc khỏi mất công tra cứu, chúng tôi viết thêm Lời chú cuối sách. Lời chú các từ cổ và khái niệm xưa được sắp xếp theo thứ tự vần chữ cái của tiếng Việt. Ngay sau tên các khái niệm và từ cổ, chúng tôi để số thứ tự của các giải thoại trong ngoặc đơn, cốt làm cho bạn đọc tiện tra ngược trở lại. Đây chỉ mới là lời chú gọn nhất, và hầu hết lời chú này chỉ đúng với thời Lê Sơ mà thôi.

Á THƯỢNG HẦU (31) : Tên tước vị. Tước Hầu gồm năm bậc cao thấp khác nhau : Quốc hầu, Quận hầu, Huyện hầu, Hương hầu và Đình hầu. Mỗi bậc lại còn có ba hàng cao thấp khác nhau nữa, đó là Thượng hầu, Á thượng hầu và Hầu. Đây có lẽ là tước Quốc Á thượng hầu, vì chẳng bao lâu sau đó, Lê Ngân được phong lên tước Quốc thượng hầu.

AI LAO (02) : Tên vương quốc. Nay, vương quốc này thuộc lãnh thổ Lào.

AN BANG (56) : Tên đất. Đất này nay thuộc Hải Phòng và một phần tỉnh Quảng Ninh.

AO CỐN (27) : Áo lễ của nhà vua.

ẤN VÀNG (05) : Quả ấn bằng vàng. Như đã nói trong lời mở đầu, do không có nguyên bản chữ Hán *Đại Việt thông sử*, cho nên, những giải thoại lấy từ *Đại Việt thông sử*, chúng tôi đều mượn bản dịch của ông Ngô Thế Long. Không rõ vì sao ông Ngô Thế Long lại dịch : *ấn vàng (kim phù)*. Thực ra, ấn vàng không phải là *kim phù*.

ẤN TRUYỀN QUỐC (53) : Quả ấn truyền từ đời vua này đến đời vua khác trong thời trị vì của một dòng họ nào đó. Đây chỉ quả ấn truyền qua nhiều đời vua Lê.

BẢN TÂM (15) : Tấm lòng vốn có của mình. Đây chỉ tấm lòng nhân đức vốn có của Lê Lợi.

BÁC TẾ PHỤ (40) : Quan đầu triều, quan có tước vị và chức hàm lớn nhất triều đình.

BÍ THƯ GIÁM XÁ NHÂN (54) : Chức quan nhỏ, lo giữ giấy tờ, tài liệu lưu trữ của triều đình.

BÌNH CHƯƠNG QUÂN QUỐC TRỌNG SỰ (05), (28) : Thời vua Lê Thái Tổ, đây là vinh hiệu ban tặng thêm cho một số công thần khai quốc. Thời vua Lê Thánh Tông đến thời vua Lê Uy Mục, vinh hiệu này bị bỏ. Từ thời vua Lê Tương Dực (1510 - 1516) trở đi, vinh hiệu này được dùng để ban tặng cho quan Tế tướng.

BỔ ÁI (07) : Tên đất. Đất này thuộc phía Nam tỉnh Nghệ An.

CẦU KÊNH (37) : Tên đất, nay thuộc Hà Nội.

CẨM BÀNH (06) : Tướng của nhà Minh.

CÔNG PHỤC (27) : Trang phục của quan lại mặc lúc vào triều làm việc, khác với lễ phục là trang phục mặc lúc dự lễ.

CỤC TẢ BAN TẮT TÁC (19) : Tên một bộ phận thợ thủ công của triều đình. Bộ phận này do Bộ Công quản lí.

CUNG VƯƠNG KHẮC XƯƠNG (44) : Tước hiệu (là Cung Vương) của Hoàng tử Lê Khắc Xương (con của vua Lê Thái Tông). Cung Vương Khắc Xương cũng chính là Tân Bình Vương.

CỬA BẢO KHÁNH (57) : Tên cửa trong kinh thành Thăng Long. Cửa này nay không còn vết tích gì nữa.

CỬA ĐẠI HUNG (50) : Tên cửa trong kinh thành Thăng Long. Cửa này nay không còn vết tích gì nữa.

CỬA LÊ CẢNH (56) : Tên cửa trong kinh thành Thăng Long. Cửa này nay không còn vết tích gì nữa.

CỬA THÁI MIẾU (55) : Tên cửa trong kinh thành Thăng Long. Cửa này dẫn vào nhà Thái Miếu là nhà thờ các vị vua đã quá cố. Nay không còn vết tích gì nữa.

CỬA THÁI HỌC (57) : Tên cửa trong kinh thành Thăng Long. Cửa này nay không còn vết tích gì nữa.

CỬA THANH DƯƠNG (55) : Tên cửa trong kinh thành Thăng Long. Cửa này nay không còn vết tích gì nữa.

CHỈ HUY ĐỒNG TRI (9) : Chức võ quan trong bộ chỉ huy đội quân làm nhiệm vụ thường trực bảo vệ ở hoàng thành, có hàm từ Tam phẩm trở xuống.

CHIẾT TỰ (37) : Tách một chữ Hán thành từng bộ hoặc từng nét để có thể diễn đạt thành một ý khác với nguyên nghĩa của chữ, hoặc giả là để bói.

CHIẾU NGHI (01) : Tên đất. Đất này nay thuộc Lam Sơn, Thanh Hóa.

CHỦ BẠ NAM ĐẠO (40) : Chức quan giúp việc ở Thừa Ti của Nam Đạo. Nam Đạo là vùng đất tương ứng với một phần của tỉnh Hải Dương, cộng với các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Bắc Ninh, Thái Bình.

CHÙA KIM CỔ THIÊN HOA (60) : Tên chùa. Chùa này ở Hà Nội.

CHUYỂN VẬN PHÓ SỨ HUYỆN VĂN BÀN (40) : Chức quan giúp việc thu nạp các khoản thuế của huyện Văn Bàn. Huyện Văn Bàn thuộc phủ Quy Hóa, thừa tuyên Hưng Hóa. Nay huyện này thuộc về vùng phía nam của đất Tuyên Quang. Xét về thứ bậc, trên chức Phó sứ còn có chức Chánh sứ nữa (thừa tuyên là đơn vị hành chính địa phương lớn nhất thời Lê Sơ).

DANH SƠN ĐẠI XUYÊN VÀ THẦN KÌ CÁC XỨ (15) : Núi và sông lớn nổi tiếng linh thiêng, cùng các vị thần có lắm phép lạ ở khắp mọi xứ.

DƯƠNG QUANG (61) : Tên đất. Đất này nay thuộc Bắc Ninh.

DƯƠNG VŨ TĨNH NẠN CÔNG THẦN (28) : Vinh hiệu. Vinh hiệu này có nghĩa là : bậc võ tướng có công lớn trong thời kì hợp mưu cứu nạn nước (tức thời kì khởi nghĩa Lam Sơn).

ĐẠI LỘ (27) : Tên một loại xe riêng của vua. Xe này chỉ dùng để nhà vua dạo chơi trong hoàng thành, dùng người để kéo.

ĐẠI PHU (35) : Đầu thời Lê Sơ, Đại phu hay Gián nghị đại phu là chức quan lớn, làm việc ở Môn Hạ Sảnh. Chức này do hai người nắm giữ là Tả và Hữu. Từ thời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) trở đi, Đại phu chỉ là vinh hiệu dùng để ban tặng cho các quan cương trực mà thôi.

ĐẠI TƯ ĐỐC (20) : Là một trong Tam tư : Tư đồ, Tư mã và Tư không. Chức này bắt đầu có từ thời Trần (1225 - 1400), nhưng thật ra chỉ là vinh hiệu ban tặng thêm cho các bậc đại thần có họ hàng gần gũi với nhà vua mà thôi. Đầu thời Lê Sơ, chức này cũng được ban cho những bề tôi có công lớn. Đến đời vua Lê Thánh Tông, tất cả các chức Tam tư đều bị bỏ. Về thứ bậc, Tam tư ở dưới Tam công (hay Tam thái) là Thái sư, Thái phó, Thái bảo, cũng ở dưới Tam thiếu là Thiếu sư, Thiếu phó và Thiếu bảo.

ĐẠI ĐÔ ĐỐC, PHIÊU KỊ THƯỢNG TƯỚNG QUÂN, ĐẶC TIẾN KHAI PHỦ NGHĨ ĐỒNG TAM TI, THƯỢNG TRỤ QUỐC, QUỐC THƯỢNG HẦU (31) : Võ quan chức Đại đô đốc, hàm Phiêu kị thượng tướng quân, vinh hiệu là Đặc Tiến khai phủ nghị đồng tam ti, lại có vinh hiệu khác là Thượng trụ quốc, và tước vị là Quốc thượng hầu (cao nhất trong hàng tước Hầu).

ĐẠI YẾN (27) : Bữa tiệc lớn của triều đình.

ĐÀI QUAN (35) : Quan làm việc ở Ngự Sử Đài. Ngự sử Đài là cơ quan lo việc can gián vua, chỉ trích sai sót hoặc lỗi lầm của quan lại.

Chức này cũng gọi là Ngôn quan, Ngự sử quan...v.v.

ĐÀY CẬN XỨ (24) : Đày đi xứ gần. Tên hình phạt xưa. Hình phạt này nhẹ hơn hình phạt đày viễn xứ là đày đi xứ xa.

ĐÀY VIỄN XỨ (24) : Đày đi xứ xa. Tên hình phạt xưa.

ĐIỆN QUANG MỸ Ở PHƯỜNG LỆ VIÊN, HUYỆN QUẢNG ĐỨC (52) : Quang Mỹ là tên cung điện. Phường Lệ Viên là một trong những phường của kinh thành Thăng Long. Kinh thành Thăng Long lúc này, nếu tính cả khu vực ngoại vi thì có tất cả 61 phường. Thăng Long thuộc phủ Phụng Thiên, phủ này có hai huyện là Quảng Đức và Thọ Xương.

DIỆN TRƯỜNG QUANG (60) : Tên cung điện trong kinh thành Thăng Long.

ĐÔ CHỈ HUY THIÊM SỰ (9) : Chức võ quan có hàm từ Chánh tam phẩm trở xuống, tương tự như chức Điện tiền chỉ huy sứ thời Tiền Lê và thời Lý. Nhà Trần bỏ chức này, nhưng nhà Lê từ đời vua Lê Thánh Tông trở đi thì đặt lại.

ĐÔ ĐỐC (49) : Vua Lê Thánh Tông lập ra năm phủ quân là Trung quân, Đông quân, Tây quân, Bắc quân và Nam quân, mỗi quân đặt hai chức Đô đốc để cai quản, là Tả và Hữu đô đốc.

ĐÔ GIÁM TRUNG THỪA (29) : Thời Lê, đây là chức quan cao cấp, làm nhiệm vụ điều phối hoạt động của năm phủ quân.

ĐÔNG ĐẠO THAM TRI (34) : Chức quan đứng đầu Đông Đạo. Đông Đạo là vùng tương ứng với một phần của Hải Hưng cũ và toàn bộ Hải Phòng, Quảng Ninh ngày nay. Đầu thời Lê, triều đình lập ra cơ quan Khu Mật Viện, các quan giữ trọng trách ở cơ quan này gọi là Tham tri. Đến thời Lê Thánh Tông, chức quan đứng đầu mỗi đạo thì gọi là Tham tri.

ĐỒNG TỔNG QUẢN (23) : Chức võ quan, dưới quan Đại tổng quản và quan Tổng quản. Tất cả các quan ở hàng này đều ở dưới bậc Tướng quân.

GIA TÍNH MỤC ÔN CUNG NHU THUẬN, THÁI HOÀNG THÁI HẬU (52) : Tên thụy (tên đặt sau khi đã mất) của Thái hoàng thái hậu (tức bà nội). Bà là thân mẫu của vua Lê Hiến Tông (1497 - 1504), tức là bà nội của vua Lê Uy Mục (1505 - 1509).

GIÁM SÁT NGỰ SỬ (37) : Chức quan làm việc ở Ngự Sử Đài là cơ quan lo việc can gián vua và chỉ trích sai sót hoặc lỗi lầm của quan lại.

HẠ VỆ (23) : Chức hàm của võ quan hạng thấp.

HẢI TÂY ĐẠO ĐỒNG ĐÔ ĐỐC TỔNG QUẢN (28) : Hải Tây đạo là đạo Hải Tây. Đạo này tương ứng với các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên ngày nay. Đồng đô đốc cũng như Hữu đô đốc là chức võ quan ở dưới chức Tả đô đốc hay Đại đô đốc. Tổng quản ở đây không phải là chức hàm mà là bao quát mọi việc.

HÀN LÂM VIỆN THỊ GIẢNG, NGỤ TIẾN HỌC SINH CỤC PHÓ (29) : Chức quan ở viện Hàn Lâm, giúp việc học tập của nhà vua và Hoàng tử.

HÀO LỤC TAM TRONG QUÊ GIẢI (38) : Quê Giải là tên của một quê trong *Dịch kinh đại toàn* (quyển 10). Hào Lục Tam của quê này thuộc về âm, bản chất nhu mềm, chỉ có thể ở dưới, đưa lên là sai, cũng như trường hợp Nguyễn Thúc Huệ và Bùi Thì Hanh là kẻ thấp kém mà lại được cất nhắc lên ngôi vị cao là không được.

HOA HỒNG QUỲ (55) : Tên một loài hoa khi đã nở thì có thể tự xoay theo hướng Mặt Trời, cũng như hoa hướng dương vậy. Hoa quỳ nhỏ, có nhiều màu, hoa quỳ màu hồng thì gọi là hồng quỳ. Xưa, hoa quỳ, hoa hoắc được coi là biểu tượng của kẻ trung thành với bề trên.

HOA VĂN HỌC SINH (56) : Chức ngoại ngạch, làm việc ở Trung Thư Giám. Nhà Lê quy định số lượng Hoa văn học sinh gồm tất cả 100 người.

HỌC SĨ (20) : Người khoa bảng làm việc ở viện Hàn Lâm, dưới quyền của Đại học sĩ. Từ thời Lê Thánh Tông (1460 - 1497), chức này bị bỏ một thời gian khá dài.

HỘI THỂ LŨNG NHAİ (05) : Hội thể được Lê Lợi tổ chức năm 1416 tại Lũng Nhai (một vị trí ở gần Lam Sơn). Cũng có thể coi đây là lễ ra mắt dưới một dạng thức đặc biệt của Bộ chỉ huy Lam Sơn.

HÙNG TRƯỞNG (01) : Người có thể lực mạnh, đương nhiên được coi là đứng đầu một khu vực hay một địa phương nào đó.

HUỆ PHI (31) : Bậc thứ ba trong hàng thứ hai của vợ vua.

HƯ VỊ (17) : Có chức vị mà không có quyền hành gì cả.

HỮU ĐÔ ĐỐC (62) : Chức võ quan, dưới chức Tả đô đốc và cùng với quan Tả đô đốc trông coi một trong năm phủ quân.

HỮU TI (24) : Tên của một trong hai ban làm việc tại Môn Hạ Sảnh của triều đình là Tả và Hữu ti. Hữu ti lo việc cấp giấy tờ cho quan lại đi công cán ở trong cũng như ngoài nước. Tả ti và Hữu ti thời Lê khác hẳn với Tả ti và Hữu ti thời Lý - Trần. Thời

Lý - Trần, Tả ti và Hữu ti là hai ban lo việc giúp vua mỗi khi vua xuất hành đâu đó mà thôi.

HỮU TI THỊ LANG (34) : Quan làm việc ở Hữu ti, có hàm Thị lang là hàm ở dưới hàm Thượng thư và được cùng với Thượng thư, chịu trách nhiệm về hoạt động của một bộ nào đó.

KÌ LÃO (20) : Chức quan đặt ra mỗi khi cử sứ bộ ra nước ngoài. Chức này dưới quyền của quan Chánh sứ và quan Phó sứ.

KIỆU CHÍN RỒNG VÀ KIỆU BẢY RỒNG (27) : Kiệu riêng của nhà vua, ngoài có chạm 9 con rồng hoặc 7 con rồng tùy loại. Kiểu kiệu này vốn là của các Hoàng đế Trung Quốc.

KIM QUA, PHỦ VIỆT; CHÀNG PHUỐN, TINH KÌ, MAO TIẾT, CHUÔNG PHIẾN LONG NGŨ PHƯỢNG (27) : Qua vàng (qua là một loại vũ khí), búa rìu, các loại cờ quạt có thêu hình rồng và hình năm con phượng, tức những vật dụng đặc biệt của nhà vua.

KIM TỬ VINH LỘC ĐẠI PHU, TẢ LÂN HỔ VỆ TƯỚNG QUÂN, TƯỚC LIỆT HẦU (40) : Người ở hàng tước Hầu, chức Tướng quân cai quản Tả lân hổ vệ, hàm Kim Tử Vinh Lộc đại phu.

KHẢ LAM (01) : Tên đất. Đất này nay thuộc Lam Sơn, Thanh Hóa.

LAM SƠN (08) : Tên đất, cũng là tên cuộc khởi nghĩa do Lê Lợi lãnh đạo. Đất này nay thuộc tỉnh Thanh, Hóa. Khi khởi nghĩa, giải phóng đất đai tới đâu, Lê Lợi cho lập chính quyền tới đó. Hệ thống chính quyền này, người đương thời gọi là chính quyền Lam Sơn. Nhân thế, người ta cũng thường nói là quan lại Lam Sơn, chính sách Lam Sơn, quân pháp Lam Sơn...v.v.

LÀNG CHỦ SƠN, HUYỆN LÔI DƯƠNG (01) : Tên đất. Huyện Lôi Dương nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

LÀNG PHỦ CHẤN (56) : Tên làng, cũng là tên xã ở huyện Đông Ngàn, nay thuộc Bắc Ninh.

LẠNG SƠN VƯƠNG (41) : Tước Vương, hiệu là Lạng Sơn. Tước hiệu này là của Lê Nghi Dân, con của vua Lê Thái Tông.

LĂNG NGỰ THIÊN (57) : Tên lăng. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cho biết lăng này ở huyện Ngự Thiên. Huyện Ngự Thiên đặt từ thời Lý, đến thời thuộc Minh đổi là huyện Khâm Đức, thời Lê lấy lại tên cũ là Ngự Thiên, thời Nguyễn đổi là huyện Hưng Nhân. Như vậy, Ngự Thiên nay thuộc về Thái Bình. Tuy nhiên, chúng tôi có phần băn khoăn khi đọc lời chú này của sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Xin chờ kiểm chứng sau.

LỄ NGHI HỌC SĨ (33) : Người có học nhưng không có bằng cấp gì, lo việc dạy về lễ nghi. Chức này thời Lê Sơ, chừng như chỉ có Nguyễn Thị Lộ là người duy nhất được vua trao cho.

LÍNH NGŨ PHỦ (46) : Quân lính trong ngũ phủ, tức trong năm phủ quân (là Trung, Đông, Tây, Nam, Bắc phủ quân).

LÍNH TAM GIANG (13) : Lính ở đồn Tam Giang. Đồn này do quân Minh lập ra, cốt để án ngữ cả đường bộ lẫn đường thủy từ Vân Nam của Trung Quốc sang ta.

LỖ BỘ ĐẠI GIÁ (27) : *Lỗ bộ* là đồ binh khí gồm nhiều loại, mỗi loại một thứ, đem gộp lại để chưng. *Đại giá* là giá lớn, dùng để chưng những binh khí nói trên. Xưa, cung vua, công đường, dinh thự của quan lại và cả đền miếu... đều có bày *lỗ bộ* trên giá, cốt để tăng sự uy nghiêm.

LỖ BỘ TI ĐÓNG GIÁM (29) : Chức quan hàng phó ở *Lỗ Bộ Ti*. *Lỗ Bộ Ti* là cơ quan quản lí nghi trượng của vua và triều đình.

LỖI GIANG TRẤN PHỦ QUÂN, THƯỢNG TƯỚNG QUÂN (40) : Chức võ quan, hàm Thượng tướng, đứng đầu trấn *Lỗi Giang*.

MÃ LỘ (27) : Tên một loại xe riêng của vua, chỉ dùng để đi trên đường lớn và xa, lấy ngựa để kéo. Đây là kiểu xe bất chước của Trung Quốc.

MẶN LỆ (60) : Chỉ vua Lê Uy Mục. Nhà vua tên thật là Lê Tuấn, lại cũng có tên khác là Lê Huyền, con thứ hai của vua Lê Hiến Tông, sinh năm 1488, lên ngôi năm 1505, mất năm 1509, miếu hiệu là Lê Uy Mục. Nhà vua bị Lê Tương Dực cướp ngôi và giáng

xướng làm Mẫn Lệ Công nên người đời sau cũng nhân đó mà gọi Lê Uy Mục là Mẫn Lệ Công hay Mẫn Lệ.

MÔN HẠ HỮU TI LANG TRUNG, KIÊM THAM TRI TÂY ĐẠO (37) : Chức Lang trung, làm việc ở cơ quan Hữu ti, thuộc Môn Hạ Sảnh, kiêm quyền đứng đầu Tây Đạo (Tây Đạo là vùng từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên ngày nay).

MŨ CHÁU (27) : Loại mũ dùng để đội khi vào chầu triều. Mỗi hàng quan lại có một loại mũ chầu riêng.

MŨ MIỆN (27) : Mũ của nhà vua đội lúc thiết triều.

MŨ SA ĐEN (27) : Mũ bọc bằng sa màu đen, dành cho quan lại.

MUỐN CHO YÊN LÒNG DÂN MỚI QUY PHỤ (09) : Lời dịch của ông Ngô Thế Long. Xin đảo ngược lại cho dễ hiểu hơn : *Muốn cho dân mới theo về được yên lòng...*

NĂM QUANG THUẬN THỨ NHẤT (47) : Sử cũ chép việc theo thứ tự niên hiệu của nhà vua và thứ tự năm âm lịch, chứ không phải là theo thứ tự năm dương lịch như ngày nay. Vua Lê Thánh Tông đã đặt hai niên hiệu là Quang Thuận (1460 - 1469) và Hồng Đức (1470 - 1497). Như vậy, năm Quang Thuận thứ nhất là năm 1460.

NỘI MẬT VIỆN (20) : Cũng tức là Khu Mật Viện, cơ quan cao nhất của triều đình về các vấn đề dân sự của quốc gia. Từ thời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) trở đi, cơ quan này bị bãi bỏ, đến đời vua Lê Chiêu Thống mới lập lại.

NỘI MẬT VIỆN THAM TRI (34) : Chức quan ở hàng thứ năm trong cơ quan Nội Mật Viện, sau Chánh sứ, Phó sứ, Tri viện sự và Đồng tri.

NỘI NHÂN PHÓ CHƯỞNG (29) : Tên chức quan hầu cận nhà vua, ở sau bậc Nội nhân chánh chưởng.

NGHI TRƯỢNG (27) : Cách chung các đồ binh khí.

NGŨ HÌNH VIỆN (35) : Cũng tức là Hình Viện. Cơ quan này, cuối thời Trần mới đặt, lúc đó gọi là Tự, đầu thời Lê bị bỏ, đến đời

vua Lê Thánh Tông thì tái lập và đổi gọi là Viện. Hình Viện trông coi về án kiện, xét xử và ngục tụng.

NGỰ MÃ (55) : Ngựa riêng của vua.

NGỰ TIẾN HỌC SINH CỤC PHÓ (29) : Chức quan đứng hàng thứ hai của cơ quan quản lí các chức ngoại ngạch trong triều. Chức này đứng sau chức Chánh sứ.

NGỰ TƯỢNG (55) : Voi riêng của vua.

NGOẠI THÍCH Ờ HOA LĂNG (55) : Hoa Lăng là tên xã, xã này xưa thuộc huyện Thủy Đường, nay là huyện Thủy Nguyên, Quảng Ninh. Ngoại thích nghĩa là họ ngoại, đây chỉ bà con bên ngoại của vua Lê Uy Mục.

NGÀY CHÍNH ĐÁN (27) : Ngày mồng một tết. Ngày sinh của các vua cũng gọi là ngày Chính Đán.

NGÀY KHÁNH TIẾT (27) : Ngày mừng lễ lớn.

NGUY TRUNG (23) : Bể tội xiêm nịnh của Trung Quốc đời Đường Thái Tông.

NHÀ NHUẬN HỒ (15) : Tức nhà Hồ (1400 - 1407). Sử cũ coi nhà Hồ là kẻ thoán nghịch, không phải dòng vua chính thống, nên thường chép là nhà nhuận Hồ.

NHÀ TẮM ĐIỆN (53) : Nhà ngủ của vua.

NHẢ NHẠC (27) : Âm nhạc tao nhã, chính đáng.

NHẠC CỬ TẤU (27) : Nhạc gồm chín loại nhạc cụ cùng hòa âm.

NHẠC THƯỜNG TRIỀU (27) : Nhạc cử trong các buổi thiết triều bình thường (thường dùng nhạc ngũ tấu là loại nhạc dùng 5 thứ nhạc cụ cùng hòa âm), khác với nhạc cử trong các buổi thiết đại triều (các buổi thiết triều lớn) là nhạc cử tấu (là loại nhạc dùng 9 loại nhạc cụ cùng hòa âm).

NHÂN MỤC (55) : Tên đất. Đất này nay thuộc huyện Từ Liêm, ngoại ô của thành phố Hà Nội.

NHÂN VÔ THẬP TOÀN (17) : Người ta không ai được mười phen mười, nghĩa là không ai được trọn vẹn hoàn hảo cả.

NHẬP NỘI SUY TRUNG TÁN LÝ DƯƠNG VŨ CÔNG THẦN, KIỂM LỖI GIANG TRẦN PHỦ QUÂN, THƯƠNG TƯỚNG QUÂN (40) : Võ quan có công, hàm Tán lý (ngang với Tam thái nhưng được tham dự bàn việc quân cơ), nguyên là công thần khai quốc, hiệu là Thượng tướng quân, kiêm giữ chức đứng đầu trấn Lỗi Giang.

PHỦ CHẤN (55) : Tên làng. Xưa, làng này thuộc huyện Đông Ngàn. Nay, làng này thuộc Bắc Ninh.

PHỤ ĐẠO (01) : Người đứng đầu một địa phương nào đó.

PHỦ DOÃN PHỦ PHỤNG THIÊN (59) : Quan đứng đầu phủ, nếu phủ ấy cũng là đất đóng đô của nhà vua thì gọi là Phủ Doãn. Phủ Phụng Thiên lúc bấy giờ là Hà Nội ngày nay. Phủ này quản lĩnh hai huyện là Quảng Đức và Thọ Xương.

PHỦ HẠ NAM SÁCH (34) : Tên đất. Đất Phủ Hạ Nam Sách nay là Hải Dương.

PHIÊU KỊ THƯƠNG TƯỚNG QUÂN (31) : Thời Trần, chức này chỉ để phong cho Hoàng tử. Đầu thời Lê, chức này được dùng để phong cho các bậc công thần khai quốc. Trong hàng tướng quân, đây là bậc cao nhất.

PHONG THỦY (02) : Nghề coi hướng đất và mạch đất tốt xấu để cất nhà, làm mồ mả...v.v.

MŨ PHỐC ĐÁU (27) : Tức mũ cánh chuồn.

PHƯƠNG VẬT (20) : Sản vật địa phương, đặc sản.

QUAN HIỆU ÚY (60) : Võ quan trông coi một nha hay một vệ quân nào đấy trong số các vệ quân thường trực của triều đình. Quan này thường có tước vị hàng tòng lục phẩm.

QUAN LANG TRUNG (35) : Chức quan làm việc ở Tả Tì và Hữu Tì của Môn Hạ Sảnh hoặc ở sáu bộ. Lang trung ở dưới Thị lang và Thượng thư. Quan Thượng thư thường có tước tòng Nhị phẩm, Thị lang thường có tước tòng Tam phẩm, trong lúc đó quan Lang trung chỉ có tước Chánh lục phẩm mà thôi.

QUAN NGŨ HÌNH (35) : Quan trông coi việc xử phạt tội nhân trong cơ quan Ngũ Hình Viện.

QUAN THÁI BẢO (48) : Quan có hàm Thái bảo. Thái bảo là một trong Tam thái, gồm Thái sư, Thái phó và Thái bảo. Các quan này đều có tước chánh nhất phẩm.

QUÂN KIM NGÔ HỮU VỆ (57) : Quân lính ở vệ Kim Ngô. Lúc này, quân Kim Ngô chia làm Tả và Hữu Vệ. Vệ là tên đơn vị quân đội thường trực ở kinh đô.

QUÂN TÚC VỆ (62) : Đội quân thường trực, chuyên lo bảo vệ nhà vua.

QUÁN CHẤN VŨ (60) : Tên quán. Quán này nằm trong kinh thành, nay không còn vết tích gì nữa.

QUẬN THƯỢNG HẦU (40) : Bậc thứ ba trong tước Hầu, sau Quốc thượng hầu và Quốc Á thượng hầu.

SÁCH QUẢN ĐỘI (02) : Sách là đơn vị hành chánh ở vùng trung du và rừng núi hoặc vùng hẻo lánh xa xôi. Quản Đội là tên riêng. Sách Quản Đội ở huyện Lôi Dương. Huyện Lôi Dương nay là huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

SẮC VĂN (56) : Sắc chỉ của vua. Lời văn truyền tải mệnh lệnh của vua.

SÔNG CHÂN PHÚC (53) : Tên sông ở Nghệ An.

SÔNG NHỊ (61) : Tức sông Hồng.

SƠN ĐÔNG (17) : Tên đất. Đất này nay thuộc huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

SUY TRUNG ĐỒNG ĐỨC HIỆP MƯU BẢO CHÍNH LŨNG NHAI CÔNG THẦN (05) : Tên vinh hiệu, đại để là : Vị công thần có công đốc lòng bàn mưu tính kế bảo vệ lễ chính từ ngày dự hội thể ở Lũng Nhai.

SUY TRUNG TÁN TRỊ HIỆP TRUNG MƯU QUỐC CÔNG THẦN, NHẬP NỘI KIỂM HIỆU TƯ KHẨU, BÌNH CHƯƠNG QUÂN QUỐC TRỌNG SỰ (28) : Vị công thần, hiện giữ chức Nhập nội kiểm hiệu tư khẩu, từng có công trong thời kì khởi nghĩa giành độc lập, được ban vinh hiệu là Suy trung tán trị hiệp trung mưu quốc công thần, lại được ban thêm vinh hiệu là Bình chương quân quốc trọng sự.

SÚ TI QUỐC OAI (37) : Chỉ chung cơ quan cai trị ở Quốc Oai. Cơ quan này nếu đầy đủ thì gồm có : Thừa Ti, Đô Ti và Hiến Ti, mỗi Ti có một Chánh sử (có khi còn có thêm cả Phó sử) cầm đầu.

TẢ ĐÔ ĐỐC PHỦ TRUNG QUÂN (59) : Chức võ quan cao nhất ở phủ Trung Quân là một trong năm phủ quân thời Lê. Dưới Tả đô đốc là chức Hữu đô đốc.

TẢ HỮU NAP NGÓN (34) : Cũng tức là chức Tả hữu thuyết thư, hàm tòng Ngũ phẩm, ngang với quan Thiêm đô ngự sử hoặc quan Quốc tử giám tư nghiệp...v.v.

TẢ HỮU THỊ LANG BỘ LỄ (46) : Đứng đầu mỗi bộ là quan Thượng thư, hàm tòng Nhị phẩm. Dưới quan Thượng thư là các quan Thị lang, hàm tòng Tam phẩm, nhưng chức Tả thị lang bao giờ cũng lớn hơn chức Hữu thị lang một bậc. Sau Tả Hữu thị Lang là các chức Lang trung. Tả Hữu thị lang, đại để cũng như Thứ trưởng thứ nhất và Thứ trưởng thứ hai của một bộ. Triều đình xưa thường có sáu bộ, trong đó, bộ Lễ là bộ thuộc hàng lớn nhất.

TÁN LÍ QUÂN VỤ (62) : Chức quan có hàm ngang với Tam thái nhưng có quyền dự bàn việc quân cơ.

TẾ GIAO (27) : Tế trời. Điển lễ xưa quy định, chỉ Hoàng đế mới được quyền Tế Giao. Đàn Tế Giao bao giờ cũng đắp ở phía Nam kinh đô nên Tế Giao cũng gọi là Tế Nam Giao.

TẾ MIẾU (27) : Đây chỉ tế Thái Miếu, tức tế ở nhà thờ các vị vua đã quá cố.

TẾ NGŨ TỰ (27) : Theo thiên *Nguyệt lệnh* của *Kinh Lễ* thì tế Ngũ Tự là tế năm vị thần : Trung Lưu (thần trong nhà), Táo (thần bếp), Hộ (thần cửa nhà), Môn (thần cửa ngõ) và Hành (thần đi đường).

TÊN CHỮ. TÊN NÔM (10) : Tên chữ là tên để đọc và viết theo chữ Hán, còn tên Nôm là để đọc và viết theo âm Nôm, tức là tên nôm na mà ta thường gọi.

TIẾN SĨ CẬP ĐỆ, ĐỆ NHỊ DANH (43) : Người đỗ thứ hai trong kì thi Đình (hay thi Điện) là kì thi phụ được tổ chức ngay sau kì thi Hội.

TÒA KINH DIÊN (29) : Nơi vua nghe giảng học, cũng là nơi làm việc của các quan Kinh diên. Nhiệm vụ của các quan Kinh diên là : Giảng sách cho vua nghe, chọn dâng điều hay việc dở để vua biết mà tránh...

TỔNG TRI VỆ BẮC BÌNH (43) : Chức võ quan đứng đầu vệ Bắc Bình. Vệ là đơn vị quân đội, Bắc Bình là tên gọi. Xưa, mỗi vệ quân đều có một tên gọi riêng. Võ quan giữ chức Tổng tri thường có hàm tòng Thất phẩm.

TUYÊN CHÍNH SỨ TÂY ĐẠO (45) : *Tuyên chính* là chức, *Sứ* là người giữ chức, còn *Tây Đạo* là tên đơn vị hành chính. Quan Tuyên chính cũng tức là quan Tuyên úy, hàm Tam phẩm. Tây Đạo là vùng đất tương ứng với các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên ngày nay.

TUYÊN PHỦ SỨ (20), (24) : Quan đứng đầu một phủ.

TƯ KHẨU (31), (34) : Tương tự như Thượng thư bộ Hình, chức quan chuyên lo việc xét xử và án kiện.

TƯ KHÔNG (21) : Một trong Tam tư (Tư đồ, Tư mã, Tư không) là chức rất lớn, thường có hàm nhất phẩm (trên cả Thượng thư). Từ đời vua Lê Thánh Tông, chức này bị bãi bỏ.

TƯỚC HUYỆN THƯỢNG HẦU (05) : Tước vị cao nhất trong hàng Huyện hầu, trên Huyện Á thượng hầu và Huyện hầu. Đặt trong toàn bộ hệ thống 15 bậc của Hầu tước, thì Huyện thượng hầu ở bậc thứ 7.

TUỌNG LỘ (27) : Xe riêng của vua, cỡ lớn, thường dùng để đi xa, trên có trang trí nhiều vật dụng làm bằng ngà voi.

THÁI SỬ (18) : Chức quan lo việc chép sử.

THÁI SỬ LỆNH (37) : Người được giữ chức quan lo việc chép sử.

THAM NGHỊ CHÍNH SỰ (38) : Chức quan được dự bàn những việc lớn của triều đình và quốc gia.

THANH CHƯƠNG (08) : Tên đất. Nay là huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

THANH HOA (06) : Tên đất. Đất này nay là Thanh Hóa. Hai chữ Thanh Hóa vốn có từ đầu đời nhà Lý, nhưng đến cuối đời Trần thì đổi làm phủ Thanh Đô. Thời Lê, đất này gọi là Thanh Hoa. Thời Nguyễn mới dùng lại tên cũ là Thanh Hóa. Sách này kể chuyện đời Lê nên viết là đất Thanh Hoa chứ không viết là đất Thanh Hóa.

THẨM HÌNH VIỆN PHÓ SỨ (34) : Tên chức quan. Chức này ở sau chức Thẩm hình viện chánh sứ, và cùng với Thẩm hình viện chánh sứ trông coi cơ quan Thẩm Hình Viện là cơ quan chuyên lo việc xét xử, án kiện.

THỊ NGỰ SỬ (29) : Tên chức quan. Quan Thị ngự sử là quan làm việc tại Ngự Sử Đài. Chức này, sau đổi là Đô ngự sử.

THIỆT SƠN BÁ (61) : Tước Bá, hiệu là Thiết Sơn.

THỜI TAM ĐẠI (35) : Thời Hạ, thời Thương (cũng gọi là thời Ân) và thời Chu. Cả ba đều là của Trung Quốc cổ đại.

THÔN NHƯ ÁNG (01) : Tên thôn. Thôn này thuộc làng Chủ Sơn, huyện Lôi Dương, nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

THỪA CHỈ LÀ LÊ TRÃI (22) : Quan Thừa chỉ là Lê Trãi. Lê Trãi cũng tức là Nguyễn Trãi. Ông được ban quốc tính (họ của vua) nên sử chép là Lê Trãi. Theo quan chế đầu đời nhà Lê, người đứng đầu Hàn Lâm Viện gọi là Hàn lâm phụng chỉ. Đến đời Lê Thánh Tông, chức này đổi gọi là Thừa chỉ. Nguyễn Trãi mất khi Lê Thánh Tông vừa mới chào đời được 12 ngày (còn gọi là Hoàng tử Lê Tư Thành), mãi đến 18 năm sau mới lên ngôi, nhưng vì bộ sử này viết sau, chịu ảnh hưởng của quan chế đời Lê Thánh Tông nên mới chép là Thừa chỉ.

THỪA CHÍNH SỨ (53) : Chức quan đứng đầu Thừa Ti là cơ quan chuyên lo về hành chính và thuế khóa.

TRINH CAO (05) : Tên đất. Đất này nay thuộc vùng phía tây của huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

TRUNG LỘ AN PHỦ SỨ (37) : Chức đứng đầu phủ Trung Lộ.

TRUNG SỬ (56) : Người nhận mệnh vua đi làm một công việc cụ thể nào đấy.

TRUNG THƯ HOÀNG MÔN THỊ LANG (20) : Quan có hàm Thị lang, làm việc ở Hoàng Môn Sảnh, lo việc chép các tờ sắc phong.

TRUNG THỪA (34) : Chức quan làm việc ở Ngự Sử Đài (hay Đài quan) ở dưới quan Thị ngự sử. Chức Trung Thừa cũng có Chánh và Phó.

VIỆT VƯƠNG CÂU TIỄN (17) : Vua của nước Việt là Câu Tiễn. Nước Việt ở đây là nước Việt của Trung Quốc thời Xuân - Thu. Nước Việt bị nước Ngô đánh bại, Câu Tiễn bị vua Ngô là Phù Sai bắt làm tù binh, phải chịu bao nỗi đắng cay tủi nhục. Câu Tiễn quyết chí trả thù, ngoài mặt thì ẩn nhẫn chịu đựng, nhưng trong lòng oán hận không nguôi. Sau hai chục năm trời khổ luyện và bí mật chuẩn bị lực lượng, Câu Tiễn đã bất thành lình đánh Ngô Phù Sai, khiến Phù Sai bị bại trận mà thất cổ tự tử.

VỆ OAI LÔI (46) : Vệ quân có tên là Oai Lôi. Vệ là đơn vị quân đội.

XỨ HOA LĂNG, HUYỆN THỦY ĐƯỜNG (53) : Tên đất. Đất này nay thuộc huyện Thủy Nguyên, Quảng Ninh.

XỨ PHÁT HOÀNG (02) : Đất này nay thuộc Lam Sơn, Thanh Hóa.

YÊN LĂNG (61) : Tên đất. Đất này nay thuộc Vinh Phúc.

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu	3
01 - Lý lịch xuất thân của Lê Lợi	5
02 - Sự tích điện Tiên Du	7
03 - Lê Lợi xưng nghĩa	9
04 - Hoàng Hựu Đại vương và Bảo Quốc Đại vương	10
05 - Lê Lai cứu chúa	12
06 - Cầm Bành bị mắc mưu	14
07 - Trần Bồ Ái	16
08 - Quân pháp của Lam Sơn	17
09 - Số phận của Trần Phong và Lương Như Hốt	19
10 - Cái chết của Đỗ Duy Trung	21
11 - Bước đường cùng của Tổng binh Thành Sơn Hầu Vương Thông	23
12 - Bốn sắc lệnh của Lê Lợi đầu năm 1427	25
13 - Lời tiên đoán của Lưu Thanh	27
14 - Đinh Lễ và Nguyễn Xí với cái giá của một bài học	28
15 - Hội thề Đông Quan	30
16 - Phép nước dầu đời Lê Thái Tổ	33
17 - Thương thay Trần Nguyên Hãn !	34
18 - Phần thưởng của Bùi Thị Hạnh	36
19 - Đức độ của Nguyễn Thiên Hựu	37
20 - Chuyện quanh tờ biểu văn do Nguyễn Trãi soạn	39
21 - Chuyện Phạm Mẫn bị đi đày	41
22 - Nguyễn Trãi với bảy tên trộm	42
23 - Các Ngôn quan Phan Thiên Tước, Lương Thiên Phúc và Nguyễn Chiêu Phủ với sáu điều can vua	43
24 - Thái Quán Thực và Nguyễn Tông Trụ làm nhục quốc thể	46
25 - Phan Thiên Tước và ý thức về chức phận của mình	48
26 - Lại chuyện can ngăn của Ngôn quan Phan Thiên Tước	50
27 - Cuộc xung đột ý kiến giữa Nguyễn Trãi với Lương Đắc	51
28 - Vụ án Lê Sát	54
29 - Lê Thái Tông với việc thưởng phạt quan lại	57
30 - Quan Tham nghị là Nguyễn Liễu bị thích chữ vào mặt và bị đày viễn xứ	58
31 - Lê Ngân bị bức tử	60

32 - Duyên phận của bà Dương Thị Bí	62
33 - Vụ án Lê Chi Viên	64
34 - Lời tâu của quan Tham tri Đông Đạo Trình Dục	66
35 - Tâm địa của Hà Lật	68
36 - Hôn lễ của Vệ Quốc Trưởng Công chúa	71
37 - Tham tri Tây Đạo Bùi Thị Hanh và Trung Lộ An phủ sứ Bạch Khuê bị bãi chức	72
38 - Lại chuyện Bùi Thị Hanh	74
39 - Người ở trên phép nước	76
40 - Chuyện Trịnh Khả	77
41 - Loạn Lê Nghi Dân	79
42 - Nguyễn Sư Hối với bài thơ viết theo lối chiết tự	81
43 - Thượng thư Nguyễn Như Đổ bị khiển trách	83
44 - Thái úy Lê Lăng bị giết	85
45 - Lược truyện Trần Phong	86
46 - Cuộc đối đáp giữa Thám hoa Lương Như Hộc với Văn Lư	88
47 - Vua Lê Thánh Tông đòi đọc nhật lịch	90
48 - Thái bảo Nguyễn Lỗi can vua	92
49 - Vua Lê Thánh Tông xin lỗi quan Đô ngự sử Trần Xác	94
50 - Hoàng tử Triệu Vương Thoan đánh chết người	95
51 - Vì sao hoạn quan Phan Tông Trinh bị giết ?	97
52 - Lê Uy Mục và cuộc thanh trừng lần thứ nhất	99
53 - Lê Uy Mục và cuộc thanh trừng lần thứ hai	101
54 - Chuyện Nguyễn Chí	102
55 - Đức độ của vua Lê Uy Mục	103
56 - Cuộc bạo loạn năm Kì Tị (1509)	105
57 - Trịnh Duy Sản giết vua Lê Tương Dục	107
58 - Sự hiểm độc của Nguyễn Văn Lự	108
59 - Chân tướng Lê Quảng Độ	110
60 - Chuyện Vũ Như Tố	111
61 - Cái chết của Chú Khải, Trịnh Hựu và Ngô Bính	113
62 - Ngày tàn của Chiêu Tông	116
Niên biểu thời Lê Sơ	118
Lời chú cuối sách	122

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập nội dung và tài bản :
TRẦN KIM NHŨNG

Biên tập kĩ thuật :
TRẦN THÀNH TOÀN

Trình bày bìa :
VŨ THANH HÙNG

Sửa bản in :
XUÂN PHƯƠNG

Sắp chữ tại :
PHÒNG SCDT - CN.NXBGD - TP. HỒ CHÍ MINH

VIỆT SỬ GIAI THOẠI TẬP 5

Mã số: 8H018t4 - CNH

In 3.000 bản, khổ 14.3 x 20.3cm tại Công ty Cổ phần In Gia Định, 9D Nơ Trang Long, Q.Bình Thạnh. Số in: 261/04 HDGC.
Giấy phép xuất bản số: 1752/125-03. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2004.



Cùng tác giả
(tại Nhà xuất bản Giáo dục) :

- VIỆT SỬ GIAI THOẠI (8 tập)
- THẾ THỨ CÁC TRIỀU VUA VIỆT NAM
- DANH TƯỚNG VIỆT NAM
(Trọn bộ 5 tập - Đã in và tái bản 3 tập)
- ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM
(Trọn bộ 5 tập - Đã in 2 tập)
- TRÔNG LẠI NGÀN XƯA
(Trọn bộ 3 tập - Đã in 2 tập)
- KỂ CHUYỆN DANH NHÂN NƯỚC NHÀ
(Bộ truyện tranh lịch sử nhiều tập)

Đã xuất bản 2 tập :

Trần Hưng Đạo : Phần 1 : Thời ấy giang sơn

Trần Hưng Đạo : Phần 2 : Đất nước đại phong ba

越

史

佳

話

viết sử giai thoại tập 5



1 001050 500846

7.400 VND



Giá: 7.400đ